

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÀNH ĐÔNG



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH Y HỌC CỔ TRUYỀN
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Mã số: 7720115

Hải Dương – 2025

MỤC LỤC

PHẦN 1. GIỚI THIỆU.....	1
1.1. Trường Đại học Thành Đông.....	1
1.2. Giới thiệu Khoa Y Dược.....	3
1.3. Giới thiệu về ngành Y học cổ truyền.....	6
PHẦN 2. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	8
2.1. Giới thiệu chương trình đào tạo.....	8
2.2. Mục tiêu chương trình đào tạo.....	9
2.3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (Programma Learning Outcomes – PLOs).....	10
1. Kiến thức.....	10
1.1. Kiến thức chung.....	10
2.4. Vị trí, cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp.....	17
2.5. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp.....	17
2.6. Các dịch vụ hỗ trợ người học.....	17
PHẦN 3. CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC.....	19
3.1. Cấu trúc Chương trình dạy học.....	19
3.2. Khung Chương trình dạy học.....	21
3.3. Bảng phân nhiệm chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cho các học phần (Bảng ma trận kỹ năng).....	30
3.4. Cấu trúc và trình tự dạy học (Lưu đồ Chương trình dạy học).....	48
3.5. Phương pháp giảng dạy và học tập.....	49
3.6. Phương pháp đánh giá và công cụ, tiêu chí đánh giá kết quả học tập.....	63
3.7. Hệ thống tính điểm.....	87
3.8. Mô tả vắn tắt các học phần.....	88
PHẦN 4. CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ TRANG THIẾT BỊ.....	125
4.1. Cơ sở hạ tầng phục vụ thực hiện chương trình đào tạo.....	125
4.2. Học liệu: Giáo trình, tài liệu bài giảng, sách tham khảo.....	126
Giáo trình Xác suất thống kê.....	127
Giáo Trình Tiếng Trung Chuyên Ngành Y học cổ Truyền.....	127
PHẦN 5. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NHÂN VIÊN HỖ TRỢ.....	133
5.1. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình đào tạo.....	133
5.2. Nhân viên hỗ trợ.....	139
PHẦN 6. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	141

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO Ngành: Y HỌC CỔ TRUYỀN Trình độ đào tạo: Đại học Mã số: 7720115	Lần ban hành: 04 Ngày ban hành: Số trang:
---	---

PHẦN 1. GIỚI THIỆU

1.1. Trường Đại học Thành Đông

1.1.1. Tóm tắt quá trình phát triển

Trường Đại học Thành Đông (TĐU) được thành lập theo Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 17/9/2009 của Thủ tướng Chính phủ, là trường đại học tư thục đầu tiên của tỉnh Hải Dương. Đến cuối năm 2024, Nhà trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo 28 mã ngành trình độ đại học, 06 mã ngành trình độ thạc sĩ và 01 mã ngành trình độ tiến sĩ.

1.1.2. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục

Sứ mạng: Trường Đại học Thành Đông có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, tổ chức nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ vào thực tiễn sản xuất, phục vụ cộng đồng, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nói chung và tỉnh Hải Dương nói riêng.

Tầm nhìn: Đến năm 2030, Trường Đại học Thành Đông trở thành trường đại học đào tạo theo định hướng ứng dụng, chất lượng cao; có uy tín trong nước và khu vực; nằm trong top 10 các trường đại học tư thục Việt Nam.

Giá trị cốt lõi: Năng động, trí tuệ, trách nhiệm.

Triết lý giáo dục: Chủ động học tập, kiến tạo tương lai.

1.1.3. Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ

Gồm Hội đồng Trường, Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Chi bộ Đảng và các đoàn thể, Ban Giám hiệu (01 Hiệu trưởng, 04 Phó Hiệu trưởng), các phòng chức năng, các khoa chuyên môn và các Viện, Trung tâm:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÀNH ĐÔNG



1.1.4. Chiến lược phát triển của Nhà trường

Mục tiêu: Xây dựng Trường Đại học Thành Đông trở thành trường đại học đào tạo theo định hướng ứng dụng chất lượng cao, có uy tín trong nước và khu vực về lĩnh vực đào tạo, NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ; Xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên và quản lý có trình độ chuyên môn cao, có năng lực NCKH; đảm bảo cơ sở vật chất và trang thiết bị từng bước hiện đại, đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng; các chương trình đào tạo bắt kịp trình độ giáo dục đại học trong nước và khu vực, có năng lực cạnh tranh cao và thích ứng với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh hội nhập toàn cầu.

Các chính sách chất lượng và hoạt động bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục: Nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của Nhà trường, năm 2020 Nhà trường đã tiến hành Tự đánh giá (TĐG) chất lượng cơ sở giáo dục, đã đăng ký kiểm định chất lượng trường đại học với Bộ GD&ĐT. Ngày 26/11/2020 Nhà trường đã được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Trường Đại học Vinh cấp **GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành**. Ngày 12/8/2024, chương trình đào tạo đại học ngành Quản lý đất đai và ngành Luật kinh tế của Trường Đại học Thành Đông đã được Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục – Trường Đại học Vinh cấp **GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành**. Đây là một bước tiến quan trọng, khẳng định chất lượng giảng dạy và uy tín của Nhà trường trong việc cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội. Với sự công nhận này, Trường Đại học Thành Đông không chỉ củng cố vị thế của mình trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam, mà còn mở ra nhiều cơ hội mới trong việc hợp tác quốc tế và thu hút sinh viên, học viên tài năng từ khắp mọi miền đất nước.

1.2. Giới thiệu Khoa Y Dược

1.2.1. Giới thiệu tóm tắt quá trình phát triển

Khoa Y Dược là đơn vị trực thuộc Trường Đại học Thành Đông, được thành lập theo Quyết định số 06/QĐ-ĐHTĐ ngày 25/5/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thành Đông. Khoa có nhiệm vụ đào tạo trình độ đại học các ngành thuộc khối ngành sức khỏe.

Khoa Y Dược nằm trong khuôn viên của Nhà trường tại địa chỉ: số 03 Vũ Công Đán, phường Tứ Minh, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Trụ sở của khoa là tòa nhà 6 tầng (**nhà C**) được xây dựng trên khu đất rộng và nhiều cây xanh. Tòa nhà được thiết kế 15 giảng đường, 13 phòng thực hành, thực tập, 01 hội trường, văn phòng khoa, phòng nước giáo viên, phòng đọc, kho bảo quản trang thiết bị và vườn dược liệu mẫu. Khoa Y Dược không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, ngoài việc đầu tư cho phòng thí nghiệm, phòng thực hành. Theo Nghị định 111/2017/NĐ-CP về tổ chức đào tạo thực hành trong khối ngành sức khỏe, Khoa Y Dược đã ký hợp đồng nguyên tắc với

hiều bệnh viện Trung ương, bệnh viện tuyến tỉnh, trung tâm y tế và các nhà máy, xí nghiệp được phẩm để làm cơ sở thực tập nghề nghiệp cho sinh viên.

Khoa Y Dược đã được Bộ GD&ĐT ra Quyết định số 290/QĐ-BGD&ĐT ngày 01/02/2019 cho phép tổ chức đào tạo trình độ đại học các ngành **Dược học** (mã số **7720201**) và ngành **Y học cổ truyền** (mã số **7720115**). Từ Quyết định nói trên, năm 2019 khoa đã triển khai đào tạo trình độ đại học ngành Dược học và ngành Y học cổ truyền.

Do làm tốt công tác đào tạo ngành Dược học, ngành Y học cổ truyền và không ngừng đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, đặc biệt là đầu tư cho nguồn nhân lực, hai năm liên tục 2020, 2021 Khoa Y Dược đã được Bộ GD&ĐT, UBND tỉnh Hải Dương tặng bằng khen.

Với những kết quả đã đạt được, năm 2021 Bộ GD&ĐT ra Quyết định số 4445/QĐ-BGDĐT ngày 26/11/2021 cho phép Nhà trường (Khoa Y Dược) tổ chức đào tạo trình độ Đại học ngành **Kỹ thuật xét nghiệm y học** (mã số **7720601**), năm 2022 bộ GD&ĐT ra Quyết định số 354/QĐ-BGDĐT ngày 25/01/2022 cho phép Nhà trường (Khoa Y Dược) tổ chức đào tạo trình độ Đại học ngành **Kỹ thuật hình ảnh y học** (mã số **7720602**).

1.2.2. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát

Sứ mạng: Không ngừng phấn đấu để tạo ra những sản phẩm đào tạo, khoa học công nghệ và dịch vụ y tế ngày càng phát triển. Đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng cao phục vụ cho các cơ sở y tế trên toàn quốc, đặc biệt là các đơn vị y tế tại tỉnh Hải Dương. Góp phần vào sự nghiệp bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

Tầm nhìn: Từng bước nâng cao vị thế của Khoa, đào tạo và nghiên cứu khoa học theo định hướng ứng dụng. Phấn đấu đến năm 2030, khoa Y Dược trở thành trung tâm đào tạo lớn ngang bằng với các cơ sở đào tạo hàng đầu thuộc khối ngành sức khỏe ở trong nước và khu vực.

Mục tiêu tổng quát: Đào tạo Bác sĩ Y học cổ truyền trình độ đại học theo định hướng ứng dụng, với mục tiêu rèn luyện những người có đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt, trang bị kiến thức và kỹ năng chuyên môn vững vàng để thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên ngành. Đồng thời, giúp họ phát triển khả năng nghiên cứu khoa học và tự học để nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng nhu cầu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân.

1.2.3. Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ

*** Cơ cấu tổ chức**

Khoa Y Dược là đơn vị tự chủ về học thuật, tự chủ về nguồn nhân lực, cơ cấu tổ chức, cơ sở vật chất và trang thiết bị. Khoa có cơ cấu tổ chức như sau:

- *Hội đồng khoa gồm 5 thành viên:* Chủ tịch Hội đồng khoa là **BSCKII. Cao Đức Hy**. Hội đồng khoa có nhiệm vụ định hướng các hoạt động của khoa, kiểm tra và giám sát việc chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ của Ban lãnh đạo khoa.

- *Ban lãnh đạo khoa gồm 3 thành viên:* Trưởng khoa là **GS. TSKH. Phùng Khắc Cam** và các Phó Trưởng khoa là: **PGS.TS.BS. Đỗ Tuấn Anh** và **Ths.BS. Lê Văn Quảng**.

- *Cơ cấu các đơn vị trực thuộc khoa gồm:* Ban Quản lý Đào tạo; Ban Quản lý Sinh viên; Ban Quản lý Hành chính – Quản trị; Ban Quản lý Cán bộ – Tài chính Kế toán và **5 Bộ môn:** Bộ môn Dược; Bộ môn Y học cổ truyền; Bộ môn Xét nghiệm; Bộ môn Kỹ thuật hình ảnh và Bộ môn Khoa học Cơ bản.

- *Cơ cấu nhân sự trong các Ban:* Gồm Trưởng ban, Phó ban và các thành viên trong ban. Ban có thể phân chia thành các tổ công tác chuyên thực hiện một mảng công việc của ban và có tổ trưởng phụ trách mảng công việc đó. Mỗi thành viên trong khoa có thể sẽ được phân công làm việc ở những ban khác nhau trong cùng thời điểm.

- *Cơ cấu nhân sự trong các Tổ Bộ môn và Bộ môn chuyên ngành:* Cơ cấu Tổ Bộ môn và Bộ môn chuyên ngành có Trưởng, phó và các cán bộ giảng dạy đáp ứng với mục tiêu đào tạo do Tổ Bộ môn và Bộ môn đảm nhận.

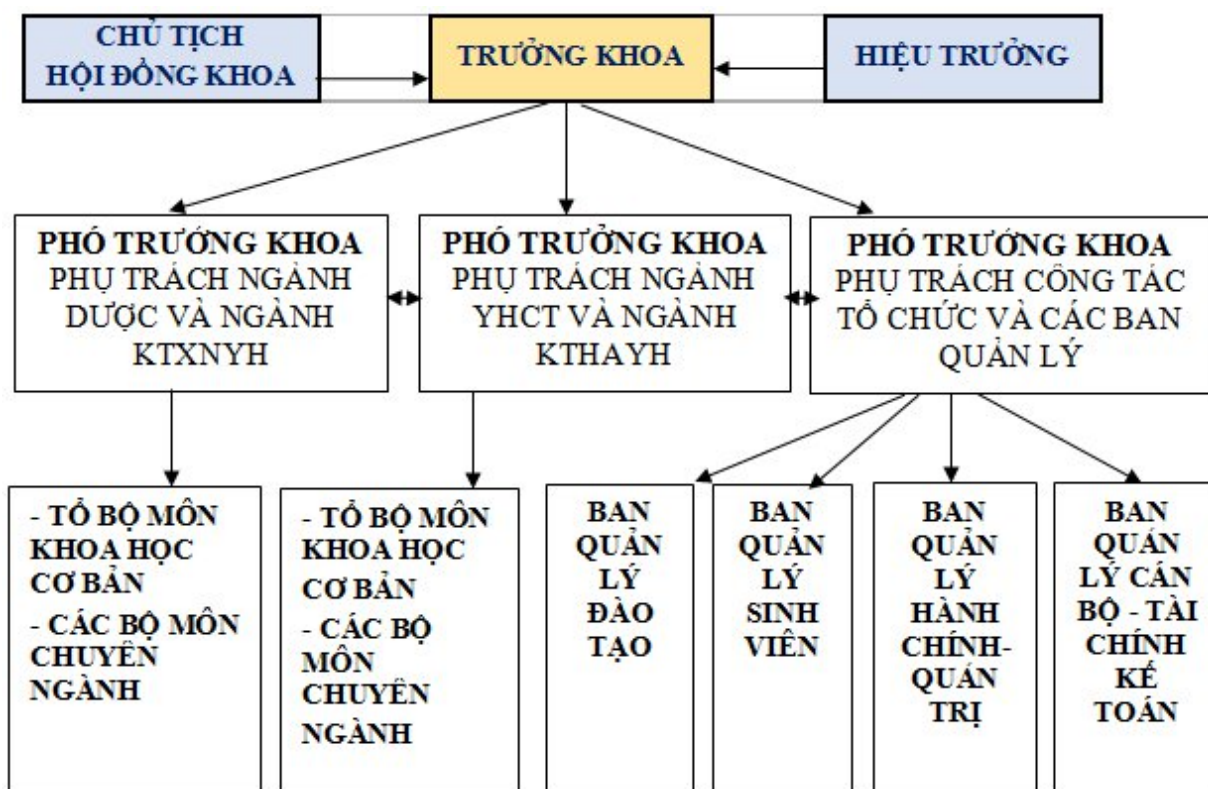
*** Đội ngũ cán bộ, giảng viên**

Hiện Khoa Y Dược có đội ngũ giảng viên là các Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Thạc sĩ đã từng công tác ở các trường đại học lớn như Trường Đại học Y Hà Nội, Trường Đại học Dược Hà Nội, các bệnh viện Trung ương, v.v... đang tham gia công tác quản lý và giảng dạy tại khoa Y Dược.

Đến tháng 3/2025, Khoa Y Dược đã có 70 cán bộ, giảng viên, trong đó: có 03 Giáo sư (có 02 Giáo sư Tiến sĩ Khoa học); 06 Phó Giáo sư; 13 Tiến sĩ; 19 Thạc sĩ; 09 Bác sĩ CKII; 02 Bác sĩ CKI, 05 Dược sĩ Chuyên khoa 1; 04 Dược sĩ, 04 Dược sĩ cao đẳng, 02 Cử nhân KTXNYH, 03 Cử nhân KTHAYH là Kỹ thuật viên.

Ngoài những cán bộ giảng viên nói trên, Khoa còn có đội ngũ giảng viên thỉnh giảng có kinh nghiệm thực tế chuyên môn. Đây là những giảng viên đang công tác tại các Trường Đại học, Viện nghiên cứu, Bệnh viện, các nhà máy, xí nghiệp dược phẩm đã và đang đóng góp tích cực vào công tác đào tạo của Khoa.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA KHOA Y DƯỢC



1.2.4. Chiến lược phát triển của Khoa Y Dược

Khoa Y Dược xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên và quản lý có trình độ chuyên môn cao, có năng lực nghiên cứu khoa học; đảm bảo cơ sở vật chất và trang thiết bị ngày càng hiện đại, đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Các chương trình đào tạo đạt chuẩn giáo dục đại học trong nước và khu vực, có năng lực cạnh tranh cao và thích ứng với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh hội nhập toàn cầu.

Khoa Y Dược hướng tới mục tiêu trở thành cơ sở đào tạo các bác sĩ Y học cổ truyền, Dược sĩ, cử nhân Xét nghiệm Y học và cử nhân Kỹ thuật hình ảnh Y học “vừa hồng vừa chuyên”, đáp ứng tốt các vị trí làm việc trong các cơ sở như: Bộ Y tế, Sở Y tế, bệnh viện, các trường đại học, cao đẳng và trung cấp. Những cán bộ y tế luôn tận tâm vì sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

1.3. Giới thiệu về ngành Y học cổ truyền

1.3.1. Giới thiệu tổng quan về đặc điểm, vị trí, vai trò của ngành trong cơ cấu ngành nghề của đơn vị, của Nhà trường và của địa phương, khu vực.

Khoa Y Dược Trường Đại học Thành Đông đã và đang đào tạo 4 chuyên ngành: Dược học, Y học cổ truyền, Xét nghiệm Y học và Kỹ thuật hình ảnh Y học. Khoa Y Dược nói chung và ngành Y học cổ truyền nói riêng có vị trí và vai trò rất to lớn trong việc đào tạo cung cấp nguồn nhân lực y tế có chất lượng đáp ứng nhu cầu của các cơ sở Y tế hiện nay.

Ngành Y học cổ truyền đào tạo bác sĩ Y học cổ truyền hệ chính quy, đã góp phần tạo ra nguồn nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng được nhu cầu của xã hội trong việc chăm sóc sức khỏe cộng đồng, được đánh giá cao trong đào tạo và nghiên cứu khoa học cùng với các ngành khác trong Trường về chất lượng và số lượng sinh viên tham gia học tập.

1.3.2. Thông tin liên hệ của ngành (địa chỉ, điện thoại, email, người liên lạc ...)

Địa chỉ: Nhà C, số 3 Vũ Công Đán, phường Tứ Minh, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 0902106466 (GS.TSKH. Cam) hoặc 0349860103 (PGS.TS. **Tuấn Anh**)

Email: phungdaccam1@gmail.com, hoặc <http://khoayduoc.thanhdong.edu.vn>.

Người liên lạc: **GS. TSKH. Phùng Đắc Cam hoặc PGS.TS.BS. Đỗ Tuấn Anh.**

PHẦN 2. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Giới thiệu chương trình đào tạo

Căn cứ Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 Ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ Đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành “Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục Đại học”;

Căn cứ thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27 tháng 5 năm 2015 quy định mã số tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Bác sĩ, Bác sĩ Y học dự phòng, Y sĩ.

Chương trình đào tạo được cấu trúc theo Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 06 tháng 9 năm 2017 về mở mã ngành đào tạo.

Trường Đại học Thành Đông xây dựng chương trình đào tạo bác sĩ Y học cổ truyền dựa trên các quy định của Bộ giáo dục đào tạo và Bộ Y tế, đồng thời tham khảo nhiều chương trình đào tạo bác sĩ Y học cổ truyền của các trường như: Đại học Y Hà Nội, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam, Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Y Dược Thái Bình, Đại học Y Dược Cần Thơ nhằm đảm bảo tính liên thông giữa các chương trình đào tạo, cấp độ đào tạo và các cơ sở đào tạo khác

Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Y học cổ truyền được ban hành lần đầu tiên khi mở mã ngành theo Quyết định số 112/QĐ-ĐHTĐ ngày 25/7/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thành Đông và được rà soát cập nhật năm 2021, 2023. Các thông tin chung về CTĐT hiện hành được thể hiện ở Bảng 2.1

Bảng 2.1. Thông tin về chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Y học cổ truyền

1	Tên gọi CT	Bác sĩ Y học cổ truyền Mã số: 7720115
2	Bậc	Đại học
3	Loại bằng	Bác sĩ Y học cổ truyền
4	Loại hình đào tạo	Chính quy / Toàn thời gian
5	Thời gian	6 năm
6	Số tín chỉ	191 tín chỉ (không bao gồm học phần GDTC, GDQP)
7	Khoa quản lý	Khoa Y Dược
8	Ngôn ngữ	Tiếng Việt
9	Website	https://khoayduoc.thanhdong.edu.vn/
10	Chương trình đào tạo ban hành năm 2018	Quyết định số 112/QĐ-ĐHTĐ ngày 25/7/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thành Đông.
11	Chương trình đào tạo	Quyết định số 383/QĐ-ĐHTĐ ngày 28/12/2021 của

	ban hành năm 2021	Hiệu trưởng Trường Đại học Thành Đông.
12	Chương trình đào tạo ban hành năm 2023	Quyết định số 610/QĐ-ĐHTĐ ngày 21/7/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thành Đông.

2.2. Mục tiêu chương trình đào tạo

Mục tiêu chung (goals, aims): Đào tạo Bác sĩ Y học cổ truyền đạt chuẩn năng lực cơ bản của Bác sĩ Y học cổ truyền Việt Nam, với tác phong hành nghề chuyên nghiệp. Người học sẽ có khả năng ứng dụng kiến thức khoa học cơ bản và kiến thức Y học cổ truyền trong chăm sóc các vấn đề sức khỏe thông thường cho người dân, sử dụng Y học cổ truyền đơn thuần hoặc kết hợp với Y học hiện đại một cách an toàn, hiệu quả và chất lượng. Đồng thời, chương trình còn hướng tới việc phát triển khả năng nghiên cứu khoa học, tự học và học tập suốt đời; khả năng tổ chức, quản lý và giải quyết kịp thời các vấn đề sức khỏe; cũng như năng lực giao tiếp, hợp tác và làm việc nhóm hiệu quả.

Mục tiêu cụ thể (Programme Objectives - POs):

Chương trình đào tạo (CTĐT) sẽ trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng để đạt chuẩn đầu ra và đạt mục tiêu chung của CTĐT, cụ thể như sau:

*** Về kiến thức:**

PO1: Trang bị cho người học các kiến thức khoa học cơ bản, chính trị – xã hội, và pháp luật, đồng thời hướng dẫn người học phương pháp tự học, tự nghiên cứu để phát triển khả năng học tập suốt đời. Người học sẽ được cung cấp nền tảng vững chắc để thích ứng với sự thay đổi liên tục trong khoa học và công nghệ.

PO2: Trang bị cho người học các kiến thức về Y học cơ sở, bao gồm cả Y học cổ truyền (YHCT) và Y học hiện đại (YHHĐ). Những kiến thức này đóng vai trò quan trọng trong việc tạo điều kiện thuận lợi cho người học tiếp thu các kiến thức chuyên ngành và là nền tảng vững chắc cho việc thực hành Y học lâm sàng, chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh theo YHHĐ và YHCT, kết hợp YHHĐ với YHCT.

*** Về kỹ năng**

PO3: Trang bị cho người học các kỹ năng về ngoại ngữ và tin học nhằm đáp ứng các chuẩn đầu ra (CĐR) theo quy định của Nhà trường. Đồng thời, chương trình sẽ rèn luyện cho người học các kỹ năng mềm như giao tiếp, làm việc nhóm, lãnh đạo, phát hiện và giải quyết vấn đề, tư duy phản biện và sáng tạo, giúp họ tự tin và hiệu quả trong môi trường làm việc chuyên nghiệp.

PO4: Hướng dẫn người học các kỹ năng nghề nghiệp của một Bác sĩ YHCT, bao gồm kỹ năng chẩn đoán và điều trị các bệnh thường gặp, xử lý các trường hợp cấp cứu, tư vấn và giáo dục sức khỏe cho cộng đồng. Ngoài ra, người học sẽ được đào tạo để tổ chức và tham gia vào các hoạt động bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, phù hợp với vai trò của một bác sĩ YHCT trong hệ thống y tế.

*** Về Thái độ**

PO5: Giáo dục người học về đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường. Người học sẽ được định hướng hành nghề theo pháp luật và tuân thủ các quy định của ngành Y tế, đảm bảo thực hành y khoa với tinh thần trách nhiệm, tôn trọng bệnh nhân và cộng đồng.

2.3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (*Programma Learning Outcomes – PLOs*)

Khi kết thúc Chương trình đào tạo Bác sĩ Y học cổ truyền, người học phải đạt chuẩn năng lực cơ bản về hành nghề chuyên nghiệp và đạo đức, ứng dụng kiến thức và chăm sóc Y học cổ truyền kết hợp Y học hiện đại, tổ chức quản lý y tế, giao tiếp và cộng tác tốt trong giải quyết các vấn đề sức khỏe ở tuyến cơ sở. Người học cần đạt được các kiến thức và kỹ năng tối thiểu sau đây:

Bảng 2.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra PLOs (Programme Learning Outcomes)			Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện PI (Performance Indicator)	
PLOs	Nội dung PLO	Mức năng lực (*)	PI	Nội dung PI
1. Kiến thức				
1.1. Kiến thức chung				
PLO1 (1.1.1)	Vận dụng được kiến thức về: Triết học Mác Lênin, pháp luật, kinh tế chính trị, chủ nghĩa xã hội, tư tưởng, lịch sử Đảng trong hoạt động nghề nghiệp	3/6	PI 1.1	Áp dụng được các kiến thức cơ bản về: Triết học Mác Lênin; Pháp luật đại cương, Kinh tế chính trị Mác Lênin Chủ nghĩa XHKH, tư tưởng HCM; lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam; Pháp luật để chấp hành đường lối, chính sách và pháp luật Việt Nam.
PLO2 (1.1.2)	Vận dụng được các kiến thức về khoa học tự nhiên làm cơ sở tiếp thu kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành, soạn thảo văn bản, báo cáo, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Y khoa	3/6	PI 2.1	Vận dụng được kiến thức về: Kỹ năng mềm; Tiếng Anh; Tin học ứng dụng - Xác suất thống kê; Soạn thảo văn bản để tìm kiếm và phục vụ công tác nghiên cứu khoa học về lĩnh vực Y khoa
			PI 2.2	Vận dụng được kiến thức về: Vật lý - Lý sinh Y học, Nghiên cứu khoa học để hiểu, tiếp thu được kiến thức các môn học cơ sở ngành.

Chuẩn đầu ra PLOs (Programme Learning Outcomes)			Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện PI (Performance Indicator)	
PLOs	Nội dung PLO	Mức năng lực (*)	PI	Nội dung PI
1.2. Kiến thức ngành				
PLO3 (1.2.1)	Vận dụng hiệu quả kiến thức về khoa học cơ bản, khoa học cơ sở ngành để làm nền tảng cho việc tiếp thu kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và kiến thức chuyên ngành Y khoa trong thực hành nghề nghiệp	3/6	PI 3.1	Vận dụng hiệu quả kiến thức về: Khởi nghiệp Y khoa; Tâm lý, đạo đức Y học kết hợp được các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và quy định pháp luật để biết được vị trí việc làm sau khi ra trường.
			PI 3.2	Áp dụng được kiến thức về: Khoa học cơ bản; Khoa học Y sinh để làm cơ sở tiếp thu kiến thức của các môn học ngành và chuyên ngành.
			PI 3.3	Vận dụng được kiến thức về Sinh học và di truyền; Giải phẫu; Sinh lý, Vi sinh – Ký sinh trùng, Hóa sinh; Sinh lý bệnh; Miễn dịch, để hiểu và giải thích được các kiến thức của các môn học chuyên ngành.
PLO4 (1.2.2)	Vận dụng các kiến thức ngành và chuyên ngành Y khoa để khám, chẩn đoán và điều trị. Tuyên truyền cho người dân phòng và chữa bệnh bằng phương pháp điều trị không dùng thuốc, phương pháp chữa bệnh YHHĐ kết hợp YHCT hiệu quả trong cộng đồng. Khả năng ứng dụng các kiến thức về YHCT và YHHĐ để thực hiện các can thiệp y	3/6	PI 4.1	Vận dụng được kiến thức về Dinh dưỡng vệ sinh an toàn TP, Dịch tễ học, Dân số, Truyền thông GDSK, Chương trình Y tế QG để có thể truyền thông tại cộng đồng về các vấn đề sức khỏe và tích lũy kiến thức để học tập các môn chuyên ngành.
			PI 4.2	Ứng dụng được kiến thức về các phương pháp kỹ thuật, chẩn đoán hiện đại như Điều dưỡng cơ bản, Tiền lâm sàng YHHĐ, Nội cơ sở, Ngoại cơ sở, Cấp cứu ban đầu, Y học gia

Chuẩn đầu ra PLOs (Programme Learning Outcomes)			Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện PI (Performance Indicator)	
PLOs	Nội dung PLO	Mức năng lực (*)	PI	Nội dung PI
	tế trong cộng đồng, với trọng tâm là các phương pháp điều trị không dùng thuốc và các kỹ thuật hiện đại.			đình, Phục hồi chức năng, Chẩn đoán hình ảnh, Dược lý, đề hiểu và giải thích được kiến thức và hỗ trợ nâng cao kỹ thuật, hiệu quả điều trị bằng YHCT
			PI 4.3	Vận dụng và triển khai được các kiến thức về YHHĐ: Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý, Phụ sản, Nhi khoa, Thần kinh - Tâm thần, Lao và bệnh phổi, Da liễu, Truyền nhiễm để làm nền tảng tiếp thu các kiến thức chuyên ngành
PLO5 (1.2.3)	Vận dụng được kiến thức về Lý luận cơ bản YHCT, Lý luận YHCT của các nước phương Đông kết hợp các kiến thức Bệnh học YHCT để hiểu, biện chứng được về lý, pháp, phương, dược và các phương pháp điều trị không dùng thuốc của YHCT. Đồng thời áp dụng được kiến thức YHHĐ kết hợp YHCT để làm cơ sở lý luận tiếp thu các kiến thức chuyên ngành và tham gia khám chữa bệnh tại cộng đồng.	3/6	PI 5.1	Vận dụng được kiến thức về Lý luận cơ bản YHCT, Chẩn đoán học YHCT, YHCT các nước phương Đông, Châm cứu, Các phương pháp điều trị không dùng thuốc, Thực vật dược và chế biến dược liệu, Thuốc YHCT – Bào chế, Phương tễ 1, Phương tễ 2, Bào chế thuốc YHCT, các phương pháp điều trị không dùng thuốc của YHCT để hiểu và biện chứng được về lý pháp phương dược, có khả năng áp dụng trong các tình huống lâm sàng cụ thể làm cơ sở lý luận chẩn đoán và điều trị bệnh kết hợp YHHĐ với YHCT.
			PI 5.2	Vận dụng được kiến thức về Nội khoa YHCT, Ngoại khoa YHCT, Lão khoa YHHĐ kết hợp YHCT, Phụ sản YHCT,

Chuẩn đầu ra PLOs (Programme Learning Outcomes)			Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện PI (Performance Indicator)	
PLOs	Nội dung PLO	Mức năng lực (*)	PI	Nội dung PI
				Nhi YHCT, Truyền nhiễm YHHĐ kết hợp YHCT, Lão khoa YHHĐ kết hợp YHCT để có thể tham gia khám chữa bệnh tại cộng đồng
			PI 5.3	Áp dụng được kiến thức về Thực tập cộng đồng, Thực tập tốt nghiệp/Khóa luận tốt nghiệp để thực hiện các nhiệm vụ được giao trong lĩnh vực YHCT.
2. Kỹ năng				
2.1. Kỹ năng chung				
PLO6 (2.1.1)	Có năng lực giao tiếp, thuyết trình, kỹ năng làm việc độc lập, năng lực tư duy, sáng tạo và giải quyết vấn đề trong hoạt động nghề nghiệp. Vận dụng được các kiến thức cơ bản về máy tính và internet, tin học văn phòng để phục vụ học tập, nghiên cứu tiếp thu các kiến thức chuyên môn. Đạt chứng chỉ tin học IC3 hoặc các chứng chỉ có giá trị quy đổi tương đương.	3/5	PI 6.1	Làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi. Xử lý, giải quyết được các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Y khoa. Có tinh thần tập thể, sẵn sàng tham gia các công tác sản xuất, nghiên cứu để phục vụ Nhà trường, cộng đồng xã hội, đoàn thể;
			PI 6.2	Soạn thảo được các văn bản, xây dựng và thực hiện được các bài thuyết trình hiệu quả, lập luận tốt, sử dụng các công cụ hỗ trợ âm thanh/hình ảnh, ngôn ngữ logic rõ ràng, tác phong đĩnh đạc.
PLO7 (2.1.2)	Sử dụng ngoại ngữ vào giao tiếp thông thường và công việc chuyên môn. Đạt trình độ tiếng Anh bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc cho người Việt Nam hoặc	3/5	PI 7.1	Nghe, đọc hiểu và trả lời được các câu hỏi bài đối thoại, đọc thoại trong các bối cảnh khác nhau về các chủ đề quen thuộc trong đời sống và chuyên môn ngành Y.

Chuẩn đầu ra PLOs (Programme Learning Outcomes)			Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện PI (Performance Indicator)	
PLOs	Nội dung PLO	Mức năng lực (*)	PI	Nội dung PI
	tương đương theo Điều 3 của quyết định số 58/QĐ ĐHHĐ ngày 03/7/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thành Đông về chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học.		PI 7.2	Đọc được các từ vựng, ngữ pháp, ngữ nghĩa và kiến thức về Y khoa nói chung và các tài liệu chuyên môn về chuyên ngành YHCT
2.2. Kỹ năng nghề nghiệp				
PLO8 (2.2.1)	Có kỹ năng tư vấn và tham gia thăm khám, chẩn đoán lâm sàng và cận lâm sàng các bệnh thông thường bằng các phương pháp chữa bệnh YHCT, YHCT kết hợp YHHĐ. Mở rộng khả năng thực hiện các kỹ thuật chẩn đoán và điều trị tại các cơ sở y tế cơ bản và các bệnh viện, bao gồm cả việc sử dụng công nghệ hiện đại trong chẩn đoán hình ảnh và xét nghiệm cận lâm sàng.	3/5	PI 8.1	Đảm nhiệm được các vị trí khám chữa bệnh tại Bệnh viện, Trung tâm Y tế, Trạm Y tế, Phòng chẩn trị YHCT, Trường Đại học Y, Cao đẳng Y và Viện nghiên cứu về lĩnh vực YHCT.
			PI 8.2	Tham gia được các hoạt động khám chữa bệnh, chỉ định hợp lý và phân tích được kết quả thu được từ các xét nghiệm sinh hóa, huyết học, miễn dịch, các kỹ thuật hình ảnh và thăm dò chức năng các bệnh thông thường theo quy định của Bộ Y tế.
PLO9 (2.2.2)	Có kỹ năng cấp cứu, tiên lượng, xử trí kịp thời các bệnh thông thường. Thực hiện được một số thủ thuật trong YHCT và hướng dẫn dự phòng được một số bệnh, chứng bệnh bằng YHCT, YHCT kết hợp YHHĐ.	3/5	PI 9.1	Xử trí được một số trường hợp cấp cứu, dịch bệnh thông thường và đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp. Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm. Tư vấn dự phòng được các bệnh thông thường gặp bằng YHCT, YHCT kết hợp YHHĐ.

Chuẩn đầu ra PLOs (Programme Learning Outcomes)			Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện PI (Performance Indicator)	
PLOs	Nội dung PLO	Mức năng lực (*)	PI	Nội dung PI
PL10 (2.2.3)	Vận dụng được các kiến thức YHCT lập được hồ sơ bệnh án cho người bệnh. Sử dụng thuốc YHCT hợp lý, an toàn kết hợp YHHĐ trong chăm sóc và phòng bệnh cho cộng đồng. Khả năng lập hồ sơ bệnh án điện tử và quản lý hồ sơ sức khỏe của bệnh nhân, sử dụng các phần mềm quản lý y tế hiện đại.	3/5	PI 10.1	Lập được hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm, không phân biệt đối xử, tạo sự yên tâm, hợp tác trước, trong quá trình thăm khám và điều trị. Phát huy được nguồn thuốc YHCT. Sử dụng thuốc YHCT hợp lý, an toàn kết hợp YHHĐ trong chăm sóc và phòng bệnh cho cộng đồng.
			PI 10.2	Áp dụng được kỹ năng quản lý và kinh doanh trong lĩnh vực YHCT, sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể khởi nghiệp hiệu quả hơn.
3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm				
3.1. Năng lực tự chủ				
PLO11 (3.1.1)	Có lập trường tư tưởng vững vàng, đạo đức tốt, lối sống lành mạnh. Chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Có khả năng tự học tập và phát triển chuyên môn cao hơn. Có năng lực tự học và cập nhật các kỹ thuật mới trong Y học cổ truyền và Y học hiện đại để nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe.	4/5	PI11.1	Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, lập trường tư tưởng vững vàng, chấp hành pháp luật trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.
			PI11.2	Tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, tự học, tự cập nhật, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.
3.2. Tự chịu trách nhiệm				

Chuẩn đầu ra PLOs (Programme Learning Outcomes)			Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện PI (Performance Indicator)	
PLOs	Nội dung PLO	Mức năng lực (*)	PI	Nội dung PI
PLO12 (3.2.1)	Tôn trọng, hợp tác với bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, đồng nghiệp và đối tác; Có ý thức trách nhiệm với xã hội và môi trường. Đảm bảo khả năng làm việc trong các nhóm liên ngành, bao gồm sự phối hợp giữa các bác sĩ Y học cổ truyền và các chuyên gia Y học hiện đại	4/5	PI 12.1	Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, tác phong chuyên nghiệp, có ý thức xây dựng môi trường làm việc thân thiện, tự chịu trách nhiệm việc được giao.
			PI 12.2	Làm việc nghiêm túc, luôn có ý thức trách nhiệm với xã hội và cộng đồng trong việc chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân

(*) Trình độ năng lực: Đánh giá theo thang năng lực Bloom: Kiến thức (1-6), Kỹ năng (1-5), Năng lực tự chủ và trách nhiệm (1-5)

(**) Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản, gồm 6 modul: (Thông tư 03/2014/TT_BTTTT)

i) Hiểu biết về CNTT cơ bản;

ii) Sử dụng máy tính cơ bản;

iii) Xử lý văn bản có bản;

iv) Sử dụng bảng tính cơ bản;

v) Sử dụng trình chiếu cơ bản;

vi) Sử dụng internet cơ bản;

Bảng 2.3. Quan hệ giữa mục tiêu (POs) và chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)

Mục tiêu CTĐT (POs)	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)											
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
1	X	X										
2			X	X	X							
3						X	X					
4								X	X	X		
5											X	X

2.4. Vị trí, cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành YHCT trình độ đại học, người học có khả năng đảm nhận được các vị trí tại các cơ sở sau:

Nhóm 1: Đảm nhiệm vai trò bác sĩ điều trị trực tiếp bằng các phương pháp Y học cổ truyền. Đồng thời, tham gia công tác tổ chức, quản lý và điều hành chuyên môn tại các bệnh viện, phòng khám chuyên khoa Y học cổ truyền.

Nhóm 2: Là giảng viên hoặc chuyên viên tại các cơ sở đào tạo thuộc khối ngành khoa học sức khỏe.

Nhóm 3: Nhà nghiên cứu hoặc chuyên gia tư vấn tham gia nghiên cứu khoa học, ứng dụng các phương pháp và bài thuốc Y học cổ truyền vào điều trị bệnh, hoặc cải tiến và phát triển các sản phẩm Y Dược thuộc lĩnh vực YHCT tại các Viện nghiên cứu trong nước, các tổ chức phi chính phủ, tổ chức Quốc tế

Nhóm 4: Chuyên viên tư vấn, tham mưu về chính sách và chiến lược phát triển Y học cổ truyền, chuyên viên giám sát và đánh giá chất lượng các cơ sở khám chữa bệnh bằng Y học cổ truyền trong các cơ quan của Đảng, Nhà Nước, Tổ chức Chính trị - Xã hội tại Trung ương và Địa phương thuộc lĩnh vực Y tế.

2.5. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

2.5.1. Tuyển sinh

Thực hiện theo qui chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục Đào tạo qui định hàng năm và đề án tuyển sinh của Trường Đại học Thành Đông.

2.5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Người học muốn tốt nghiệp ngành Y học cổ truyền phải đáp ứng các điều kiện sau:

(1) Tích lũy đủ số tín chỉ và số học phần bắt buộc của CTĐT;

(2) Điểm trung bình chung tích lũy từ 2.00 trở lên;

(3) Có chứng chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng;

(4) Đạt chuẩn ngoại ngữ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc tương đương theo Điều 3 của Quyết định số 58/QĐ-ĐHTĐ ngày 03/7/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thành Đông về chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học).

(5) Đạt chuẩn kỹ năng CNTT cơ bản quy định tại Thông tư 03/2014/TT_BTTTT.

(6) Hoàn thành nghĩa vụ học phí.

2.6. Các dịch vụ hỗ trợ người học

- Ký túc xá: Sinh viên được ở miễn phí với đầy đủ tiện nghi như quạt, điện, nước, bình nóng lạnh, điều hòa

- Khu vui chơi giải trí: Có sân bóng đá cỏ nhân tạo, sân bóng truyền, sân pigbaball, sân cầu lông, sân bóng rổ

- Nhà đa năng: tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao

- Sân khấu ngoài trời: tổ chức các sự kiện lớn của Nhà Trường và các Đoàn thể của sinh viên

- Ngày hội việc làm: Hàng năm Nhà Trường, Khoa kết hợp với Đoàn Thanh niên tổ chức ngày hội việc làm, có sự tham gia của các nhà đầu tư, công ty được đến chia sẻ cơ hội việc làm và tuyển dụng.

PHẦN 3. CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

3.1. Cấu trúc Chương trình dạy học

Khối lượng kiến thức toàn khóa 190 tín chỉ được phân bổ như sau:

Bảng 3.1. Các khối kiến thức và số tín chỉ

	Khối kiến thức, học phần	Số TC	Tỷ lệ %
1.	Khối kiến thức giáo dục đại cương	35	18,4%
1.1.	Các học phần bắt buộc	24	12,6%
1.2.	Các học phần tự chọn	11	5,8%
1.3.	Các học phần điều kiện (không tính trong tổng KL) gồm: Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh	10	
2.	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	141	74,2%
2.1.	Kiến thức cơ sở khối ngành	12	6,3%
	Các học phần bắt buộc	12	6,3%
	Các học phần tự chọn	0	0%
2.2.	Kiến thức cơ sở ngành	29	15,3%
2.2.1.	Các học phần bắt buộc	29	15,3%
2.2.2.	Các học phần tự chọn	0	0%
2.3	Kiến thức ngành, chuyên ngành	100	52,6%
2.3.1.	Các học phần bắt buộc	87	45,8%
2.3.2.	Các học phần tự chọn	13	6,8%
2.4.	Thực tập nghề nghiệp	14	
2.4.1	Thực hành lâm sàng tốt nghiệp	8	4,2%
2.4.2	Khóa luận tốt nghiệp/ Học phần thay thế	6	3,2%
Tổng		190	100%

Kiến thức giáo dục đại cương có 35 tín chỉ 18,4%, trong đó 24 tín chỉ bắt buộc và 11 tín chỉ tự chọn, bao gồm các học phần về Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, Tin học, Kỹ năng mềm, Xác suất thống kê Y học; Phương pháp NCKH, Khởi nghiệp, Kỹ năng soạn thảo và ban hành văn bản, Tiếng Anh/ Tiếng Trung, mục đích cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, Khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và ngoại ngữ làm nền tảng cho người học tiếp cận với các kiến thức nghề nghiệp liên quan đến ngành Y học cổ truyền.

Kiến thức cơ sở khối ngành: có 12 tín chỉ, chiếm 6,3%, bao gồm các học phần: Hóa đại cương vô cơ, Dân số học, Sinh học và di truyền, Vật lý – Lý sinh, Tin học ứng dụng, Tâm lý học – Đạo đức Y học – Truyền thông và giáo dục sức khỏe.

Kiến thức cơ sở ngành: bao gồm 29 tín chỉ, chiếm 15,3% chương trình đào tạo. Bao gồm các học phần: Giải phẫu 1, Giải phẫu 2, Mô phôi, Sinh lý, Hóa sinh, Vi sinh – Ký sinh trùng, Giải phẫu bệnh, Sinh lý bệnh - Miễn dịch; Dược lý, Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm, Dịch tễ học, Điều dưỡng cơ bản

Kiến thức ngành, chuyên ngành: bao gồm 100 tín chỉ, chiếm 52,6% chương trình đào tạo. Trong đó khối kiến thức bắt buộc là 87 tín chỉ, tự chọn là 13 tín chỉ. Khối kiến thức ngành, chuyên ngành sẽ giúp cho người học nắm được hệ thống kiến thức ngành và chuyên ngành.

Thực tập tốt nghiệp có 8 tín chỉ, chiếm 4,2% và **khóa luận tốt nghiệp** 06 tín chỉ làm khóa luận tốt nghiệp (hoặc học phần thay thế khóa luận), bao gồm các học phần cung cấp cho người học khả năng vận dụng kiến thức Y học cổ truyền vào điều hành hoạt động chuyên môn, thực hành hoạt động nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học

Các khối kiến thức được thiết kế theo trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp, đáp ứng được chuẩn đầu ra của CTĐT.

3.2. Khung Chương trình dạy học

TT	Mã học phần	Tên học phần		Số TC	Phân tiết				Mã HP tiên quyết	Học kỳ
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		LT	TH/ TL	TT ngoài trường	Tự học		
1. Khối kiến thức giáo dục đại cương				35	425	230	0	1080		
1.1. Nhóm học phần bắt buộc				24	305	140	0	750		
1	PML0071	Triết học Mác-Lênin	Philosophy of Marxism and Leninism	3	40	10		90		I
2	EML0071	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Political economics of Marxism and Leninism	2	25	10		60	PML0071	II
3	SSO0071	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific socialism	2	25	10		60	EML0071	V
4	HTH0071	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh's Thought	2	25	10		60	SSO0071	IV
5	HIS0071	Lịch sử Đảng CSVN	History of Vietnamese Communist Party	2	25	10		60	HTH0071	VI
6	IFT0071	Tin học đại cương	Information Technology	3	30	30		90		I
7	SSK0071	Kỹ năng mềm	Soft skills	2	20	20		60		I
8	SUP0071	Khởi nghiệp	Start - up	2	20	20		60		I
9	DID0071	Kỹ năng soạn thảo và ban hành văn bản	Technical drafting and issuance of documents	2	20	20		60	IFT0071	II
10	GLA0071	Pháp luật đại cương	General Law	1	30	0		60		II
11	PMS0071	Xác suất thống kê Y học	Probability of medical statistics	1	15	0		30		II
12	RME0071	Phương pháp NCKH	Research Methods	2	30	0		60		V

1.2. Nhóm học phần tự chọn (chọn Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung)				11	120	90	0	330		
13	ENG10071	Tiếng Anh cơ bản 1	Basic English 1	3	30	30		90		I
14	ENG20071	Tiếng Anh cơ bản 2	Basic English 2	3	30	30		90	ENG1007 1	II
15	ENG30071	Tiếng Anh cơ bản 3	Basic English 3	3	30	30		90	ENG2007 1	III
16	ETM1071	Tiếng Anh chuyên ngành	English for Traditional Medicine	2	30	0		60	ENG3007 1	IV
17	CHI1071	Tiếng Trung cơ bản 1	Basic Chinese 1	3	30	30		90		I
18	CHI2071	Tiếng Trung cơ bản 2	Basic Chinese 2	3	30	30		90	CHI1071	II
19	CHI3071	Tiếng Trung cơ bản 3	Basic Chinese 3	3	30	30		90	CHI2071	III
20	CTM1071	Tiếng Trung chuyên ngành	Chinese for Traditional Medicine	2	30	0		60	CHI3071	IV
1.3. Nhóm học phần điều kiện (không tính vào khối lượng CTDH)										
21	SME0071	Giáo dục ANQP	National defense and security education	8*						
22	PHE0071	Giáo dục thể chất	Physical education	3*						
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				156	1395	510	2070	4770		
2.1. Khối kiến thức cơ sở khối ngành				13	165	60	0	390		
23	DME1071	Dân số học	Demography	1	15	0		30		III
24	INM1071	Nhập môn ngành	Introduction to the Major	1	15	0		30		I
25	BAG1071	Sinh học và Di truyền	Biology and Genetics	3	30	30		90		II
26	PMB1071	Vật lý - Lý sinh	Physics - Medical Biophysics	2	30	0		60		I

27	GIC1071	Hoá đại cương vô cơ	General inorganic Chemistry	2	30	0		60		I
28	AIS0071	Tin học ứng dụng	Applied Informatics and Statistics	2	15	30		60	DID0071	V
29	PMC1071	Tâm lý học - Đạo đức Y học – Truyền thông và giáo dục sức khỏe	Psychology - Medical Ethics - Communication and Health Education	2	30	0		60		II
2.2. Khối kiến thức cơ sở ngành				29	300	270		900		
2.2.1. Nhóm học phần bắt buộc				29	300	270	0	900		
30	ANT1107 1	Giải phẫu 1	Anatomy 1	3	30	30		90		II
31	ANT2107 1	Giải phẫu 2	Anatomy 2	2	15	30		60	ANT1107 1	III
32	EIS1071	Mô phôi	Histology and Embryology	3	30	30		90	ANT2107 1	III
33	PSL1071	Sinh lý	Physiologic	3	30	30		90	EMB1071	II
34	BCM1071	Hoá sinh	Biochemistry	3	30	30		90	PSL1071	III
35	MBP1071	Vi sinh - Ký sinh trùng	Microbiology - Parasites	3	30	30		90	BAG1071	III
36	ANP1071	Giải phẫu bệnh	Anatomical Pathology	2	15	30		60	ANT2107 1	IV
									EMB1071	
37	PAI1071	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	Pathophysiology – Immunity	2	30	0		90	ANT2107 1	III
									PMB1071	
38	PMC1071	Dược lý	Pharmacology	3	30	30		90	BCM1071	V
									PSL1071	

39	NFS1071	Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm	Nutrition and food hygiene and safety	1	15	0		30		VIII
40	EDL1071	Dịch tễ học	Epidemiology	2	30	0		60		VI
41	NUR1071	Điều dưỡng cơ bản	Basic nursing	2	15	30		60	ANT2107 1	IV
2.3. Khối kiến thức ngành				100	930	180	1440	2850		
2.3.1. Nhóm học phần bắt buộc				87	825	180	1170	2460		
42	PMS1071	Tiền lâm sàng YHHĐ	Preclinical Medical Skills	2	0	60		60	ANT2107 1	IV
									PSL1071	
43	IMF1071	Nội cơ sở YHHĐ	Internal Medical Facilities	4	45		45	135	PMS1071	IV
44	EMF1071	Ngoại cơ sở YHHĐ	External Medical Facilities	3	30		45	90	PMS1071	IV
45	MIM1071	Nội bệnh lý YHHĐ	Medical Internal Medicine	5	45		90	135	PSL1071	V
									ANT2107 1	
									IMF1071	
									EMF1071	
46	EPM1071	Ngoại bệnh lý YHHĐ	Surgical Medicine	3	30		45	75	PSL1071	V
									ANT2107 1	
									IMF1071	
									EMF1071	
47	OBG1071	Phụ sản YHHĐ	Obstetrics and gynecology	3	30		45	75	PSL1071	VI
									ANT2107	

									1	
									IMF1071	
									EMF1071	
48	PED1071	Nhi YHHĐ	Pediatric medicine	3	30		45	75	PSL1071	
									ANT2107 1	VI
									IMF1071	
									EMF1071	
49	DNI1071	Chẩn đoán hình ảnh	Diagnostic imaging	2	15	30	0	60	PSL1071	
									ANT2107 1	IV
50	ITC1071	Truyền nhiễm YHHĐ kết hợp YHCT	Infectious Diseases Traditional and Modern Medicine Combination	3	30		45	75	MIM1071	
									EPM1071	VIII
51	PHL1071	Phục hồi chức năng	Physical Rehabilitation	3	30		45	75	MIM1071	
									EPM1071	VII
52	NEU1071	Thần kinh	Neurology	3	30		45	75	MIM1071	
									EPM1071	VIII
53	IEC1071	Hồi sức cấp cứu	Initial Emergency Care	3	30		45	75	MIM1071	
									EPM1071	
									OBG1071	VI
									PED1071	
54	FAM1071	Y học gia đình	Family medicine	2	15		45	60	MIM1071	
									EPM1071	VI

									OBG1071	
									PED1071	
55	NHP1071	Chương trình Y tế Quốc gia – Tổ chức và quản lý Y tế.	National Health Program – Health management organization	2	30		0	60		X
56	CMP1071	Thực tập cộng đồng	Community internship	2	0		90	90		X
57	BTT1071	Lý luận cơ bản Y học cổ truyền	Basic reasoning Traditional medicine	3	45	0		90		III
58	MPH1071	Thực vật dược và chế biến dược liệu	Medicinal Plants and Processing of Herbal Materials	2	15		45	60		IV
59	DTM1071	Chẩn đoán học YHCT	Diagnosis of traditional medicine	4	45	30	0	120	BTT1071	IX
60	HTM1071	Thuốc YHCT – Bào chế	Herbs Traditional Medicine and Herbal Preparation Traditional Medicine	5	45	60	0	150	BTT1071	VIII
									PMC1071	
61	ACU1071	Châm cứu	Acupuncture	5	45		90	135	ANT2107 1	IX
									BTT1071	
62	APM1071	Phương pháp điều trị không dùng thuốc	Acupressure Massage	3	30		45	90	ANT2107 1	IX
									PSL1071	
									BTT1071	
									DTM1071	
63	THM1107 1	Phương tễ 1	Traditional Herbal Medicine Formulations 1	3	30	0	45	90	PMC1071	IX
									BTT1071	

									TDD1071	
64	THM2107 1	Phương tễ 2	Traditional Herbal Medicine Formulations 2	3	30	0	45	90	THM110 71	X
65	PTM1107 1	Bệnh học và điều trị Nội YHCT	Internal Medicine and Treatment in Traditional Medicine	5	45		90	135	BTT1071 ACU1071 APM1071	X
66	TMS1071	Bệnh học và điều trị Ngoại YHCT	Traditional Medicine in Surgical Treatments	3	30		45	75	EMF1071 BTT1071 ACU1071 APM1071	X
67	TDM1071	Bệnh học và điều trị Phụ sản YHCT	Gynecology Medicine Treatment by Traditional Medicine	3	30		45	75	BTT1071	XI
68	PMT1071	Bệnh học và điều trị Nhi YHCT	Pediatric Medicine Treatment by Traditional Medicine	2	15		45	60	BTT1071	XI
69	GER1071	Bệnh học và điều trị Lão YHHĐ kết hợp YHCT	Geriatrics medicine combines traditional medicine	3	30		45	75	BTT1071	XI
<i>2.3.2. Nhóm học phần tự chọn</i>				<i>13</i>	<i>105</i>	<i>0</i>	<i>270</i>	<i>390</i>		
<i>2.3.2.1. Nhóm học phần tự chọn 1 (chọn 6 trong 8 học phần)</i>				<i>12</i>	<i>90</i>		<i>270</i>	<i>360</i>		
70	OAM1071	Răng hàm mặt	Oral and Maxillofacial Medicine	2	15		45	60		VII
71	ENT1071	Tai mũi họng	Otorhinolaryngology	2	15		45	60	MIM1071	VII
72	OPH1071	Mắt	Ophthalmology	2	15		45	60	EPM1071	VII
73	CAC1071	Ung thư	Cancer	2	15		45	60		VII

74	MT1071	Tâm thần	Mental	2	30		0	60		VII
75	TBC1071	Lao và bệnh phổi	Tuberculosis and lung disease	2	15		45	60		VII
76	DML1071	Da liễu YHHĐ	Dermatology	2	15		45	60		VII
77	CIA1071	Dị ứng miễn dịch lâm sàng	Clinical Immunology and Allergies.	2	15		45	60		VII
2.3.2.2. Nhóm học phần tự chọn 2 (chọn 1 trong 2 học phần)				1	15		0	30		
78	CWT1071	Tác phẩm kinh điển Y học cổ truyền Việt Nam	Classical Works of Traditional Vietnamese Medicine	1	15	0		30	BTT1071	VIII
79	CWC1071	Tác phẩm kinh điển Y học cổ truyền Trung Quốc	Classical Works of Traditional Chinese Medicine	1	15	0		30		VIII
2.4. Nhóm học phần tốt nghiệp				14	0	0	630	630		
2.4.1. Thực hành lâm sàng tốt nghiệp				8	0	0	360	360		
80	ITM21071	Thực hành lâm sàng và điều trị Nội YHCT	practice examination Internal Medicine Pathology and Treatment in Traditional Medicine	2	0	0	90	90	BTT1071	XII
81	STM1071	Thực hành lâm sàng và điều trị Ngoại YHCT	practice examination Surgical Pathology and Treatment in Traditional Medicine	2	0	0	90	90	BTT1071	XII
82	GTM1071	Thực hành lâm sàng và điều trị Phụ sản YHCT	practice examination Gynecological Pathology in Traditional Medicine	2	0	0	90	90	BTT1071	XII
83	PTM1071	Thực hành lâm sàng và điều trị Nhi YHCT	practice examination Pediatric Pathology and Treatment in Traditional Medicine	2	0	0	90	90	BTT1071	XII
2.4.2. Khóa luận tốt nghiệp/ Học phần thay thế				6			270	270		

84	GT1071	Khóa luận tốt nghiệp	Graduation thesis	6			270	270		XII
Học phần thay thế KLTN										
85	PTM21071	Bệnh học nội khoa YHCT 2	Internal Medicine and Treatment in Traditional Medicine 2	2	30	0	0	60		XII
86	THM31071	Phương tễ 3	Traditional Herbal Medicine Formulations	2	30	0	0	60		XII
87	HTM11071	Bào chế thuốc YHCT	Herbal Preparation Traditional Medicine	2	30	0	0	60		XII
Tổng cộng				191	1820	740	2070	5850		
Tổng cộng toàn khóa: 191/ tín chỉ, trong đó: TS tín chỉ bắt buộc: 178 TS tín chỉ tự chọn: 13										

3.3. Bảng phân nhiệm chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cho các học phần (*Bảng ma trận kỹ năng*)

T T	Mã HP	Tên học phần	KIẾN THỨC												KỸ NĂNG								NLTC VÀ TN						
			1.1. Kiến thức chung		1.2. Kiến thức ngành										2.1 Kỹ năng chung				2.2. Kỹ năng nghề nghiệp				3.1. NLTC		3.2. TCTN				
			PLO 1	PLO2	PLO3			PLO4			PLO5				PLO6		POL7	PLO8		PL O9	PLO10		PLO 11		PLO 12				
			1.1.1	1.1.2	1.2.1			1.2.2			1.2.3				2.1.1		2.1.2		2.2.1		2.2. 2	2.2.3		3.1.1		3.2.1			
			3/6	3/6	3/6			3/6			3/6				3/5		3/5		3/5		3/5	4/5		4/5		4/5			
			PI 1	P I 2. 1	P I 2. 2	P I 3. 1	P I 3. 2	P I 3. 3	P I 4. 1	P I 4. 2	P I 4. 3	P I 5. 1	P I 5. 2	P I 5. 3	P I 6. 1	P I 6. 2	P I 7. 1	P I 7. 2	P I 8. 1	PI 8. 2	PI 9.1	PI 10. 1	PI 10. 2	PI 11. 1	PI 11. 2	PI 12. 1	PI 12. 2		
1. Khởi kiến thức giáo dục đại cương																													
1.1. Các học phần bắt buộc																													
1	PML 0071	Triết học Mác-Lênin	3												3											4		4	
2	EML 0071	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	3												3											4		4	
3	SSO 0071	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3												3											4		4	
4	HTH 0071	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3												3											4		4	
5	HIS 0071	Lịch sử Đảng CSVN	3												3											4		4	
6	IFT 0071	Tin học đại cương		3														3									4		4
7	SSK 0071	Kỹ năng mềm		3														3									4		4

T T	Mã HP	Tên học phần	KIẾN THỨC												KỸ NĂNG								NLTC VÀ TN				
			1.1. Kiến thức chung		1.2. Kiến thức ngành										2.1 Kỹ năng chung				2.2. Kỹ năng nghề nghiệp				3.1. NLTC		3.2. TCTN		
			PLO 1	PLO2	PLO3			PLO4			PLO5			PLO6		POL7		PLO8		PL O9	PLO10		PLO 11		PLO 12		
			1.1.1	1.1.2	1.2.1			1.2.2			1.2.3			2.1.1		2.1.2		2.2.1		2.2. 2	2.2.3		3.1.1		3.2.1		
			3/6	3/6	3/6			3/6			3/6			3/5		3/5		3/5		3/5	4/5		4/5		4/5		
			PI 1	P I 2. 1	P I 2. 2	P I 3. 1	P I 3. 2	P I 3. 3	P I 4. 1	P I 4. 2	P I 4. 3	P I 5. 1	P I 5. 2	P I 5. 3	P I 6. 1	P I 6. 2	P I 7. 1	P I 7. 2	P I 8. 1	PI 8. 2	PI 9.1	PI 10. 1	PI 10. 2	PI 11. 1	PI 11. 2	PI 12. 1	PI 12. 2
8	SUP 0071	Khởi nghiệp		3														3							4		4
9	DID 0071	Kỹ năng soạn thảo và ban hành văn bản		3														3							4		4
10	GLA 0071	Pháp luật đại cương	3											3											4		4
11	PMS 0071	Xác suất thống kê Y học				3													3						4		4
12	RME 0071	Phương pháp NCKH				3													3						4		4
1.2. Các học phần tự chọn																											
13	ENG 10071	Tiếng Anh cơ bản 1		3													3								4		4
14	ENG 20071	Tiếng Anh cơ bản 2		3													3								4		4
15	ENG 30071	Tiếng Anh cơ bản 3		3													3								4		4

T T	Mã HP	Tên học phần	KIẾN THỨC												KỸ NĂNG								NLTC VÀ TN					
			1.1. Kiến thức chung		1.2. Kiến thức ngành										2.1 Kỹ năng chung				2.2. Kỹ năng nghề nghiệp				3.1. NLTC		3.2. TCTN			
			PLO 1	PLO2	PLO3			PLO4			PLO5			PLO6		POL7	PLO8	PL O9	PLO10		PLO 11		PLO 12					
			1.1.1	1.1.2	1.2.1			1.2.2			1.2.3			2.1.1		2.1.2		2.2.1		2.2. 2	2.2.3		3.1.1		3.2.1			
			3/6	3/6	3/6			3/6			3/6			3/5		3/5		3/5		3/5	4/5		4/5		4/5			
			PI 1	P I 2. 1	P I 2. 2	P I 3. 1	P I 3. 2	P I 3. 3	P I 4. 1	P I 4. 2	P I 4. 3	P I 5. 1	P I 5. 2	P I 5. 3	P I 6. 1	P I 6. 2	P I 7. 1	P I 7. 2	P I 8. 1	PI 8. 2	PI 9.1	PI 10. 1	PI 10. 2	PI 11. 1	PI 11. 2	PI 12. 1	PI 12. 2	
16	ETM 1171	Tiếng Anh C. ngành		3					3								3								4		4	
17	CNS 10071	Tiếng Trung cơ bản 1		3													3								4		4	
18	CNS 20071	Tiếng Trung cơ bản 2		3													3								4		4	
19	CNS 30071	Tiếng Trung cơ bản 3		3													3								4		4	
20	CTM 1171	Tiếng Trung C. ngành		3					3								3								4		4	
1.3. Các học phần điều kiện																												
21	SME 0071	Giáo dục ANQP	3													3									4		4	
22	PHE 0071	Giáo dục Thể chất	3													3									4		4	
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp																												
2.1. Kiến thức cơ sở khối ngành (Học phần bắt buộc)																												
23	DME 1071	Dân số học			3														3						4		4	

T T	Mã HP	Tên học phần	KIẾN THỨC												KỸ NĂNG								NLTC VÀ TN					
			1.1. Kiến thức chung		1.2. Kiến thức ngành										2.1 Kỹ năng chung				2.2. Kỹ năng nghề nghiệp				3.1. NLTC		3.2. TCTN			
			PLO 1	PLO2	PLO3			PLO4			PLO5			PLO6		POL7		PLO8	PL O9	PLO10		PLO 11		PLO 12				
			1.1.1	1.1.2	1.2.1			1.2.2			1.2.3			2.1.1		2.1.2		2.2.1		2.2. 2	2.2.3		3.1.1		3.2.1			
			3/6	3/6	3/6			3/6			3/6			3/5		3/5		3/5		3/5	4/5		4/5		4/5			
			PI 1	P I 2. 1	P I 2. 2	P I 3. 1	P I 3. 2	P I 3. 3	P I 4. 1	P I 4. 2	P I 4. 3	P I 5. 1	P I 5. 2	P I 5. 3	P I 6. 1	P I 6. 2	P I 7. 1	P I 7. 2	P I 8. 1	PI 8. 2	PI 9.1	PI 10. 1	PI 10. 2	PI 11. 1	PI 11. 2	PI 12. 1	PI 12. 2	
	INM1 071	Nhập môn ngành					3												3						4		4	
24	BAG 1071	Sinh học và Di truyền					3												3						4		4	
25	PMB 1071	Vật lý - Lý sinh						3											3						4		4	
26	GIC 1071	Hoá đại cương vô cơ						3												3					4		4	
27	AIS 0071	Tin học ứng dụng						3											3						4		4	
28	PMC1 071	Tâm lý học - Đạo đức Y học - Truyền thông và giáo dục sức khoẻ			3														3						4		4	
2.2. Kiến thức cơ sở ngành (Nhóm học phần bắt buộc)																												
29	ANT 11071	Giải phẫu 1						3												3						4		4
30	ANT 21071	Giải phẫu 2						3												3						4		4

T T	Mã HP	Tên học phần	KIẾN THỨC												KỸ NĂNG								NLTC VÀ TN					
			1.1. Kiến thức chung		1.2. Kiến thức ngành										2.1 Kỹ năng chung				2.2. Kỹ năng nghề nghiệp				3.1. NLTC		3.2. TCTN			
			PLO 1	PLO2	PLO3			PLO4			PLO5			PLO6		POL7		PLO8	PL O9	PLO10		PLO 11		PLO 12				
			1.1.1	1.1.2	1.2.1			1.2.2			1.2.3			2.1.1		2.1.2		2.2.1		2.2. 2	2.2.3		3.1.1		3.2.1			
			3/6	3/6	3/6			3/6			3/6			3/5		3/5		3/5		3/5	4/5		4/5		4/5			
			PI 1	P I 2. 1	P I 2. 2	P I 3. 1	P I 3. 2	P I 3. 3	P I 4. 1	P I 4. 2	P I 4. 3	P I 5. 1	P I 5. 2	P I 5. 3	P I 6. 1	P I 6. 2	P I 7. 1	P I 7. 2	P I 8. 1	PI 8. 2	PI 9.1	PI 10. 1	PI 10. 2	PI 11. 1	PI 11. 2	PI 12. 1	PI 12. 2	
31	EMB 1071	Mô phôi						3												3						4		4
32	PSL 1071	Sinh lý						3												3						4		4
33	BCM 1071	Hoá sinh						3												3						4		4
34	MBP 1071	Vi sinh - Ký sinh trùng						3												3						4		4
35	ANP 1071	Giải phẫu bệnh						3												3						4		4
36	PAI 1071	Sinh lý bệnh – Miễn dịch						3												3						4		4
37	PMC 1071	Dược lý								3										3						4		4
38	NFS 1071	Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm								3										3						4		4
39	EDL 1071	Dịch tễ học								3										3						4		4

T T	Mã HP	Tên học phần	KIẾN THỨC												KỸ NĂNG								NLTC VÀ TN					
			1.1. Kiến thức chung		1.2. Kiến thức ngành									2.1 Kỹ năng chung				2.2. Kỹ năng nghề nghiệp				3.1. NLTC		3.2. TCTN				
			PLO 1	PLO2	PLO3			PLO4			PLO5			PLO6		POL7		PLO8	PL O9	PLO10		PLO 11		PLO 12				
			1.1.1	1.1.2	1.2.1			1.2.2			1.2.3			2.1.1		2.1.2		2.2.1		2.2. 2	2.2.3		3.1.1		3.2.1			
			3/6	3/6	3/6			3/6			3/6			3/5		3/5		3/5		3/5	4/5		4/5		4/5			
			PI 1	P I 2. 1	P I 2. 2	P I 3. 1	P I 3. 2	P I 3. 3	P I 4. 1	P I 4. 2	P I 4. 3	P I 5. 1	P I 5. 2	P I 5. 3	P I 6. 1	P I 6. 2	P I 7. 1	P I 7. 2	P I 8. 1	PI 8. 2	PI 9.1	PI 10. 1	PI 10. 2	PI 11. 1	PI 11. 2	PI 12. 1	PI 12. 2	
40	NUR 1071	Điều dưỡng cơ bản								3									3						4		4	
2.3.1. Học phần bắt buộc																												
41	PMS 1071	Tiền lâm sàng YHHĐ								3											3					4		4
42	IMF 1071	Nội cơ sở YHHĐ								3											3					4		4
43	EMF 1071	Ngoại cơ sở YHHĐ								3											3					4		4
44	MIM 1071	Nội bệnh lý YHHĐ									3										3					4		4
45	EPM 1071	Ngoại bệnh lý YHHĐ									3										3					4		4
46	OBG 1071	Phụ sản YHHĐ									3										3					4		4
47	PED 1071	Nhi YHHĐ									3										3					4		4
48	DNI 1071	Chẩn đoán hình ảnh								3											3					4		4

T T	Mã HP	Tên học phần	KIẾN THỨC												KỸ NĂNG								NLTC VÀ TN					
			1.1. Kiến thức chung		1.2. Kiến thức ngành									2.1 Kỹ năng chung				2.2. Kỹ năng nghề nghiệp				3.1. NLTC		3.2. TCTN				
			PLO 1	PLO2	PLO3			PLO4			PLO5			PLO6		POL7		PLO8	PL O9	PLO10		PLO 11		PLO 12				
			1.1.1	1.1.2	1.2.1			1.2.2			1.2.3			2.1.1		2.1.2		2.2.1		2.2. 2	2.2.3		3.1.1		3.2.1			
			3/6	3/6	3/6			3/6			3/6			3/5		3/5		3/5		3/5	4/5		4/5		4/5			
			PI 1	P I 2. 1	P I 2. 2	P I 3. 1	P I 3. 2	P I 3. 3	P I 4. 1	P I 4. 2	P I 4. 3	P I 5. 1	P I 5. 2	P I 5. 3	P I 6. 1	P I 6. 2	P I 7. 1	P I 7. 2	P I 8. 1	PI 8. 2	PI 9.1	PI 10. 1	PI 10. 2	PI 11. 1	PI 11. 2	PI 12. 1	PI 12. 2	
49	IFD 1071	Truyền nhiễm YHHĐ+YHC T									3														4		4	
50	PHL 1071	Phục hồi chức năng								3											3					4		4
51	NEU 1071	Thần kinh									3											3				4		4
52	IEC 1071	Cấp cứu ban đầu								3												3				4		4
53	FAM 1071	Y học gia đình								3												3				4		4
54	NHP 1071	CT Y tế Quốc gia – Tổ chức và QL Y tế.								3													3			4		4
55	CMP 1071	Thực tập cộng đồng												3									3			4		4
56	BTT 1071	Lý luận cơ bản Y học cổ truyền										3											3			4		4
57	PMP	Thực vật										3				3							3			4		4

T T	Mã HP	Tên học phần	KIẾN THỨC												KỸ NĂNG								NLTC VÀ TN					
			1.1. Kiến thức chung		1.2. Kiến thức ngành										2.1 Kỹ năng chung				2.2. Kỹ năng nghề nghiệp				3.1. NLTC		3.2. TCTN			
			PLO 1	PLO2	PLO3			PLO4			PLO5			PLO6		POL7		PLO8	PL O9	PLO10		PLO 11		PLO 12				
			1.1.1	1.1.2	1.2.1			1.2.2			1.2.3			2.1.1		2.1.2		2.2.1		2.2. 2	2.2.3		3.1.1		3.2.1			
			3/6	3/6	3/6			3/6			3/6			3/5		3/5		3/5		3/5	4/5		4/5		4/5			
			PI 1	P I 2. 1	P I 2. 2	P I 3. 1	P I 3. 2	P I 3. 3	P I 4. 1	P I 4. 2	P I 4. 3	P I 5. 1	P I 5. 2	P I 5. 3	P I 6. 1	P I 6. 2	P I 7. 1	P I 7. 2	P I 8. 1	PI 8. 2	PI 9.1	PI 10. 1	PI 10. 2	PI 11. 1	PI 11. 2	PI 12. 1	PI 12. 2	
	1071	dược																										
58	DTM 1071	Chẩn đoán học YHCT										3										3				4		4
59	TDD 1071	Thuốc YHCT – Bảo chế thuốc YHCT										3							3			3				4		4
61	ACU1 071	Châm cứu										3							3			3				4		4
62	APM 1071	PP điều trị không dùng thuốc										3							3			3				4		4
63	THM 11071	Phương tễ 1										3							3			3				4		4
64	THM 21071	Phương tễ 2										3							3			3				4		4
65	PTM 21071	Bệnh học và điều trị nội YHCT											3						3			3				4		4
66	ETP 1071	Bệnh học và điều trị ngoại											3						3			3				4		4

T T	Mã HP	Tên học phần	KIẾN THỨC												KỸ NĂNG								NLTC VÀ TN					
			1.1. Kiến thức chung		1.2. Kiến thức ngành									2.1 Kỹ năng chung				2.2. Kỹ năng nghề nghiệp				3.1. NLTC		3.2. TCTN				
			PLO 1	PLO2	PLO3			PLO4			PLO5			PLO6		POL7		PLO8	PL O9	PLO10		PLO 11		PLO 12				
			1.1.1	1.1.2	1.2.1			1.2.2			1.2.3			2.1.1		2.1.2		2.2.1		2.2. 2	2.2.3		3.1.1		3.2.1			
			3/6	3/6	3/6			3/6			3/6			3/5		3/5		3/5		3/5	4/5		4/5		4/5			
			PI 1	P I 2. 1	P I 2. 2	P I 3. 1	P I 3. 2	P I 3. 3	P I 4. 1	P I 4. 2	P I 4. 3	P I 5. 1	P I 5. 2	P I 5. 3	P I 6. 1	P I 6. 2	P I 7. 1	P I 7. 2	P I 8. 1	PI 8. 2	PI 9.1	PI 10. 1	PI 10. 2	PI 11. 1	PI 11. 2	PI 12. 1	PI 12. 2	
		YHCT																										
67	TDM 1071	Bệnh học và điều trị phụ sản YHCT											3						3			3				4		4
68	PMT 1071	Bệnh học và điều trị nhi YHCT											3						3			3				4		4
69	GER 1071	Bệnh học và điều trị lão YHHĐ kết hợp YHCT											3						3			3				4		4
70	OMP 1071	Răng hàm mặt									3								3			3				4		4
71	ENT 1071	Tai mũi họng									3								3			3				4		4
72	OPH 1071	Mắt									3								3			3				4		4
73	CAC 1071	Ung thư									3								3			3				4		4

T T	Mã HP	Tên học phần	KIẾN THỨC												KỸ NĂNG								NLTC VÀ TN					
			1.1. Kiến thức chung		1.2. Kiến thức ngành									2.1 Kỹ năng chung				2.2. Kỹ năng nghề nghiệp				3.1. NLTC		3.2. TCTN				
			PLO 1	PLO2	PLO3			PLO4			PLO5			PLO6		POL7	PLO8	PL O9	PLO10		PLO 11		PLO 12					
			1.1.1	1.1.2	1.2.1			1.2.2			1.2.3			2.1.1		2.1.2		2.2.1		2.2. 2	2.2.3		3.1.1		3.2.1			
			3/6	3/6	3/6			3/6			3/6			3/5		3/5		3/5		3/5	4/5		4/5		4/5			
			PI 1	P I 2. 1	P I 2. 2	P I 3. 1	P I 3. 2	P I 3. 3	P I 4. 1	P I 4. 2	P I 4. 3	P I 5. 1	P I 5. 2	P I 5. 3	P I 6. 1	P I 6. 2	P I 7. 1	P I 7. 2	P I 8. 1	PI 8. 2	PI 9.1	PI 10. 1	PI 10. 2	PI 11. 1	PI 11. 2	PI 12. 1	PI 12. 2	
74	PSY 1071	Tâm thần									3								3				3			4		4
75	TAL 1071	Lao và bệnh phổi									3									3			3			4		4
76	DER 1071	Da liễu									3									3			3			4		4
77	ACI 1071	Dị ứng miễn dịch lâm sàng									3									3			3			4		4
2.3.2.2. Học phần tự chọn 2 (Chọn 1 trong 2 học phần)																												
78	CWT 1071	Tác phẩm kinh điển YHCT Việt Nam										3								3			3			4		4
79	CWC 1071	Tác phẩm kinh điển YHCT Trung Quốc										3								3			3			4		4
2.3.3. Học phần tốt nghiệp:																												
2.3.3.1. Thực hành lâm sàng tốt nghiệp																												

T T	Mã HP	Tên học phần	KIẾN THỨC												KỸ NĂNG								NLTC VÀ TN				
			1.1. Kiến thức chung		1.2. Kiến thức ngành									2.1 Kỹ năng chung				2.2. Kỹ năng nghề nghiệp				3.1. NLTC		3.2. TCTN			
			PLO 1	PLO2	PLO3			PLO4			PLO5			PLO6		POL7	PLO8	PL O9	PLO10		PLO 11		PLO 12				
			1.1.1	1.1.2	1.2.1			1.2.2			1.2.3			2.1.1		2.1.2		2.2.1		2.2. 2	2.2.3		3.1.1		3.2.1		
			3/6	3/6	3/6			3/6			3/6			3/5		3/5		3/5		3/5	4/5		4/5		4/5		
			PI 1	P I 2. 1	P I 2. 2	P I 3. 1	P I 3. 2	P I 3. 3	P I 4. 1	P I 4. 2	P I 4. 3	P I 5. 1	P I 5. 2	P I 5. 3	P I 6. 1	P I 6. 2	P I 7. 1	P I 7. 2	P I 8. 1	PI 8. 2	PI 9.1	PI 10. 1	PI 10. 2	PI 11. 1	PI 11. 2	PI 12. 1	PI 12. 2
80	TMD 1071	Thực hành lâm sàng nội khoa YHCT									4								4	4			4		4		4
81	TMS 1071	Thực hành lâm sàng ngoại khoa YHCT									4								4	4			4		4		4
82	TMO 1071	Thực hành lâm sàng phụ khoa YHCT									4								4	4			4		4		4
83	TMP 1071	Thực hành lâm sàng nhi khoa YHCT									4								4	4			4		4		4
2.3.3.2. Khóa luận tốt nghiệp/ Học phần thay thế																											
84	PTM 21071	Bệnh học Nội khoa YHCT 2									4								4	4			4		4		4
85	THM 31071	Phương tễ 3									4								4	4			4		4		4

T T	Mã HP	Tên học phần	KIẾN THỨC												KỸ NĂNG								NLTC VÀ TN				
			1.1. Kiến thức chung		1.2. Kiến thức ngành										2.1 Kỹ năng chung				2.2. Kỹ năng nghề nghiệp				3.1. NLTC		3.2. TCTN		
			PLO 1	PLO2	PLO3			PLO4			PLO5			PLO6	POL7	PLO8	PL O9	PLO10	PLO 11	PLO 12							
			1.1.1	1.1.2	1.2.1			1.2.2			1.2.3			2.1.1	2.1.2	2.2.1	2.2. 2	2.2.3	3.1.1	3.2.1							
			3/6	3/6	3/6			3/6			3/6			3/5	3/5	3/5	3/5	4/5	4/5	4/5							
			PI 1	P I 2. 1	P I 2. 2	P I 3. 1	P I 3. 2	P I 3. 3	P I 4. 1	P I 4. 2	P I 4. 3	P I 5. 1	P I 5. 2	P I 5. 3	P I 6. 1	P I 6. 2	P I 7. 1	P I 7. 2	P I 8. 1	PI 8. 2	PI 9.1	PI 10. 1	PI 10. 2	PI 11. 1	PI 11. 2	PI 12. 1	PI 12. 2
86	HTM2 1071	KT bào chế thuộc YHCT								4								4	4			4		4			4

3.4. Cấu trúc và trình tự dạy học (Lưu đồ Chương trình dạy học)

HỌC KY I	HỌC KY II	HỌC KY III	HỌC KY IV	HỌC KY V	HỌC KY VI	HỌC KY VII	HỌC KY VIII	HỌC KY IX	HỌC KY X	HỌC KY XI	HỌC KY XII
Triết học MLN (3)	KTCTMLN (2)	Mô phôi (3)	CNXH khoa học (2)	Tư tưởng HCM (2)	Lịch sử Đảng CSVN (2)	Pháp luật đại cương (1)	Lý luận YHCT (3)	Chẩn doán học YHCT (4)	BH và điều trị Nội YHCT (5)	BH và điều trị Phụ YHCT (3)	TH lâm sàng tốt nghiệp (4)
Khởi nghiệp (2)	Giải phẫu I (3); Giải phẫuII (2)	Hoá sinh (3)	Điều dưỡng cơ bản (2)	Dược lý (3)	Hồi sức cấp cứu (3)	Phục hồi chức năng (3)	Thực vật dược (2)	Phương tế 1 (3) Phương tế 2 (3)	Thực tập cộng đồng (2)	BH và điều trị Nhi YHCT (2)	Khóa luận TN (6)/Học phần thay thế
Tiếng Anh CB 1 /Tiếng Trung CB 1 (3)	Tiếng Anh CB 2 /Tiếng Trung CB 2 (3)	Tiếng Anh CB 3/Tiếng trung CB 3 (3)	Tiếng Anh CN/ TTCN (2)	Nội bệnh lý YHHĐ (5)	Y học gia đình (2)	Thần kinh (3)	Thuốc YHCT (5)	Châm cứu(5)	BH và điều trị Ngoại YHCT (3)	BH và điều trị Lão YHHĐ kết hợp YHCT(3)	
Tin học (3).	Sinh lý (3)	Vi sinh – KST (3)	Nội cơ sở YHHĐ (4)	Ngoại bệnh lý YHHĐ (3)	Phụ sản YHHĐ (3)	Mắt (2) TMH (2) RHM (2)	Tâm lý học - Đạo đức Y học – Truyền thông và GDSK (2)	PP điều trị không dùng thuốc (3).	CT Y tế Quốc gia – Tổ chức quản lý Y tế (2)	Tác phẩm kinh điển YHCT VN/TQ(1)	
KN soạn thảo và ban hành VB (2)	Sinh học và di truyền (3)	Sinh lý bệnh – Miễn dịch (2)	Ngoại cơ sở YHHĐ (3)	Xác suất thống kê (1)	Nhi YHHĐ (3)	Daliểu(2)/ DUMLS(2)	Dinh dưỡng và VSAT TP (1)			TH lâm sàng tốt nghiệp (4)	
Kỹ năng mềm (2)	GDTC (3)	Giải phẫu bệnh (2)	Tiền lâm sàng YHHĐ (2)	Tin học ứng dụng (2)	Truyền nhiễmYHHĐ kết hợp YHCT (4)	Lao &BP(2)					
Vật lý, lý sinh (2).			Chẩn đoán hình ảnh (2)	Phương pháp NCKH (2)	Dịch tế học(2)	Tâm thần (2)/ung thư (2)					
Hoá ĐC vô cơ (2)											
19	17	16	17	18	19	19	14	17	12	13	10

***GDQP và GDTC: Học trong kỳ hè**

3.5. Phương pháp giảng dạy và học tập

Khoa Y Dược đã xây dựng chiến lược và phương pháp dạy học, tập trung phát triển nguồn lực để hỗ trợ quá trình giảng dạy. Các phương pháp này giúp sinh viên đạt được CDR của chương trình, không chỉ có kiến thức chuyên môn và xã hội mà còn phát triển các kỹ năng như giao tiếp, làm việc nhóm và tư duy phản biện.

Các phương pháp dạy và học nói trên giúp sinh viên đạt được PLOs, thể hiện trong Bảng 3.5.

Bảng 3.5. Ma trận Phương pháp dạy học tương thích với CDR của CTĐT

Các phương pháp dạy học		Chuẩn đầu ra - PLOs											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
		Kiến thức					Kỹ năng					NLTC & TN	
1	Thuyết giảng	X	X	X	X		x						
2	Câu hỏi gợi mở	X	X	X	X			X	X				
3	Giải quyết vấn đề		X	X	X	X		X	X	X	X	X	X
4	Học theo tình huống					X		X	X	X	X	X	X
5	Thực hành, thực tập, thực tế			X	X	X	x		X	X	X	X	X
6	Nhóm nghiên cứu giảng dạy		X			X			X	X	X		
7	Thảo luận			X	x	X	x		X		X	X	X
8	Bài tập ở nhà			X	x	X						X	X

Bảng 3.6. Ma trận các phương pháp dạy – học của các học phần trong Chương trình đào tạo

ST T	Mã HP	Tên học phần		Phương pháp dạy – học								
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Giải thích cụ thể	Thuyết giảng	Câu hỏi gợi mở	Giải quyết vấn đề	Học theo tình huống	Thực tập, thực tế	Tranh luận	Thảo luận	Bài tập
1. Khối kiến thức giáo dục đại cương												
1.1. Nhóm học phần bắt buộc												
1	PML0071	Triết học Mác-Lênin	Philosophy of Marxism and Leninism	X	X	X				X	X	
2	EML0071	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Political economics of Marxism and Leninism	X	X	X				X	X	
3	SSO0071	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific socialism	X	X	X				X	X	
4	HTH0071	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh's Thought	X	X	X				X	X	
5	HIS0071	Lịch sử Đảng CSVN	History of Vietnamese Communist Party	X	X	X				X	X	
6	IFT0071	Tin học	Information	X	X	X				X	X	X

ST T	Mã HP	Tên học phần		Phương pháp dạy – học								
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Giải thích cụ thể	Thuyết giảng	Câu hỏi gợi mở	Giải quyết vấn đề	Học theo tình huống	Thực tập, thực tế	Tranh luận	Thảo luận	Bài tập
			Technology									
7	SSK0071	Kỹ năng mềm	Soft skills	X	X	X				X	X	X
8	SUP0071	Khởi ngành	Start - up	X	X	X	X	X		X	X	
9	DID0071	Kỹ năng soạn thảo & ban hành văn bản	Technical drafting and issuance of documents	X	X	X	X	X		X	X	X
10	GLA0071	Pháp luật đại cương	General Law	X	X	X	X			X	X	
11	PMS0071	Xác suất thống kê Y học	Probability of medical statistics	X	X	X	X	X		X	X	X
12	RME0071	Phương pháp NCKH	Research Methods	X	X	X	X	X		X	X	X
1.2. Nhóm học phần tự chọn												
1.3. Nhóm học phần điều kiện												
13	ENG1007 1	Tiếng Anh cơ bản 1	Basic English 1	X	X			X			X	
14	ENG2007 1	Tiếng Anh cơ bản 2	Basic English 2	X	X			X			X	

ST T	Mã HP	Tên học phần		Phương pháp dạy – học								
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Giải thích cụ thể	Thuyết giảng	Câu hỏi gợi mở	Giải quyết vấn đề	Học theo tình huống	Thực tập, thực tế	Tranh luận	Thảo luận	Bài tập
15	ENG3007 1	Tiếng Anh cơ bản 3	Basic English 3	X	X			X			X	
16	ETM1071	Tiếng Anh chuyên ngành	English for Traditional Medicine	X	X			X			X	
17	CNS10071	Tiếng Trung cơ bản 1	Basic Chinese 1	X	X			X			X	
18	CNS20071	Tiếng Trung cơ bản 2	Basic Chinese 2	X	X			X			X	
19	CNS30071	Tiếng Trung cơ bản 3	Basic Chinese 3	X	X			X			X	
20	CTM1071	Tiếng Trung chuyên ngành	Chinese for Traditional Medicine	X	X			X			X	
1.3. Nhóm học phần điều kiện												
21	SME0071	Giáo dục ANQP	National defense and security education	X	X			X	X		X	

ST T	Mã HP	Tên học phần		Phương pháp dạy – học								
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Giải thích cụ thể	Thuyết giảng	Câu hỏi gợi mở	Giải quyết vấn đề	Học theo tình huống	Thực tập, thực tế	Tranh luận	Thảo luận	Bài tập
22	PHE0071	Giáo dục thể chất	Physical education	X	X			X	X		X	
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp												
2.1. Khối kiến thức cơ sở ngành												
Nhóm học phần bắt buộc												
23	DME1071	Dân số học	Demography	X	X	X	X	X		X	X	
24	BAG1071	Sinh học và Di truyền	Biology and Genetics	X	X	X	X	X		X	X	
25	PMB1071	Vật lý - Lý sinh	Physics - Medical Biophysics	X	X		X	X		X	X	X
26	GIC1071	Hoá đại cương vô cơ	General inorganic Chemistry	X	X		X	X		X	X	X
27	AIS0071	Tin học ứng dụng	Applied Informatics and Statistics	X	X	X	X	X		X	X	X
28	PMC1071	Tâm lý học - Đạo đức Y học – Truyền thông và	Psychology - Medical Ethics - Communication and Health	X	X	X	X	X		X	X	

ST T	Mã HP	Tên học phần		Phương pháp dạy – học								
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Giải thích cụ thể	Thuyết giảng	Câu hỏi gợi mở	Giải quyết vấn đề	Học theo tình huống	Thực tập, thực tế	Tranh luận	Thảo luận	Bài tập
		giáo dục sức khỏe	Education									
2.2. Khối kiến thức cơ sở ngành												
2.2.1. Nhóm học phần bắt buộc												
30	ANT1107 1	Giải phẫu 1	Anatomy 1	X	X	X	X		X			
31	ANT2107 1	Giải phẫu 2	Anatomy 2	X	X	X	X		X			
32	EIS1071	Mô phôi	Histology and Embryology	X	X	X	X		X			
33	PSL1071	Sinh lý	Physiologic	X	X	X			X	X	X	
34	BCM1071	Hoá sinh	Biochemistry	X	X	X	X	X	X		X	
35	MBP1071	Vi sinh - Ký sinh trùng	Microbiology - Parasites	X	X	X	X	X	X	X	X	
36	ANP1071	Giải phẫu bệnh	Anatomical Pathology	X	X	X	X	X	X	X	X	
37	PAI1071	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	Pathophysiology – Immunity	X	X	X	X	X	X	X	X	
38	PMC1071	Dược lý	Pharmacology	X	X	X	X	X	X	X	X	
39	NFS1071	Dinh	Nutrition and	X								

ST T	Mã HP	Tên học phần		Phương pháp dạy – học								
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Giải thích cụ thể	Thuyết giảng	Câu hỏi gợi mở	Giải quyết vấn đề	Học theo tình huống	Thực tập, thực tế	Tranh luận	Thảo luận	Bài tập
		đưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm	food hygiene and safety		X	X	X	X		X	X	
41	EDL1071	Dịch tễ học	Epidemiology	X	X	X	X	X		X	X	
42	NUR1071	Điều dưỡng cơ bản	Basic nursing	X	X	X	X	X	X	X	X	
2.2. Khối kiến thức chuyên ngành												
Nhóm học phần bắt buộc												
43	PMS1071	Tiền lâm sàng YHHĐ	Preclinical Medical Skills	X	X	X	X	X	X	X	X	
44	IMF1071	Nội cơ sở YHHĐ	Internal Medical Facilities	X	X	X	X	X	X	X	X	
45	EMF1071	Ngoại cơ sở YHHĐ	External Medical Facilities	X	X	X	X	X	X	X	X	
46	MIM1071	Nội bệnh lý YHHĐ	Medical Internal Medicine	X	X	X	X	X	X	X	X	
47	EPM1071	Ngoại bệnh lý YHHĐ	Surgical Medicine	X	X	X	X	X	X	X	X	

ST T	Mã HP	Tên học phần		Phương pháp dạy – học								
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Giải thích cụ thể	Thuyết giảng	Câu hỏi gợi mở	Giải quyết vấn đề	Học theo tình huống	Thực tập, thực tế	Tranh luận	Thảo luận	Bài tập
48	OBG1071	Phụ sản YHHĐ	Obstetrics and gynecology	X	X	X	X	X	X	X	X	
49	PED1071	Nhi YHHĐ	Pediatric medicine	X	X	X	X	X	X	X	X	
50	DNI1071	Chẩn đoán hình ảnh	Diagnostic imaging	X	X	X	X	X	X	X	X	
51	ITC1071	Truyền nhiễm YHHĐ kết hợp YHCT	Infectious Diseases Traditional and Modern Medicine Combination	X	X	X	X	X	X	X	X	
52	PHL1071	Phục hồi chức năng	Physical Rehabilitation	X	X	X	X	X	X	X	X	
53	NEU1071	Thần kinh	Neurology	X	X	X	X	X	X	X	X	
54	IEC1071	Hồi sức cấp cứu	Initial Emergency Care	X	X	X	X	X	X	X	X	
55	FAM1071	Y học gia đình	Family medicine	X	X	X	X	X	X	X	X	
56	NHP1071	Chương trình Y tế Quốc gia –	National Health Program –	X	X	X	X	X		X	X	

ST T	Mã HP	Tên học phần		Phương pháp dạy – học								
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Giải thích cụ thể	Thuyết giảng	Câu hỏi gợi mở	Giải quyết vấn đề	Học theo tình huống	Thực tập, thực tế	Tranh luận	Thảo luận	Bài tập
		Tổ chức và quản lý Y tế.	Health management organization									
56	CMP1071	Thực tập cộng đồng	Community internship	X	X	X	X	X	X		X	
58	BTT1071	Lý luận cơ bản Y học cổ truyền	Basic reasoning Traditional medicine	X	X	X	X	X		X	X	
59	MPH1071	Thực vật dược và chế biến dược liệu	Medicinal Plants and Processing of Herbal Materials	X	X	X	X	X	X	X	X	
60	DTM1071	Chẩn đoán học YHCT	Diagnosis of traditional medicine	X	X	X	X	X	X	X	X	
61	HTM1071	Thuốc YHCT – Bào chế thuốc YHCT	Herbs Traditional Medicine and Herbal Preparation	X	X	X	X	X		X	X	

ST T	Mã HP	Tên học phần		Phương pháp dạy – học								
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Giải thích cụ thể	Thuyết giảng	Câu hỏi gợi mở	Giải quyết vấn đề	Học theo tình huống	Thực tập, thực tế	Tranh luận	Thảo luận	Bài tập
			Traditional Medicine									
63	ACU1071	Châm cứu	Acupuncture	X	X	X	X	X	X	X	X	
65	APM1071	Phương pháp điều trị không dùng thuốc	Acupressure Massage	X	X	X	X	X	X	X	X	
66	THM1107 1	Phương tử 1	Traditional Herbal Medicine Formulations 1	X	X	X	X	X		X	X	
67	THM2107 1	Phương tử 2	Traditional Herbal Medicine Formulations 2	X	X	X	X	X		X	X	
68	PTM1071	Bệnh học và điều trị Nội YHCT	Internal Medicine Treatment by Traditional Medicine	X	X	X	X	X	X	X	X	
69	TMS1071	Bệnh học và điều trị	Traditional Medicine in	X	X	X	X	X	X	X	X	

ST T	Mã HP	Tên học phần		Phương pháp dạy – học								
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Giải thích cụ thể	Thuyết giảng	Câu hỏi gợi mở	Giải quyết vấn đề	Học theo tình huống	Thực tập, thực tế	Tranh luận	Thảo luận	Bài tập
		Ngoại YHCT	Surgical Treatments									
70	TDM1071	Bệnh học và điều trị Phụ sản YHCT	Gynecology Medicine Treatment by Traditional Medicine	X	X	X	X	X	X	X	X	
71	PMT1071	Bệnh học và điều trị Nhi YHCT	Pediatric Medicine Treatment by Traditional Medicine	X	X	X	X	X	X	X	X	
72	GER1071	Bệnh học và điều trị Lão YHCT kết hợp YHCT	Geriatrics medicine combines traditional medicine	X	X	X	X	X	X	X	X	
2.3.2. Nhóm học phần tự chọn												
2.3.2.1. Nhóm học phần tự chọn (chọn 3 trong 5 học phần)												
73	OAM 1071	Răng hàm mặt	Oral and Maxillofacial Medicine	X	X	X	X	X	X	X	X	
74	ENT1071	Tai mũi	Otorhinolaryn	X	X	X	X	X	X	X	X	

ST T	Mã HP	Tên học phần		Phương pháp dạy – học								
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Giải thích cụ thể	Thuyết giảng	Câu hỏi gợi mở	Giải quyết vấn đề	Học theo tình huống	Thực tập, thực tế	Tranh luận	Thảo luận	Bài tập
		họng	gology									
75	OPH1071	Mắt	Ophthalmology	X	X	X	X	X	X	X	X	
76	CAC1071	Ung thư	Cancer	X	X	X	X	X	X	X	X	
77	MT1071	Tâm thần	Mental	X	X	X	X	X	X	X	X	
78	TBC1071	Lao và bệnh phổi	Tuberculosis and lung disease	X	X	X	X	X	X	X	X	
79	DML1071	Da liễu YHHD	Dermatology	X	X	X	X	X	X	X	X	
80	CIA1071	Dị ứng miễn dịch lâm sàng	Clinical Immunology and Allergies.	X	X	X	X	X	X	X	X	
2.3.2.2. Nhóm học phần tự chọn 2 (chọn 1 trong 2 học phần)												
81	CWT1071	Tác phẩm kinh điển Y học cổ truyền Việt Nam	Classical Works of Traditional Vietnamese Medicine	X	X	X	X	X		X	X	
82	CWC1071	Tác phẩm kinh điển Y học cổ truyền	Classical Works of Traditional Chinese	X	X	X	X	X		X	X	

ST T	Mã HP	Tên học phần		Phương pháp dạy – học								
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Giải thích cụ thể	Thuyết giảng	Câu hỏi gợi mở	Giải quyết vấn đề	Học theo tình huống	Thực tập, thực tế	Tranh luận	Thảo luận	Bài tập
		Trung Quốc	Medicine									
2.4. Nhóm học phần tốt nghiệp												
2.4.1. Thực hành lâm sàng tốt nghiệp												
83	ITM21071	Bệnh học và điều trị Nội YHCT	Internal Medicine Pathology and Treatment in Traditional Medicine	X	X	X	X	X	X	X	X	
84	STM1071	Bệnh học và điều trị Ngoại YHCT	Surgical Pathology and Treatment in Traditional Medicine	X	X	X	X	X	X	X	X	
85	GTM1071	Bệnh học và điều trị Phụ sản YHCT	Gynecological Pathology and Treatment in Traditional Medicine	X	X	X	X	X	X	X	X	
86	PTM1071	Bệnh học và điều trị Nhi YHCT	Pediatric Pathology and Treatment in	X	X	X	X	X	X	X	X	

ST T	Mã HP	Tên học phần		Phương pháp dạy – học								
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Giải thích cụ thể	Thuyết giảng	Câu hỏi gợi mở	Giải quyết vấn đề	Học theo tình huống	Thực tập, thực tế	Tranh luận	Thảo luận	Bài tập
			Traditional Medicine									
2.4.2. Khóa luận tốt nghiệp/ Học phần thay th												
87	GT1071	Khóa luận tốt nghiệp/ Học phần thay thế		X	X	X	X	X		X	X	

1) Thuyết giảng (Lecture): Giáo viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giáo viên là người thuyết trình, diễn giảng. Người học chỉ nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giáo viên truyền đạt.

2) Câu hỏi gợi mở (Inquiry): Trong tiến trình dạy học, giáo viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề và hướng dẫn giúp người học từng bước trả lời câu hỏi. Người học có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra.

3) Giải quyết vấn đề (Problem Solving): Trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua quá trình tìm giải pháp cho vấn đề đặt ra, người học đạt được kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của học phần.

4) Học theo tình huống (Case Study): Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giáo viên liên hệ các tình huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu người học giải quyết, giúp người học hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như kỹ năng nghiên cứu.

5) Thực hành, thực tập, thực tế

- Thực tập/thực hành tiền lâm sàng: tại các phòng thực tập, phòng thí nghiệm, trung tâm tiền lâm sàng.
- Thực hành Bệnh viện: tại bệnh viện tuyến Tỉnh, tuyến Quận, tuyến Huyện.
- Thực tập tại cộng đồng, tại vườn dược liệu

- + Thực tập cộng đồng tại các Trung tâm Y tế, Bệnh viện Huyện, Trạm Y tế xã, phường
- + Thực tập tốt nghiệp tại Bệnh viện tuyến trung ương, tuyến Tỉnh, tuyến Quận, Huyện, tuyến địa phương.

Thông qua các hoạt động học tập này giúp người học hiểu được môi trường làm việc thực tế của ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp, học hỏi các phương pháp điều trị và chăm sóc sức khỏe đang được áp dụng tại cơ sở thực hành và cộng đồng, hình thành kỹ năng nghề nghiệp và văn hóa làm việc trong đơn vị Y tế công lập và tư nhân. Phương pháp này không những giúp người học hình thành kiến thức kỹ năng mà còn tạo cơ hội nghề nghiệp cho người học sau khi tốt nghiệp.

6) Nhóm nghiên cứu giảng dạy: người học được khuyến khích tham gia vào các dự án, nhóm nghiên cứu và giảng dạy của giảng viên, giúp hình thành năng lực nghiên cứu và kỹ năng sáng tạo. Từ đó, tạo tiền đề cho người học tiếp tục học tập cao hơn ở bậc học Thạc sĩ, Tiến sĩ sau khi hoàn thành chương trình đào tạo và tốt nghiệp.

7) Thảo luận (Discussion): Là phương pháp dạy học trong đó sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giáo viên đặt ra. Khác với phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người học với cùng quan điểm mục tiêu chung và tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.

8) Bài tập ở nhà (Work Assignment): Theo phương pháp này, sinh viên được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với những nội dung và yêu cầu do giáo viên đặt ra. Thông qua việc hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà này, sinh viên học được cách tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.

3.6. Phương pháp đánh giá và công cụ, tiêu chí đánh giá kết quả học tập

Khoa Y Dược đã xây dựng và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Tùy thuộc vào chiến lược, phương pháp dạy học và yêu cầu đáp ứng chuẩn đầu ra của từng môn học để lựa chọn các phương pháp đánh giá phù hợp, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin để đánh giá mức độ tiến bộ của người học cũng như mức độ hiệu quả đạt được của tiến trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo của Khoa Y Dược được chia thành 2 loại chính là đánh giá theo tiến trình (On-going /Formative Assessment) và đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment) được thể hiện ở Bảng 3.7 như sau:

Bảng 3.7. Ma trận phương pháp đánh giá tương thích với Chuẩn đầu ra của CTĐT

Phương pháp đánh giá (Assessment methods)	Chuẩn đầu ra - PLOs											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

		Kiến thức					Kỹ năng					NLTC – TCTN	
1	Đánh giá chuyên cần	X	X	X	X							X	X
2	Đánh giá bài tập		X	X	X	X	X	X	X	X	X		
2.1.	Thực hành tại Lab			X		X			X			X	X
2.2.	Thực hành tại Bệnh viện				X	X			X	X	X	X	X
2.3	Đánh giá thực hành tại cộng đồng, thực địa				X	X			X	X	X	X	X
3	Đánh giá thuyết trình			X	X	X		X	X	X	X	X	X
4	Kiểm tra viết	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
5	Kiểm tra trắc nghiệm			X	X	X	X	X		X	X		
6	Bảo vệ và thi vấn đáp			X	X			X	X	X	X	X	X
7	Đánh giá báo cáo		X	X	X			X	X	X	X	X	X

Bảng 3.8. Ma trận các phương pháp đánh giá của các học phần trong Chương trình đào tạo

STT	Mã HP	Tên học phần		Phương pháp đánh giá							
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Đánh giá tiến trình			Đánh giá tổng kết/định kỳ				
				Đánh giá chuyên cần	Đánh giá bài tập	Đánh giá thuyết trình	Kiểm tra viết	Kiểm tra trắc nghiệm	Bảo vệ và thi vấn đáp	Báo cáo	
1. Khối kiến thức giáo dục đại cương											
1.1. Nhóm học phần bắt buộc											
1	PML0071	Triết học Mác-	Philosophy of	X	X	X	X	X	X		

STT	Mã HP	Tên học phần		Phương pháp đánh giá						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Đánh giá tiến trình			Đánh giá tổng kết/định kỳ			
				Đánh giá chuyên cần	Đánh giá bài tập	Đánh giá thuyết trình	Kiểm tra viết	Kiểm tra trắc nghiệm	Bảo vệ và thi vấn đáp	Báo cáo
		Lênin	Marxism and Leninism							
2	EML0071	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Political economics of Marxism and Leninism	X	X	X	X	X	X	
3	SSO0071	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific socialism	X	X	X	X	X	X	
4	HTH0071	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh's Thought	X	X	X	X	X	X	
5	HIS0071	Lịch sử Đảng CSVN	History of Vietnamese Communist Party	X	X	X	X	X	X	
6	IFT0071	Tin học	Information Technology	X	X	X	X	X	X	
7	SSK0071	Kỹ năng mềm	Soft skills	X	X	X	X	X	X	
8	SUP0071	Khởi nghiệp	Start - up	X	X	X	X	X	X	
9	DID0071	Kỹ năng soạn thảo và ban hành văn bản	Technical drafting and issuance of documents	X	X	X	X	X	X	
10	GLA0071	Pháp luật đại cương	General Law	X	X	X	X	X	X	
11	PMS0071	Xác suất thống kê Y học	Probability of medical statistics	X	X	X	X	X	X	

STT	Mã HP	Tên học phần		Phương pháp đánh giá						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Đánh giá tiến trình			Đánh giá tổng kết/định kỳ			
				Đánh giá chuyên cần	Đánh giá bài tập	Đánh giá thuyết trình	Kiểm tra viết	Kiểm tra trắc nghiệm	Bảo vệ và thi vấn đáp	Báo cáo
12	RME0071	Phương pháp NCKH	Research Methods	X	X	X	X	X	X	
1.2. Nhóm học phần tự chọn				X	X	X	X	X	X	
1.3. Nhóm học phần điều kiện				X	X	X	X	X	X	
13	ENG10071	Tiếng Anh cơ bản 1	Basic English 1	X	X	X	X	X	X	
14	ENG20071	Tiếng Anh cơ bản 2	Basic English 2	X	X	X	X	X	X	
15	ENG30071	Tiếng Anh cơ bản 3	Basic English 3	X	X	X	X	X	X	
16	ETM1071	Tiếng Anh chuyên ngành	English for Traditional Medicine	X	X	X	X	X	X	
17	CNS10071	Tiếng Trung cơ bản 1	Basic Chinese 1	X	X	X	X	X	X	
18	CNS20071	Tiếng Trung cơ bản 2	Basic Chinese 2	X	X	X	X	X	X	
19	CNS30071	Tiếng Trung cơ bản 3	Basic Chinese 3	X	X	X	X	X	X	
20	CTM1071	Tiếng Trung chuyên ngành	Chinese for Traditional Medicine	X	X	X	X	X	X	
1.3. Nhóm học phần điều kiện										
21	SME0071	Giáo dục ANQP	National defense and security	X	X	X	X	X	X	

STT	Mã HP	Tên học phần		Phương pháp đánh giá						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Đánh giá tiến trình			Đánh giá tổng kết/định kỳ			
				Đánh giá chuyên cần	Đánh giá bài tập	Đánh giá thuyết trình	Kiểm tra viết	Kiểm tra trắc nghiệm	Bảo vệ và thi vấn đáp	Báo cáo
			education							
22	PHE0071	Giáo dục thể chất	Physical education	X	X	X	X	X	X	
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp										
2.1. Khối kiến thức cơ sở ngành										
Nhóm học phần bắt buộc										
23	DME1071	Dân số học	Demography	X	X	X	X	X	X	
24	BAG1071	Sinh học và Di truyền	Biology and Genetics	X	X	X	X	X	X	
25	PMB1071	Vật lý - Lý sinh	Physics - Medical Biophysics	X	X	X	X	X	X	
26	GIC1071	Hoá đại cương vô cơ	General inorganic Chemistry	X	X	X	X	X	X	
27	AIS0071	Tin học ứng dụng	Applied Informatics and Statistics	X	X	X	X	X	X	
28	PMC1071	Tâm lý học - Đạo đức Y học – Truyền thông và giáo dục sức khỏe	Psychology - Medical Ethics - Communication and Health Education	X	X	X	X	X	X	
2.2. Khối kiến thức cơ sở ngành				X	X	X	X	X	X	
2.2.1. Nhóm học phần bắt buộc				X	X	X	X	X	X	
30	ANT11071	Giải phẫu 1	Anatomy 1	X	X	X	X	X	X	
31	ANT21071	Giải phẫu 2	Anatomy 2	X	X	X	X	X	X	

STT	Mã HP	Tên học phần		Phương pháp đánh giá						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Đánh giá tiến trình			Đánh giá tổng kết/định kỳ			
				Đánh giá chuyên cần	Đánh giá bài tập	Đánh giá thuyết trình	Kiểm tra viết	Kiểm tra trắc nghiệm	Bảo vệ và thi vấn đáp	Báo cáo
32	EIS1071	Mô phôi	Histology and Embryology	X	X	X	X	X	X	
33	PSL1071	Sinh lý	Physiologic	X	X	X	X	X	X	
34	BCM1071	Hoá sinh	Biochemistry	X	X	X	X	X	X	
35	MBP1071	Vi sinh - Ký sinh trùng	Microbiology - Parasites	X	X	X	X	X	X	
36	ANP1071	Giải phẫu bệnh	Anatomical Pathology	X	X	X	X	X	X	
37	PAI1071	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	Pathophysiology – Immunity	X	X	X	X	X	X	
38	PMC1071	Dược lý	Pharmacology	X	X	X	X	X	X	
39	NFS1071	Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm	Nutrition and food hygiene and safety	X	X	X	X	X	X	
41	EDL1071	Dịch tễ học	Epidemiology	X	X	X	X	X	X	
42	NUR1071	Điều dưỡng cơ bản	Basic nursing	X	X	X	X	X	X	
2.2. Khối kiến thức chuyên ngành										
Nhóm học phần bắt buộc										
43	PMS1071	Tiền lâm sàng YHHD	Preclinical Medical Skills	X	X	X	X	X	X	
44	IMF1071	Nội cơ sở YHHD	Internal Medical Facilities	X	X	X	X	X	X	

STT	Mã HP	Tên học phần		Phương pháp đánh giá						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Đánh giá tiến trình			Đánh giá tổng kết/định kỳ			
				Đánh giá chuyên cần	Đánh giá bài tập	Đánh giá thuyết trình	Kiểm tra viết	Kiểm tra trắc nghiệm	Bảo vệ và thi vấn đáp	Báo cáo
45	EMF1071	Ngoại cơ sở YHHĐ	External Medical Facilities	X	X	X	X	X	X	
46	MIM1071	Nội bệnh lý YHHĐ	Medical Internal Medicine	X	X	X	X	X	X	
47	EPM1071	Ngoại bệnh lý YHHĐ	Surgical Medicine	X	X	X	X	X	X	
48	OBG1071	Phụ sản YHHĐ	Obstetrics and gynecology	X	X	X	X	X	X	
49	PED1071	Nhi YHHĐ	Pediatric medicine	X	X	X	X	X	X	
50	DNI1071	Chẩn đoán hình ảnh	Diagnostic imaging	X	X	X	X	X	X	
51	ITC1071	Truyền nhiễm YHHĐ kết hợp YHCT	Infectious Diseases Traditional and Modern Medicine Combination	X	X	X	X	X	X	
52	PHL1071	Phục hồi chức năng	Physical Rehabilitation	X	X	X	X	X	X	
53	NEU1071	Thần kinh	Neurology	X	X	X	X	X	X	
54	IEC1071	Hồi sức cấp cứu	Initial Emergency Care	X	X	X	X	X	X	
55	FAM1071	Y học gia đình	Family medicine	X	X	X	X	X	X	
56	NHP1071	Chương trình Y tế Quốc gia – Tổ chức	National Health Program – Health	X	X	X	X	X	X	

STT	Mã HP	Tên học phần		Phương pháp đánh giá						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Đánh giá tiến trình			Đánh giá tổng kết/định kỳ			
				Đánh giá chuyên cần	Đánh giá bài tập	Đánh giá thuyết trình	Kiểm tra viết	Kiểm tra trắc nghiệm	Bảo vệ và thi vấn đáp	Báo cáo
		và quản lý Y tế.	management organization							
56	CMP1071	Thực tập cộng đồng	Community internship	X	X	X	X	X	X	X
58	BTT1071	Lý luận cơ bản Y học cổ truyền	Basic reasoning Traditional medicine	X	X	X	X	X	X	
59	MPH1071	Thực vật dược và chế biến dược liệu	Medicinal Plants and Processing of Herbal Materials	X	X	X	X	X	X	X
60	DTM1071	Chẩn đoán học YHCT	Diagnosis of traditional medicine	X	X	X	X	X	X	
61	HTM1071	Thuốc YHCT – Bào chế	Herbs Traditional Medicine and Herbal Preparation Traditional Medicine	X	X	X	X	X	X	
63	ACU1071	Châm cứu	Acupuncture 1	X	X	X	X	X	X	
65	APM1071	Phương pháp điều trị không dùng thuốc	Acupressure Massage	X	X	X	X	X	X	
66	THM1107	Phương tễ 1	Traditional Herbal	X	X	X	X	X	X	

STT	Mã HP	Tên học phần		Phương pháp đánh giá						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Đánh giá tiến trình			Đánh giá tổng kết/định kỳ			
				Đánh giá chuyên cần	Đánh giá bài tập	Đánh giá thuyết trình	Kiểm tra viết	Kiểm tra trắc nghiệm	Bảo vệ và thi vấn đáp	Báo cáo
	1		Medicine Formulations 1							
67	THM2107 1	Phương tế 2	Traditional Herbal Medicine Formulations 2	X	X	X	X	X	X	
68	PTM1071	Bệnh học và điều trị Nội YHCT	Internal Medicine Treatment by Traditional Medicine	X	X	X	X	X	X	
69	TMS1071	Bệnh học và điều trị Ngoại YHCT	Traditional Medicine in Surgical Treatments	X	X	X	X	X	X	
70	TDM1071	Bệnh học và điều trị Phụ sản YHCT	Gynecology Medicine Treatment by Traditional Medicine	X	X	X	X	X	X	
71	PMT1071	Bệnh học và điều trị Nhi YHCT	Pediatric Medicine Treatment by Traditional Medicine	X	X	X	X	X	X	
72	GER1071	Bệnh học và điều trị Lão YHHĐ kết hợp	Geriatrics medicine combines	X	X	X	X	X	X	

STT	Mã HP	Tên học phần		Phương pháp đánh giá						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Đánh giá tiến trình			Đánh giá tổng kết/định kỳ			
				Đánh giá chuyên cần	Đánh giá bài tập	Đánh giá thuyết trình	Kiểm tra viết	Kiểm tra trắc nghiệm	Bảo vệ và thi vấn đáp	Báo cáo
		YHCT	traditional medicine							
2.3.2. Nhóm học phần tự chọn										
2.3.2.1. Nhóm học phần tự chọn (chọn 3 trong 5 học phần)										
73	OAM 1071	Răng hàm mặt	Oral and Maxillofacial Medicine	X	X	X	X	X	X	
74	ENT1071	Tai mũi họng	Otorhinolaryngology	X	X	X	X	X	X	
75	OPH1071	Mắt	Ophthalmology	X	X	X	X	X	X	
76	CAC1071	Ung thư	Cancer	X	X	X	X	X	X	
77	MT1071	Tâm thần	Mental	X	X	X	X	X	X	
78	TBC1071	Lao và bệnh phổi	Tuberculosis and lung disease	X	X	X	X	X	X	
79	DML1071	Da liễu YHHĐ	Dermatology	X	X	X	X	X	X	
80	CIA1071	Dị ứng miễn dịch lâm sàng	Clinical Immunology and Allergies.	X	X	X	X	X	X	
2.3.2.2. Nhóm học phần tự chọn 2 (chọn 1 trong 2 học phần)										
81	CWT1071	Tác phẩm kinh điển Y học cổ truyền Việt Nam	Classical Works of Traditional Vietnamese Medicine	X	X	X	X	X	X	

STT	Mã HP	Tên học phần		Phương pháp đánh giá						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Đánh giá tiến trình			Đánh giá tổng kết/định kỳ			
				Đánh giá chuyên cần	Đánh giá bài tập	Đánh giá thuyết trình	Kiểm tra viết	Kiểm tra trắc nghiệm	Bảo vệ và thi vấn đáp	Báo cáo
82	CWC1071	Tác phẩm kinh điển Y học cổ truyền Trung Quốc	Classical Works of Traditional Chinese Medicine	X	X	X	X	X	X	
2.4. Nhóm học phần tốt nghiệp										
2.4.1. Thực hành lâm sàng tốt nghiệp										
83	ITM21071	Thực hành lâm sàng và điều trị Nội YHCT	Practice examination Internal Pathology and in Traditional Medicine	X	X	X	X	X	X	X
84	STM1071	Thực hành lâm sàng và điều trị Ngoại YHCT	Practice examination Surgical Pathology and Treatment in Traditional Medicine	X	X	X	X	X	X	X
85	GTM1071	Thực hành lâm sàng và điều trị Phụ sản YHCT	Practice examination Gynecological Pathology and Treatment in Traditional	X	X	X	X	X	X	X

STT	Mã HP	Tên học phần		Phương pháp đánh giá						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Đánh giá tiến trình			Đánh giá tổng kết/định kỳ			
				Đánh giá chuyên cần	Đánh giá bài tập	Đánh giá thuyết trình	Kiểm tra viết	Kiểm tra trắc nghiệm	Bảo vệ và thi vấn đáp	Báo cáo
			Medicine							
86	PTM1071	Thực hành lâm sàng và điều trị Nhi YHCT	Practice examination Pediatric Pathology and Treatment in Traditional Medicine	X	X	X	X	X	X	X
2.4.2. Khóa luận tốt nghiệp										
87	GT1071	Khóa luận tốt nghiệp/ Học phần thay thế		X		X			X	X
Học phần thay thế KLTN										
	PTM21071	Bệnh học nội khoa YHCT 2	Internal Medicine and Treatment in Traditional Medicine 2	X	X		X			
	THM31071	Phương tử 3	Traditional Herbal Medicine Formulations	X	X		X			
	HTM11071	Bào chế thuốc YHCT	Herbal Preparation Traditional Medicine	X	X		X			

1/ Đánh giá chuyên cần (*Attendance Check*)

Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên của người học cũng như những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với khóa học. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo Rubric 1 hoặc 2 tùy thuộc vào học phần lý thuyết hay chuyên đề.

2/ Đánh giá bài tập (*Work Assignment*)

Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm và được đánh giá theo các tiêu chí cụ thể trong Rubric 3.

2.1. Đánh giá thực hành tại Lab

Người học được yêu cầu thực hành tại phòng lab cho nhằm mục đích đảm bảo cho người học không chỉ hiểu biết lý thuyết mà còn có khả năng áp dụng kiến thức vào thực tiễn.

2.2. Đánh giá thực hành tại Bệnh viện

Phương pháp đánh giá thực hành tại bệnh viện giúp người học phát triển một cách toàn diện về kiến thức lâm sàng, kỹ năng thực hành và thái độ chuyên nghiệp trong môi trường chăm sóc sức khỏe thực tế.

2.3. Đánh giá thực hành tại cộng đồng, thực địa

Phương pháp đánh giá thực hành tại cộng đồng và thực địa giúp người học phát triển tư duy y tế cộng đồng, đồng thời củng cố kiến thức và kỹ năng lâm sàng từ thực tế. Đây là cách tiếp cận toàn diện để chuẩn bị cho người học trở thành những bác sĩ có năng lực, có khả năng giải quyết các vấn đề Y tế trong nhiều môi trường khác nhau

3/ Đánh giá thuyết trình (*Oral Presentaion*)

Trong một số học phần thuộc chương trình đào tạo của Khoa Y Dược, người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này không những giúp người học đạt được những kiến thức chuyên ngành mà còn giúp người học phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm. Để đánh giá mức độ đạt được các kỹ năng này của người học có thể sử dụng các tiêu chí đánh giá cụ thể như Rubric 4.

4/ Đánh giá kiểm tra viết (*Written Exam*)

Theo phương pháp đánh giá kiểm tra viết, người học được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu ra về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp đánh giá này là thang 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.

5/ Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm (*Multiple choice exam*)

Phương pháp đánh giá trắc nghiệm tương tự như phương pháp kiểm tra viết, người học được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá trắc nghiệm người học trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng được thiết kế và in sẵn trong đề thi.

6/ Đánh giá bảo vệ và thi vấn đáp (*Oral Exam*)

Trong phương pháp đánh giá bảo vệ và thi vấn đáp, người học được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp. Các tiêu chí đánh giá cụ thể cho phương pháp đánh giá bảo vệ và thi vấn đáp được thể hiện trong Rubric 5.

7/ Đánh giá báo cáo (*Written Report*)

Người học được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, lập luận vấn đề trong báo cáo. Tiêu chí đánh giá cụ thể theo phương pháp này theo Rubric 6.

7.1. Đánh giá dựa trên năng lực

7.2. Bài kiểm tra lâm sàng có cấu trúc khách quan

Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubrics): Trên cơ sở các phương pháp đánh giá. Khoa Y Dược đã xây dựng các công cụ, tiêu chí cụ thể để thực hiện việc đánh giá người học theo các Rubrics. Tùy theo yêu cầu, mục tiêu và đặc trưng của từng học phần để lựa chọn phương pháp đánh giá cũng như Rubrics đánh giá thích hợp. Cùng một phương pháp đánh giá có thể áp dụng Rubric đánh giá khác nhau cho các học phần khác nhau. Các Rubrics đánh giá được xây dựng chi tiết tương ứng với phương pháp đánh giá trong chương trình đào tạo ngành Y học cổ truyền. Cụ thể như sau:

1. Đánh giá chuyên cần (Attendace Check)

Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Không đi học (<30%)	Đi học không chuyên cần (<50%).	Đi học khá chuyên cần (<70%).	Đi học chuyên cần (<90%).	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100%).	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	50%

Rubric 2: Tham gia buổi hướng dẫn chuyên đề của giảng viên (Project Attendance)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Tổ chức nhóm	Nhóm bị phá vỡ hoàn toàn: Trách nhiệm và nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm không được phân công cụ thể, không có sự liên	Trách nhiệm và nhiệm vụ của mỗi thành viên trong nhóm không rõ ràng, không phù hợp với khả năng của họ. Không có sự phối hợp làm việc giữa các thành	Mỗi thành viên có nhiệm vụ riêng nhưng chưa rõ ràng và chưa phù hợp với khả năng của thành viên. Sự phối hợp làm việc của nhóm chưa tốt.	Nhiệm vụ của mỗi thành viên trong nhóm rõ ràng và phù hợp với khả năng của họ. Sự phối hợp làm việc của nhóm tốt.	Nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm rất rõ ràng và phù hợp với khả năng của họ, phát huy điểm mạnh của các thành viên. Sự phối hợp làm việc của nhóm rất tốt.	20%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
	kết, phối hợp nhóm.	viên trong nhóm.				
Chuyên cần	< 30%	<50%	<70%	<90%	100%	15%
Thảo luận	Không bao giờ tham gia thảo luận trong nhóm	Hiếm khi tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến	Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến cho thảo luận giữa các nhóm.	Luôn tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hiệu quả cho các hoạt động của nhóm và giữa các nhóm.	20%
Nội dung theo tiến độ quy định	Không đầy đủ các nội dung	Nội dung không đầy đủ (<50%), kết quả lập luận sai, trình tự các bước lập luận không hợp lý.	Nội dung đầy đủ theo tiến độ quy định (100%). Kết quả lập luận còn một số sai sót, nhầm lẫn.	Nội dung đầy đủ theo tiến độ quy định (100%). Kết quả chứng cứ, lập luận đầy đủ nhưng chưa hợp lý	Nội dung đầy đủ về theo tiến độ quy định (100%). Trình tự các bước lập luận, chứng cứ hợp lý, đúng.	30%
Trình bày thuyết minh	Không có thuyết minh hoặc thuyết minh không đầy đủ.	Trình bày thuyết minh lộn xộn, không đúng trình tự	Nội dung trình bày trong thuyết minh phù hợp. Thuyết minh còn một số lỗi chính tả, một số nhầm lẫn về chứng cứ, lập luận.	Nội dung phù hợp. Cấu trúc, bố cục thuyết minh rõ ràng, logic. Ghi chú, giải thích, ít sai sót	Nội dung phù hợp, cấu trúc thuyết minh rất chi tiết, rõ ràng, logic.	15%

2. Đánh giá bài tập (Work Assignment) và thực hành (Work Assignment)

2.1. Đánh giá bài tập (Work Assignment)

Rubric 3: Bài tập (Work Assignment)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp bài tập	Không nộp bài tập	Nộp bài tập 70% số lượng bài tập được giao. Chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.	20%
Trình bày bài tập	Không có bài tập	Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Lý luận, bảng biểu sử dụng trong bài tập không phù hợp.	Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Lý luận, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú)	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Lập luận sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý.	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng), lập luận logic sử dụng trong bài tập rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý.	30%
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót trong tính toán.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Lập luận đúng, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Lập luận chứng cứ logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	50%

2.2. Đánh giá thực hành tại Lab (Work Practice)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0 – 3.9)	MỨC D (4.0 – 5.4)	MỨC C (5.5 – 6.9)	MỨC B (7.0 – 8.4)	MỨC A (8.5 – 10)	
Chuyên cần	Không thực hành	Thực hành 70% thời lượng quy định của học phần. Chưa đúng thời gian quy định.	Thực hành đầy đủ (100% thời lượng quy định của học phần). Chưa tuân thủ nội quy phòng thực hành	Thực hành đầy đủ (100% thời lượng quy định của học phần). Tham gia hầu hết buổi thực hành đúng thời gian quy định	Thực hành đầy đủ (100% thời lượng quy định của học phần). Chăm chỉ chuyên cần trong quá trình học thực hành.	20%
Kết quả thực hành và trả lời câu hỏi	Không có kết quả	Kết quả trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu về mục tiêu môn học	Kết quả trình bày đúng yêu cầu. Trả lời đúng trọng tâm, mục tiêu HP. Còn một số lỗi nhỏ về kết quả	Kết quả trình bày đúng yêu cầu, trả lời câu hỏi đáp ứng được mục tiêu HP	Kết quả trình bày đúng yêu cầu, trả lời câu hỏi đáp ứng được mục tiêu HP. Giải thích được, cụ thể và hợp lý.	80%

2.3. Đánh giá thực hành tại Bệnh viện (Work Practice)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0 – 3.9)	MỨC D (4.0 – 5.4)	MỨC C (5.5 – 6.9)	MỨC B (7.0 – 8.4)	MỨC A (8.5 – 10)	
Chuyên cần	Không thực hành lâm sàng	Thực hành lâm sàng 70% thời lượng quy định của học phần. Chưa thực hiện đúng thời gian quy định của BV	Thực hành lâm sàng đầy đủ (100% thời lượng quy định của học phần). Chưa thực hiện đúng thời gian quy định của BV	Thực hành lâm sàng đầy đủ (100% thời lượng quy định của học phần). Tham gia hầu hết buổi thực hành đúng thời gian quy định	Thực hành đầy đủ (100% thời lượng quy định của học phần). Chăm chỉ chuyên cần trong quá trình học thực hành tại BV	20%

Kết quả thực hành và trả lời câu hỏi	Không có kết quả	Kết quả trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu về mục tiêu môn học.	Kết quả trình bày đúng yêu cầu. Trả lời đúng trọng tâm, mục tiêu HP. Còn một số lỗi nhỏ về kết quả	Kết quả trình bày đúng yêu cầu, trả lời câu hỏi đáp ứng được mục tiêu học phần	Kết quả trình bày đúng yêu cầu, trả lời câu hỏi đáp ứng được mục tiêu HP. Giải thích được, cụ thể và hợp lý.	80%
--------------------------------------	------------------	--	--	--	--	------------

2.4. Đánh giá thực hành tại cộng đồng (Work Practice)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0 – 3.9)	MỨC D (4.0 – 5.4)	MỨC C (5.5 – 6.9)	MỨC B (7.0 – 8.4)	MỨC A (8.5 – 10)	
Chuyên cần	Không thực hành	Thực hành 70% thời lượng quy định của học phần. Chưa đúng thời gian quy định thực tập tại cộng đồng	Thực hành đầy đủ (100% thời lượng quy định của học phần). Chưa tuân thủ nội quy, quy chế cơ sở Y tế thực tập.	Thực hành đầy đủ (100% thời lượng quy định của học phần). Tham gia hầu hết buổi thực tập tại cơ sở Y tế, đúng thời gian quy định	Thực hành đầy đủ (100% thời lượng quy định của HP. Chăm chỉ chuyên cần trong quá trình thực tập tại cơ sở Y tế	20%
Kết quả thực hành và trả lời câu hỏi	Không có kết quả	Kết quả trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu về mục tiêu môn học	Kết quả trình bày đúng yêu cầu. Trả lời đúng trọng tâm, mục tiêu HP. Còn một số lỗi nhỏ về kết quả	Kết quả trình bày đúng yêu cầu, trả lời câu hỏi đáp ứng được mục tiêu học phần	Kết quả trình bày đúng yêu cầu, trả lời câu hỏi đáp ứng được mục tiêu HP. Giải thích được, cụ thể và hợp lý.	80%

3. Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)

Rubric 4: Thuyết trình (Oral Presentation)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú. Có sử dụng video	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú. Có sử dụng video và giải thích cụ thể hiểu biết trên video.	50%
Trình bày slide	Slide trình bày quá sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ và hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần (introduction, body and conclusion)	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần, thể hiện sự thành thạo trong trình bày	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần. Thuật ngữ sử dụng đơn giản dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày & ngôn ngữ.	25%
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định. Sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ. Người nghe không hiểu.	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn một số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe khi trình bày.	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe. Người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày.	Phần trình bày ngắn gọn. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu được nội dung trình bày.	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định.	25%

4. Đánh giá kiểm tra viết (Written Exam): Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn

5. Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam): Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn

6. Đánh giá bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)

Rubric 5: Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Thái độ trả lời câu hỏi	Thái độ giao tiếp, trả lời thô lỗ, không hợp tác, thiếu tôn trọng trong giao tiếp. Sử dụng thuật ngữ không phù hợp, giọng nói khó nghe.	Thái độ giao tiếp, trả lời câu hỏi lễ độ. Sử dụng các thuật ngữ trong câu trả lời phức tạp, khó hiểu. Giọng nói nhỏ, thiếu tự tin.	Thái độ giao tiếp, trả lời nhẹ nhàng, hòa nhã. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời phù hợp, dễ hiểu.	Thái độ trong câu trả lời tự tin, từ tốn, nhẹ nhàng, điềm đạm. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời đơn giản, dễ hiểu. Giọng nói lưu loát, rõ ràng.	Thái độ giao tiếp, trả lời rất tự tin, Giọng nói rõ ràng, lưu loát. thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe.	20%
Nội dung trả lời	Các câu trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi.	Các câu trả lời không rõ ràng, gần như không liên quan, không tập trung vào trọng tâm của câu hỏi.	Các câu trả lời đúng trọng tâm câu hỏi, liên quan đến câu hỏi nhưng thiếu tự tin trong các câu trả lời.	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan đến câu hỏi yêu cầu. Thể hiện sự tự tin về sự hiểu biết trong câu trả lời, lập luận giải thích chưa thuyết phục.	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan trực tiếp đến câu hỏi yêu cầu; tự tin trong câu trả lời; lập luận, giải thích cho câu hỏi hoàn toàn thuyết phục.	80%

7. Đánh giá báo cáo (Written Report)

Rubric 6: Báo cáo (Written Report)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung khóa luận	Không có hoặc nội dung được trình bày trong báo cáo không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung trình bày trong báo cáo đầy đủ theo yêu cầu. Tính toán sai, không cụ thể, không đáp ứng yêu cầu.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, còn một số nhầm lẫn trong tính toán, một số nội dung chưa hợp lý	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, trình tự tính toán hợp lý, tính toán chính xác. Kết quả tính toán và chọn chưa có giải thích cụ thể, chưa thuyết phục.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, tính toán chi tiết, rõ ràng, logic, trình tự tính toán hợp lý. Kết quả tính toán và chọn có sự phân tích, lý giải cụ thể, rõ ràng và thuyết phục.	60%
Trình bày thuyết minh	Không có thuyết minh hoặc thuyết minh không đúng với nội dung theo yêu cầu.	Trình tự trình bày thuyết minh không đúng. Nội dung phù hợp theo yêu cầu. Chứng cứ lập luận còn nhiều mâu thuẫn với nội dung.	Nội dung, trình tự trình bày thuyết minh phù hợp theo yêu cầu. Trình bày còn một số lỗi về chính tả, ghi chú chưa đầy đủ.	Nội dung phù hợp. Trình tự, cấu trúc logic, rõ ràng đáp ứng yêu cầu. Hình ảnh, bảng biểu rõ ràng, logic, ghi chú phù hợp. Thể hiện kỹ năng soạn thảo văn bản còn hạn chế.	Nội dung phù hợp. Trình tự, cấu trúc logic, rõ ràng đáp ứng yêu cầu. Hình ảnh, bảng biểu rõ ràng, logic, ghi chú phù hợp. Thể hiện việc sử dụng thành thạo máy tính trong trình bày báo cáo.	20%
Trả lời câu hỏi	Không trả lời được câu hỏi của thành viên hội đồng	Trả lời được 1 trong 4 câu hỏi của 2 thành viên hội đồng phản biện	Trả lời được một số câu hỏi của thành viên hội đồng tuy nhiên vẫn còn 1 hoặc 2 câu chưa trả lời được	Trả lời được các câu hỏi của thành viên hội đồng tuy nhiên chưa đầy đủ hết các nội dung trong 1 câu hỏi nào đó	Trả lời đầy đủ nội dung các câu hỏi của thành viên hội đồng	20%

7.1. Đánh giá dựa trên năng lực (Competency-based Assessment)

Rubric 7: Năng lực (Competency-based Assessment)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	Trọng số
Kiến thức chuyên môn	Không nắm vững kiến thức cơ bản về Y học cổ truyền	Có kiến thức cơ bản nhưng thiếu sự liên kết và ứng dụng.	Nắm vững kiến thức cơ bản và ứng dụng được ở mức độ trung bình	Nắm vững và ứng dụng tốt kiến thức chuyên môn.	Xuất sắc trong việc liên kết và ứng dụng kiến thức vào các tình huống thực tế.	40%
Kỹ năng lâm sàng	Không thực hiện được các kỹ năng lâm sàng cơ bản.	Thực hiện được một số kỹ năng nhưng thiếu sự tự tin.	Thực hiện tốt các kỹ năng cơ bản, nhưng còn lúng túng trong các tình huống phức tạp	Thực hiện tốt các kỹ năng lâm sàng và tự tin trong các tình huống phức tạp.	Xuất sắc trong việc thực hiện các kỹ năng và xử lý tình huống lâm sàng phức tạp.	30%
Giao tiếp và tư vấn	Giao tiếp kém, không thuyết phục được bệnh nhân.	Giao tiếp cơ bản nhưng thiếu thuyết phục và rõ ràng.	Giao tiếp rõ ràng nhưng thiếu sự nhạy bén trong tư vấn.	Giao tiếp tốt, thuyết phục và nhạy bén trong tư vấn.	Xuất sắc trong giao tiếp và tư vấn, tạo được sự tin tưởng tuyệt đối từ bệnh nhân.	15%
Phản hồi và tự đánh giá	Không nhận biết điểm mạnh yếu của mình	Nhận biết được, không cải thiện được điểm yếu	Nhận biết và cải thiện một phần điểm yếu.	Tích cực cải thiện và phát huy điểm mạnh.	Xuất sắc trong việc tự đánh giá và cải thiện liên tục KN và KT	15%

7.2. Bài kiểm tra lâm sàng có cấu trúc khách quan (Objective Structured Clinical Examination - OSCE)

Rubric 8: Kiểm tra lâm sàng có cấu trúc khách quan (Objective Structured Clinical Examination - OSCE)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	Trọng số
Chuẩn bị dụng cụ	Không chuẩn bị đầy đủ dụng cụ.	Chuẩn bị đủ nhưng không đúng cách.	Chuẩn bị đủ và đúng cách nhưng thiếu sự sắp xếp hợp lý.	Chuẩn bị đầy đủ, đúng cách và sắp xếp hợp lý.	Chuẩn bị hoàn hảo, dụng cụ được sắp xếp khoa học và thuận tiện cho sử dụng.	20%
Thực hiện kỹ thuật	Không thực hiện đúng kỹ thuật cơ bản.	Thực hiện kỹ thuật nhưng còn nhiều sai sót.	Thực hiện kỹ thuật đúng nhưng chưa trơn tru.	Thực hiện đúng và trơn tru các kỹ thuật cơ bản.	Thực hiện kỹ thuật hoàn hảo, nhẹ nhàng, chính xác và tự tin.	50%
Quản lý thời gian	Không quản lý được thời gian, vượt quá thời gian cho phép.	Hoàn thành trong thời gian nhưng không đủ thời gian kiểm tra lại.	Hoàn thành trong thời gian và có thể kiểm tra lại một phần.	Hoàn thành tốt và có đủ thời gian kiểm tra lại toàn bộ.	Hoàn thành xuất sắc trước thời gian quy định và kiểm tra lại toàn bộ một cách kỹ lưỡng.	15%
Tương tác với bệnh nhân	Không tạo được sự tin tưởng với bệnh nhân.	Tương tác cơ bản nhưng thiếu tự tin.	Tương tác tốt nhưng thiếu sự nhạy bén.	Tương tác tốt và nhạy bén với tình huống phát sinh.	Tương tác xuất sắc, tạo được sự tin tưởng tuyệt đối từ bệnh nhân và xử lý tình huống phát sinh một cách hiệu quả.	15%

3.7. Hệ thống tính điểm

Trường Đại học Thành Đông sử dụng hệ thống tính điểm để đánh giá người học như sau:

- Thang điểm 10 được sử dụng để đánh giá học phần bao gồm các điểm thành phần, điểm thi cuối kỳ và điểm học phần. Điểm học phần bằng tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng.

- Thang điểm chữ dùng để phân loại kết quả học dựa trên điểm học phần.

- Thang điểm 4 được dùng khi tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để đánh giá kết quả học tập của người học sau mỗi học kỳ và cho điểm tổng kết quả học tập của người học.

Bảng 3.7. Hệ thống thang điểm

TT	Thang điểm 10	Thang điểm 4		Đạt/Không đạt
1	Từ 8,5 đến 10	A	4	Đạt
2	Từ 7,0 đến 8,4	B	3	Đạt
3	Từ 5,5 đến 6,9	C	2	Đạt
4	Từ 4,0 đến 5,4	D	1	Đạt
5	Từ 0 đến 3,9	F	0	Không đạt

3.8. Mô tả vắn tắt các học phần

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
1.	Khối kiến thức giáo dục đại cương			
1.1	Nhóm học phần bắt buộc			
1	PML0071	Triết học Mác - Lênin	3	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất của Triết học Mác - Lênin - một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác - Lênin. Đó là, chủ nghĩa duy vật biện chứng với tư cách là hạt nhân của thế giới quan khoa học; là phép biện chứng duy vật với tư cách là học thuyết đúng đắn nhất về lý luận nhận thức; là chủ nghĩa duy vật lịch sử với tư cách là hệ thống các quan điểm duy vật biện chứng về xã hội, các quan điểm này đã làm sáng tỏ nguồn gốc, động lực và những quy luật chung của sự vận động và phát triển của xã hội loài người. Thông qua môn học giúp sinh hiểu rõ nội dung cơ bản của thế giới quan và phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đây là điều kiện tiên quyết để nghiên cứu toàn bộ hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, đồng thời trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng nhất trong thời đại ngày nay để vận dụng vào hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn.
2	EML0071	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Học phần tiên quyết: Triết học Mác - Lênin Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương đây là học phần bắt buộc trong chương trình. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác - Lênin như: giá trị, giá trị thặng dư, các

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				quy luật của kinh tế thị trường, về phương thức sản xuất Tư bản chủ nghĩa, giúp sinh viên nhận biết bản chất bóc lột của chủ nghĩa tư bản.
3	SSO0071	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức lý luận về: vai trò, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; về cách mạng xã hội chủ nghĩa - là phương thức để xóa bỏ triệt để chế độ áp bức, bóc lột; về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; quy luật và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.
4	HTH0071	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh một cách hệ thống. Tư tưởng Hồ Chí Minh cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin đã trở thành nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng nước ta, đặc biệt trong thời kỳ đổi mới đất nước. Thực chất, tư tưởng Hồ Chí Minh là sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện thực tiễn sinh động của cách mạng nước ta. Việc học tập môn học này còn giúp sinh viên nâng cao ý thức, lòng tự hào dân tộc và thái độ tôn trọng, kính yêu lãnh tụ Hồ Chí Minh và là cơ sở để tiếp thu kiến thức học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.
5	HIS0071	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Học phần tiên quyết: Triết học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh Trang bị cho sinh viên hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng, quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 – 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				giải phóng dân tộc thống nhất đất nước (1945 – 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 – 2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.
6	IFT0071	Tin học đại cương	3	Học phần tiên quyết: Không Học phần này giới thiệu tổng quan về công nghệ thông tin, máy tính điện tử, chức năng của các thành phần phần cứng, phần mềm; hệ điều hành, phần mềm ứng, các thao tác quản lý và sử dụng hệ điều hành Windows, khai thác và sử dụng thông tin trên Internet; Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản và kỹ năng soạn thảo văn bản bằng phần mềm MS Word, tạo và thiết kế bảng tính bằng MS Excel từ đó biết ứng dụng để giải quyết các công việc liên quan đến văn phòng; Cung cấp những kiến thức và kỹ năng cần thiết giúp người học biết cách thiết kế bài trình chiếu ở mức cơ bản, theo đúng nguyên tắc thiết kế và trình chiếu.
7	SSK0071	Kỹ năng mềm	2	Học phần tiên quyết: Không Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và hướng dẫn rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho người học: kỹ năng giao tiếp, các nguyên lý chung về giao tiếp; kỹ năng lắng nghe, nói và thuyết trình hiệu quả; kỹ năng làm việc nhóm đảm bảo sự hợp tác tốt trong học tập và làm việc; kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng quản lý thời gian và kỹ năng quản lý cảm xúc.

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
8	SUP0071	Khởi nghiệp	2	Học phần tiên quyết: Không Học phần cung cấp những kiến thức nhằm giúp người học biết cách chuẩn bị những điều kiện cần và đủ để tạo lập và điều hành thành công một cơ sở Y tế tư nhân, một phòng chẩn trị Y học cổ truyền, một khoa phòng của bệnh viện, cũng đồng thời trang bị những kỹ năng để người học có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng kinh doanh, thực thi kế hoạch và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường kinh doanh. Ngoài ra môn học còn nhằm nâng cao nhận thức về trách nhiệm của một cán bộ Y tế đối với sự phát triển ngành Y tế của đất nước, đối với bệnh nhân và với dân cư trong cộng đồng.
9	DID0071	Kỹ năng soạn thảo và ban hành văn bản	2	Học phần tiên quyết: Tin học Học phần Kỹ thuật xây dựng và ban hành một văn bản là học phần bắt buộc trong các chương trình đào tạo Đại học tại Trường Đại học Thành Đông. Học phần gồm 03 nội dung kiến thức: Khái quát về văn bản; Những yêu cầu về kỹ thuật xây dựng và ban hành văn bản; Kỹ thuật xây dựng một số loại văn bản. Học phần sẽ giúp cho người học nắm được những kiến thức và kỹ năng để xây dựng và ban hành các loại văn bản như: văn bản của cơ quan Đảng, của Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, các văn bản hành chính thông thường khác đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý và logic.
10	STL0071	Pháp luật đại cương	1	Học phần tiên quyết: Không Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nhằm hình thành tư duy và phương pháp nhận thức khoa học đúng đắn về tất cả những vấn đề của nhà nước và pháp luật. Đồng thời, giúp sinh viên tìm hiểu và nắm rõ các

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				quy định về Hệ thống chính trị Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Hiến pháp 2013. Những nội dung cơ bản của một số ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật Hành chính, Luật Dân sự, Luật Hình sự, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Phòng chống tham nhũng.
11	PMS0071	Xác suất thống kê Y học	1	Trang bị các kiến thức Toán phục vụ cho thống kê Y học. Khái niệm cơ bản về xác suất thống kê, đặc trưng của thống kê mô tả, mẫu và phân bố mẫu, ước lượng điểm và ước lượng khoảng, kiểm định giả thuyết, so sánh các mẫu quan sát và xử lý số liệu thống kê trong các nghiên cứu về Y học.
12	RME0071	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	Học phần tiên quyết: Xác suất thống kê Phương pháp nghiên cứu khoa học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản của nghiên cứu khoa học trong y sinh; trên cơ sở đó sinh viên có thể thực hiện được các bước xây dựng và hoàn thiện một đề cương nghiên cứu, bao gồm: lựa chọn chủ đề nghiên cứu, xác định mục tiêu, đối tượng, biến số nghiên cứu; cách viết tổng quan tài liệu, trích dẫn và quản lý tài liệu tham khảo, lựa chọn được thiết kế nghiên cứu phù hợp với vấn đề và mục tiêu nghiên cứu, lập kế hoạch nghiên cứu, viết và trình bày đề cương nghiên cứu.
1.2. Nhóm học phần tự chọn				
13	ENG10071	Tiếng Anh cơ bản 1	3	Học phần tiếng Anh cơ bản 1 là học phần đầu tiên trong chương trình đào tạo tiếng Anh dành cho tiếng Anh không chuyên bậc đại học. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: - Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				cho người mới bắt đầu như động từ to be, thời hiện tại đơn, quá khứ đơn, các cách đặt câu hỏi để lấy thông tin ...; - Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày và để nói về các chủ đề quen thuộc của cuộc sống như bản thân, gia đình, quê hương, đất nước;
14	ENG20071	Tiếng Anh cơ bản 2	3	Học phần tiếng Anh cơ bản 2 là học phần thứ hai trong chương trình đào tạo tiếng Anh dành cho tiếng Anh không chuyên bậc đại học. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: - Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho sinh viên trình độ tiền trung cấp như hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, các động từ khuyết thiếu,... - Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày và để nói về các chủ đề quen thuộc như gia đình, sở thích, lĩnh vực quan tâm, công việc, du lịch, sự kiện đang diễn ra. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được học cách cấu tạo và sử dụng các loại từ như tính từ, trạng từ, đại từ, động từ hình thái, cụm động từ, cách kết hợp từ, quy tắc cấu tạo từ;
15	ENG30071	Tiếng Anh cơ bản 3	3	Học phần tiên quyết: Tiếng Anh cơ bản 2. Học phần tiếng Anh cơ bản 3 là học phần thứ ba trong chương trình đào tạo tiếng Anh dành cho tiếng Anh không chuyên bậc đại học. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: - Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho sinh viên trình độ tiền trung cấp như hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, các động từ

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				khuyết thiếu,... Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày và để nói về các chủ điểm quen thuộc như gia đình, sở thích, lĩnh vực quan tâm, công việc, du lịch, sự kiện đang diễn ra. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được học cách cấu tạo và sử dụng các loại từ như tính từ, trạng từ, đại từ, động từ hình thái, cụm động từ, cách kết hợp từ, quy tắc cấu tạo từ; - Bảng phiên âm quốc tế và cách phát âm phụ âm, nguyên âm, các âm phổ biến trong tiếng Anh. - Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ trung cấp.
16	ETM1071	Tiếng Anh chuyên ngành	2	Học phần tiên quyết: Tiếng Anh cơ bản 3 Học phần Tiếng Anh chuyên ngành y học cổ truyền nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức tiếng Anh học thuật về chuyên ngành YHCT, giúp cho sinh viên có được những kỹ năng ngôn ngữ và vốn từ vựng chuyên ngành cần thiết để có thể vận dụng một cách chính xác vào học tập và các tình huống hàng ngày trong môi trường làm việc, có khả năng đọc hiểu các tài liệu xác thực thuộc chuyên ngành bằng tiếng Anh. Đồng thời, thông qua học phần Tiếng Anh chuyên ngành giúp sinh viên nhận thức tầm quan trọng của việc học và ứng dụng tiếng Anh trong chuyên ngành để chủ động nghiên cứu và nâng cao khả năng tự học tiếng Anh, phục vụ cho công việc chuyên môn.
17	CNS10071	Tiếng Trung cơ bản 1	3	Học phần tiên quyết: Không có Học phần này cung cấp cho sinh viên về vấn đề ngoại ngữ cơ bản từ các kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết, chương trình hỗ trợ cho sinh viên có thể đạt được chuẩn đầu ra tương đương với trình độ HSK cấp 3 và tạo tiền đề cho việc học ngoại ngữ

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				chuyên ngành YHCT sau này.
18	CNS20071	Tiếng Trung cơ bản 2	3	Học phần tiên quyết: Tiếng Trung cơ bản 1 Học phần này cung cấp cho sinh viên về vấn đề ngoại ngữ cơ bản từ các kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết, chương trình hỗ trợ cho sinh viên có thể đạt được chuẩn đầu ra tương đương với trình độ HSK cấp 3 và tạo tiền đề cho việc học ngoại ngữ chuyên ngành YHCT sau này.
19	CNS30071	Tiếng Trung cơ bản 3	3	Học phần tiên quyết: Tiếng Trung cơ bản 2 Học phần này cung cấp cho sinh viên về các kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết. Đòi hỏi sinh viên phải thành thạo cả 4 kỹ năng để có thể đạt được chuẩn đầu ra tương đương với trình độ HSK cấp 3 và tạo tiền đề cho việc học ngoại ngữ chuyên ngành YHCT
20	CTM1071	Tiếng Trung chuyên ngành	2	Học phần tiên quyết: Tiếng Trung cơ bản 3 Học phần này chú trọng việc giảng dạy từ ngữ và hiện tượng ngữ pháp làm trọng điểm, phân tích từ ngữ nổi bật và dạy cấu trúc câu. Thông qua bài học, giúp sinh viên nắm được những thuật ngữ chuyên ngành, những câu chuyện, điển tích, bài thuốc hay trong Đông y. Học phần này được thực hiện gồm 2 tín chỉ, tương đương 60 tiết lên lớp, nhằm cấp kiến thức từ vựng, cung cấp thuật ngữ chuyên ngành, bài khóa chuyên ngành và chú trọng các kỹ năng nghe, nói, đọc viết đạt mức độ tương đương HSK3.
1.3. Nhóm học phần điều kiện				
21	SME0071	Giáo dục ANQP	8*	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đường lối quân sự của Đảng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; chiến tranh nhân dân; phòng, chống chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Trang bị cho sinh viên các kỹ năng quân sự cần thiết: Điều lệnh đội ngũ, bản đồ địa hình quân sự, phân biệt được một số loại vũ khí bộ binh, các tư thế bắn súng và cách đánh mục tiêu...; những kiến thức cơ bản về Y học quân sự phục vụ quân đội khi cần thiết: Tổ chức chiến thuật quân y, nội - ngoại khoa dã chiến, vệ sinh phòng dịch quân đội, tiếp tế quân y, phòng chống vũ khí hủy diệt lớn, điều trị, xử lý vết thương chiến tranh.
22	PHE0071	Giáo dục thể chất	3*	Môn học Giáo dục thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học người học cần tích lũy tối thiểu là 3 tín chỉ. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất trong trường học, các phương pháp tập luyện để nâng cao sức khỏe và cách phòng chống chấn thương trong tập luyện thể dục thể thao.
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				
2.1. Khối kiến thức cơ sở khối ngành				
2.1.1. Nhóm học phần bắt buộc				
23	DAH1071	Dân số học	1	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về dân số và truyền thông giáo dục sức khỏe. Phần Dân số học giúp người học hiểu rõ về quy mô, cấu trúc và biến động dân số, các yếu tố ảnh hưởng đến sự gia tăng dân số, cùng với các chính sách và chiến lược dân số hiện hành tại Việt Nam. Người học cũng sẽ nắm vững các chỉ số đo lường mức sinh, tử vong, và đánh giá chất lượng dân số.

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
24	BAG1071	Sinh học và di truyền	3	Học phần tiên quyết: không có Học phần cung cấp các kiến thức về thành phần, cấu trúc, hoạt động của tế bào tiền nhân và nhân thật; về hoạt động trao đổi chất và năng lượng của cơ thể sinh vật; về cơ sở vật chất di truyền cấp độ phân tử, thành phần, cấu trúc acid nucleic, cơ chế tự nhân đôi ADN, tổng hợp protein, đột biến gen và hậu quả; về nguồn gốc sự sống và đa dạng sinh học của giới sinh vật. Cung cấp cho người học những kỹ năng về sử dụng kính hiển vi quang học, cách làm tiêu bản về tế bào soi trên kính hiển vi, cách quan sát tế bào động thực vật, quá trình nguyên phân và giảm phân của tế bào sinh vật cũng như sự vận động của tế bào động vật, sự trao đổi chất qua màng tế bào và sự sinh sản của tế bào
25	PMB1071	Vật lý -Lý sinh	2	Học phần tiên quyết: Không có Học phần Vật lý - lý sinh nghiên cứu các hiện tượng xảy ra trong các tổ chức và cơ thể sống dựa trên quan điểm và các định luật vật lý, từ mức độ điện tử, nguyên tử đến toàn cơ thể hay một hệ có nhiều cơ thể sống. Nội dung và kỹ thuật lý sinh rất sinh động, lựa chọn ra một số vấn đề liên quan nhiều nhất đến sức khỏe con người, cơ chế sinh bệnh và tác dụng của các yếu tố từ môi trường, nhất là các yếu tố vật lý. Từ đó sinh viên có thể hiểu được các kỹ thuật chẩn đoán và điều trị bệnh.
26	GIC1071	Hoá đại cương vô cơ	3	Học phần tiên quyết: Không Học phần chỉ trình bày những kiến thức cơ bản và cần thiết để người học ngành YHCT có thể học tiếp những môn học cơ sở có liên quan đến hoá học như: Hóa sinh, dược lý học, vệ sinh và môi trường. Phần cấu tạo chất bao gồm: cấu tạo

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				nguyên tử, phân tử và liên kết hóa học theo cơ học lượng tử, phương pháp liên kết hóa trị (thuyết VB), phương pháp obitan phân tử (Phương pháp MO). Phần cơ sở lý thuyết các quá trình hóa học bao gồm: Sự biến đổi các hàm nhiệt động như ΔU , ΔH , ΔS , ΔG trong các quá trình hóa học từ đó biết được điều kiện, chiều hướng xảy ra các quá trình hóa học, các yếu tố ảnh hưởng đến cân bằng hóa học, hằng số cân bằng theo áp suất và nồng độ, tốc độ phản ứng và các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng hóa học, cân bằng ion trong dung dịch các chất điện ly, cân bằng trong hệ oxi hóa khử, pin galvanic.
27	AIS0071	Tin học ứng dụng	2	Học phần tiên quyết: Tin học Học phần Tin học ứng dụng sẽ cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản về: Tìm kiếm thông tin trực tuyến trên Google, các Website uy tín trong và ngoài nước; Áp dụng phần mềm quản lý trích dẫn tài liệu tham khảo Endnote để giúp tự động hóa việc trích dẫn, lập danh mục quản lý và chèn tài liệu tham khảo vào đề tài nghiên cứu khoa học, luận văn; Ứng dụng Google Drive, trong đó có Google form để tạo ra mối liên kết dữ liệu từ Excel đến SPSS; Sử dụng phần mềm SPSS nhằm mục đích quản lý, phân tích, xử lý thống kê dữ liệu trong nghiên cứu y sinh học.
28	PMC1071	Tâm lý học - Đạo đức Y học – Truyền thông và giáo dục sức khỏe	2	Học phần tiên quyết: Không có Cung cấp cho người học các kiến thức về: Đại cương về tâm lý học và tâm lý học Y học; Nhân cách, nhu cầu, động cơ và Kỹ năng giao tiếp; Tâm lý bệnh nhân và Tâm lý giao tiếp với bệnh nhân; Chấn thương tâm lý, các biện pháp dự phòng và Liệu pháp tâm lý; Lịch sử Y học- Y

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				đức, Nghĩa vụ và yêu cầu đạo đức của cán bộ Y tế; Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023. Nghị định 96/NĐ-CP năm 2023 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh; Luật Dược năm 2016 Luật số:105/2016/QH13. Nghị Định 54 năm 2017 Thi hành Luật Dược. Phần Truyền thông giáo dục sức khỏe trang bị kiến thức về hành vi sức khỏe, quá trình thay đổi hành vi, và kỹ năng lập kế hoạch truyền thông - giáo dục sức khỏe. Người học sẽ được học cách áp dụng các kỹ năng truyền thông để chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng, tư vấn, làm việc nhóm, và giao tiếp. Đây là những kỹ năng cần thiết để thúc đẩy thay đổi hành vi sức khỏe tích cực và xây dựng chiến lược giáo dục sức khỏe dựa trên lý thuyết và bằng chứng trong bối cảnh nghề nghiệp y tế công cộng.
2.2. Khối kiến thức cơ sở ngành				
2.2.1. Nhóm học phần bắt buộc				
30	ANT11071	Giải phẫu 1	3	Học phần tiên quyết: Không có Học phần Giải phẫu 1 cung cấp kiến thức cơ bản của giải phẫu đại cương, giải phẫu cơ xương khớp, thần kinh, giác quan của cơ thể người. Sau khi học xong người học có khả năng nhận diện được các chi tiết giải phẫu của cơ thể người trên xác, hình vẽ, mô hình, và trên các phương tiện chẩn đoán hình ảnh, trên người sống; vận dụng kiến thức giải phẫu làm cơ sở để học các môn chuyên ngành; giải thích được ứng dụng của giải phẫu học trong chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh trên lâm sàng.
31	ANT21071	Giải phẫu 2	2	Học phần tiên quyết: Giải phẫu I Học phần Giải phẫu 2 cung cấp kiến

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				thức cơ bản của giải phẫu đại cương, giải phẫu các cơ quan thuộc hệ tuần hoàn, hô hấp, tiêu hoá, tiết niệu và sinh dục của cơ thể người. Sau khi học xong sinh viên có khả năng nhận diện được các chi tiết giải phẫu của cơ thể người trên xác hình vẽ, mô hình và trên các phương tiện chẩn đoán hình ảnh, trên người sống; vận dụng kiến thức giải phẫu làm cơ sở để học các môn chuyên ngành; giải thích được ứng dụng của giải phẫu học trong chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh trên lâm sàng.
32	EIS1071	Mô phôi	3	Học phần tiên quyết: Giải phẫu 2 Mô & Phôi thai học là học phần cung cấp cho sinh viên Y học cổ truyền các kiến thức cơ bản về cấu tạo vi thể và siêu vi thể của các tế bào, mô, cơ quan của cơ thể người bình thường và mối liên quan giữa cấu tạo và hoạt động chức năng của chúng. Học phần cũng nghiên cứu sự phát triển của cơ thể con người trong thời kỳ phôi thai. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hiểu cơ chế phát sinh các bất thường của các cơ quan trong quá trình hình thành và phát triển.
33	PSL1071	Sinh lý	3	Học phần tiên quyết: Giải phẫu 2 Sinh lý học nghiên cứu chức năng và hoạt động chức năng của từng tế bào, từng cơ quan và hệ thống cơ quan trong mối liên hệ giữa chúng với nhau và giữa cơ thể với môi trường; nghiên cứu về sự điều hoà chức năng để đảm bảo cho sự tồn tại, phát triển và thích nghi của cơ thể với sự biến đổi của môi trường sống. Sinh lý học là môn học cơ sở rất quan trọng của Y học. Những kiến thức về Sinh lý học trực tiếp phục vụ cho các môn bệnh học và là cơ sở để giải thích và phát hiện các rối loạn chức năng

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				trong tình trạng bệnh lý. Mỗi phương pháp chẩn đoán, điều trị hay phòng bệnh đều phải được đặt trên cơ sở kiến thức sinh lý học.
34	BCM1071	Hoá sinh	3	Học phần tiên quyết: Sinh học và di truyền Hóa sinh là một trong những học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thành phần hóa học của cơ thể sống, sự chuyển hóa của các phân tử sinh học trong tế bào, mô như chuyển hóa glucid, lipid, protid.... Hóa sinh y học còn nghiên cứu chức phận của cơ thể, nhiệm vụ của từng tế bào, mô từ đó người học có thể hiểu được cơ chế bệnh sinh, giải thích được một số triệu chứng bệnh lý cơ bản do thay đổi về chuyển hóa các chất, chỉ định và giải thích được một số xét nghiệm sinh hóa ứng dụng trong y học, các biến đổi xét nghiệm trong một số bệnh lý thường gặp như: đái tháo đường, rối loạn lipid máu, viêm gan, suy thận... Hóa sinh y học còn góp phần nghiên cứu về gen, các rối loạn bệnh lý liên quan đột biến gen..., tìm hiểu cơ chế tác dụng của thức ăn, thuốc và các chất khi vào cơ thể để tìm ra những nguyên tắc cơ bản về dinh dưỡng, dự phòng và điều trị bệnh. Môn học hóa sinh giúp người học có kiến thức để học tiếp các môn như dinh dưỡng, sinh lý bệnh, dược học, nội khoa...
35	MBP1071	Vi sinh - Ký sinh trùng	4	Học phần tiên quyết: Sinh học và di truyền Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản đại cương về đặc điểm hình thái, cấu trúc, chức năng, sự phát triển, sinh sản của vi sinh vật; Cơ chế thuốc kháng sinh tác dụng lên vi khuẩn

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				và sự đề kháng kháng sinh, các biện pháp hạn chế sự đề kháng kháng sinh; Đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh của một số vi sinh vật gây bệnh thường gặp; Phương pháp chẩn đoán, biện pháp phòng, điều trị một số bệnh nhiễm trùng, cũng như kiến thức cơ bản về đặc điểm sinh học, hình thể, cấu tạo, đặc điểm sinh lý, sinh thái, chu kỳ phát triển, đặc điểm dịch tễ của các loại ký sinh trùng chủ yếu ở Việt Nam; Đặc điểm bệnh học và tác hại của ký sinh trùng và bệnh học và tác hại của ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng; mối liên quan giữa vấn đề ký sinh trùng và sức khỏe cộng đồng; Một số phương pháp chẩn đoán bệnh ký sinh trùng và nguyên tắc điều trị cá thể, điều trị cộng đồng; Các nguyên tắc và biện pháp phòng chống ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thường gặp ở Việt Nam.
36	ANP1071	Giải phẫu bệnh	2	Học phần tiên quyết: Mô phôi Học phần Giải phẫu bệnh thuộc kiến thức học phần y học cơ sở, học phần mô tả tổn thương bệnh lý trên đại thể và vi thể, so sánh đối chiếu hình ảnh tổn thương với biểu hiện trên lâm sàng, tìm hiểu mối liên quan mật thiết giữa biến đổi hình thái và rối loạn chức năng, trên cơ sở đó hỗ trợ chẩn đoán, điều trị và tiên lượng một số bệnh lý thường gặp, đồng thời biết các phương pháp sàng lọc sớm một số bệnh trong cộng đồng.
37	PAI1071	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	3	Học phần tiên quyết: Giải phẫu 2, Sinh lý Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức đại cương về sinh lý bệnh, về rối loạn chuyển hóa glucid, chuyển hóa lipid, chuyển hóa protid, chuyển hóa nước, điện giải; về rối loạn cân bằng acid – base, rối loạn thân nhiệt, sinh lý

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				bệnh quá trình viêm. Học phần còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức đại cương về miễn dịch học và miễn dịch bệnh lý, cơ chế hình thành miễn dịch, nguyên lý tác dụng của vacxin và ứng dụng trong việc phòng chống bệnh.
38	PMC1071	Dược lý	3	Học phần tiên quyết: Không có Học phần Dược lý cung cấp những kiến thức về dược lý học đại cương; về phân loại, đặc điểm dược động học, tác dụng, cơ chế tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, tác dụng không mong muốn, tương tác thuốc, dạng bào chế và liều dùng của các thuốc điển hình trong các nhóm thuốc. Đồng thời cung cấp kiến thức về một số tác nhân gây ngộ độc thuốc, các triệu chứng điển hình khi ngộ độc thuốc. Phần thực hành giúp người học biết cách nhận thức thuốc, luyện kỹ năng bắt giữ và đưa thuốc vào cơ thể động vật bằng các đường khác nhau, thử nghiệm tác dụng dược lý của một số thuốc trên động vật thực nghiệm để làm sáng tỏ thêm lý thuyết và đặc biệt sinh viên được hướng dẫn và thực hành kê đơn thuốc theo các tình huống bệnh cụ thể. Sau khi học xong, sinh viên có thể nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của việc kê đơn thuốc, sử dụng thuốc hợp lý, an toàn và có hiệu quả trên người bệnh; tư vấn, hướng dẫn, sử dụng hoặc theo dõi quá trình sử dụng thuốc an toàn, hợp lý và hiệu quả.
39	NFS1071	Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm	1	Học phần tiên quyết: Không có Nội dung gồm những kiến thức về khoa học dinh dưỡng và khoa học thực phẩm để đảm bảo nhu cầu dinh dưỡng cho các đối tượng ở cộng đồng; các kiến thức đánh giá và giám sát dinh dưỡng trong

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				theo dõi và phát hiện những vấn đề dinh dưỡng ở cộng đồng; các kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm trong việc tổ chức quản lý vệ sinh thực phẩm, ăn uống cộng đồng và phòng chống ngộ độc thực phẩm.
41	EDL1071	Dịch tễ học	2	Học phần tiên quyết: Không có Nội dung gồm các khái niệm và nguyên lý cơ bản của dịch tễ học; các chỉ số sức khỏe chủ yếu của cộng đồng; cách xác định yếu tố nguy cơ phát triển của bệnh; các thiết kế nghiên cứu dịch tễ học; các sai số và khống chế sai số trong nghiên cứu dịch tễ học.
42	NUR1071	Điều dưỡng cơ bản	2	Học phần tiên quyết: Không có Học phần Điều dưỡng cơ bản là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo bác sỹ Y học cổ truyền. Đây là một trong những học phần kỹ năng thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, cung cấp cho người học những kiến thức tiền lâm sàng cơ bản về thực hành các kỹ năng điều dưỡng trên các vật liệu học tập tại phòng thực hành đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho người bệnh. Học phần lý thuyết cung cấp các nội dung cơ bản liên quan đến cơ sở lý thuyết của các kỹ năng điều dưỡng cơ bản, các trường hợp áp dụng, không áp dụng, các tai biến xảy ra trong và sau khi làm thủ thuật, cách xử trí các tai biến; nguyên tắc cơ bản và xử trí các tình huống sơ cứu thông thường mà một nhân viên y tế phải làm. Học phần thực hành rèn luyện cho người học thực hành các kỹ năng điều dưỡng cơ bản theo đúng quy trình dựa theo bảng kiểm học tập. Lượng giá kỹ năng bằng hình thức thi chạy trạm rèn luyện cho sinh viên kỹ năng cơ bản để tự tin thực hành trên người bệnh trong các học phần

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				lâm sàng tiếp theo như: nội khoa, ngoại khoa, sản phụ khoa, nhi khoa.
2.3. Khối kiến thức ngành				
2.3.1. Nhóm học phần bắt buộc				
43	PMS1071	Tiền lâm sàng YHHD	2	Học phần tiên quyết: Nội cơ sở YHHD, Ngoại cơ sở YHHD, Truyền thông và giáo dục sức khỏe. Học phần gồm những kiến thức cơ bản về khai thác bệnh sử, tiền sử, khám toàn thân và các hệ cơ quan: Hô hấp, tim mạch, tiêu hóa, Thần kinh, cơ - xương khớp, tiết niệu, nội tiết. Trong quá trình học sinh viên được chia nhóm nhỏ, học và thực hành bằng các phương pháp đóng vai, trình diễn, thực tập trên mô hình, bệnh nhân giả, video... trước khi sinh viên đi bệnh viện. Mục tiêu là để sinh viên có được kỹ năng hỏi bệnh và thăm khám cơ bản trước khi thực tập trên người bệnh.
44	IMF1071	Nội cơ sở YHHD	4	Học phần tiên quyết: Giải phẫu 2 Sinh lý. Nội dung gồm kiến thức về triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, các hội chứng lâm sàng nội khoa tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, cơ xương khớp, thận tiết niệu, nội tiết và huyết học. Kỹ năng thăm khám lâm sàng nội khoa toàn thân và các hệ cơ quan; Kết thúc học phần, sinh viên có khả năng khai thác bệnh sử, tiền sử, khám lâm sàng nội khoa toàn thân và các hệ cơ quan; phát hiện các triệu chứng lâm sàng của một số bệnh lý nội khoa thường gặp trên lâm sàng ở mức độ thực hiện có giám sát, làm tiền đề cho việc chẩn đoán một số bệnh lý nội khoa thường gặp ở các vòng sau.

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
45	EMF1071	Ngoại cơ sở YHĐ	3	Học phần tiên quyết: Giải phẫu I, II Sinh lý. Nội dung gồm những kiến thức, kỹ năng cơ bản về thăm khám, các triệu chứng và các hội chứng của các bệnh ngoại khoa thường gặp; kiến thức cơ bản về gây tê, gây mê, vô khuẩn và tiệt khuẩn trong ngoại khoa. Khai thác bệnh sử, tiền sử, khám và phát hiện được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, các hội chứng của các bệnh ngoại khoa thường gặp.
46	MIM1071	Nội bệnh lý YHĐ	5	Học phần tiên quyết: Nội cơ sở, Sinh lý bệnh - miễn dịch, Giải phẫu bệnh, Vi sinh - ký sinh trùng, Dược lý Học phần Nội bệnh lý Y học hiện đại là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo bác sỹ YHCT. Đây là một trong những học phần thuộc nhóm kiến thức ngành, cung cấp cho sinh viên kiến thức lâm sàng cơ bản về chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý nội khoa thông thường. Nội dung kiến thức lý thuyết gồm cơ chế gây bệnh, nguyên nhân gây bệnh, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán, nguyên tắc điều trị và phác đồ điều trị cơ bản các bệnh lý nội khoa thông thường. Nội dung thực hành lâm sàng là rèn luyện kỹ năng thăm khám phát hiện bệnh lý, kỹ năng biện luận chẩn đoán và đề xuất phác đồ điều trị các bệnh lý nội khoa thông thường. Ở thời điểm kết thúc học phần, sinh viên có khả năng thăm khám lâm sàng nội khoa, đề xuất chỉ định cận lâm sàng, nhận định được kết quả, lập luận chẩn đoán và đề xuất điều trị cơ bản các bệnh nội khoa thường gặp.
47	EPM1071	Ngoại bệnh lý YHĐ	3	Học phần tiên quyết: Ngoại cơ sở, Sinh lý bệnh - miễn dịch, Giải phẫu bệnh, Vi sinh - Ký sinh trùng, Dược lý. Học phần Ngoại bệnh lý Y học hiện đại

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo bác sỹ YHCT. Đây là một trong những học phần thuộc nhóm kiến thức ngành, cung cấp cho sinh viên những kiến thức lâm sàng cơ bản về chẩn đoán và hướng điều trị một số bệnh lý ngoại khoa thông thường. Phần lý thuyết cung cấp các nội dung cơ bản về dịch tễ, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán và hướng điều trị một số bệnh lý ngoại khoa thông thường. Phần lâm sàng rèn luyện cho sinh viên thực hành các kỹ năng giao tiếp, khai thác bệnh sử, tiền sử, kỹ năng thăm khám và kỹ năng biện luận chẩn đoán, điều trị một số bệnh lý ngoại khoa thông thường.
48	OBG1071	Phụ sản YHHĐ	3	Học phần tiên quyết: Nội cơ sở, Ngoại cơ sở. Phần Phụ sản YHHĐ cung cấp cho sinh viên YHCT các kiến thức cơ bản về cơ quan sinh dục nữ, cấu tạo đại thể, chức năng cơ bản của cơ quan sinh dục, quá trình phát triển của thai kỳ, cũng như các bệnh lý sinh dục nữ thường gặp. Phần lâm sàng cung cấp cho sinh viên các kỹ năng thăm khám và nhận định triệu chứng sản phụ khoa. Áp dụng y học chứng cứ, hỏi bệnh, khám, đề nghị cận lâm sàng, phân tích và lý giải để đưa ra chẩn đoán, điều trị, phòng ngừa để quản lý thai kỳ, chuyển dạ, hậu sản thường và bất thường; bệnh lý phụ khoa phổ biến như rối loạn kinh nguyệt, u xơ tử cung, u nang buồng trứng; hướng dẫn tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ và kế hoạch hóa gia đình. Sinh viên sẽ được hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ bệnh án, xây dựng kế hoạch điều trị, theo dõi bệnh nhân cùng các bác sỹ lâm sàng.

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
49	PED1071	Nhi YHHĐ	3	Học phần tiên quyết: Nội cơ sở, ngoại cơ sở. Phần lý thuyết Nhi YHHĐ cung cấp cho sinh viên các kiến thức về sinh bệnh học, sự phát triển về tinh thần, vận động và thể chất của trẻ em để phân tích chẩn đoán, điều trị, theo dõi, tiên lượng một số bệnh lý thường gặp ở nhi khoa. Phần lâm sàng Nhi khoa hiện đại là một học phần bắt buộc, giúp Sinh viên Y4 bác sỹ học cổ truyền có khả năng áp dụng các kiến thức về sinh bệnh học, sự phát triển về tinh thần, vận động và thể chất của trẻ em để rèn luyện các kỹ năng; thăm khám lâm sàng trên bệnh nhân thật, lập luận và ra quyết định chỉ định cận lâm sàng, lập luận chẩn đoán, xây dựng phác đồ điều trị, tiên lượng, phòng bệnh một số bệnh lý nhi khoa thường gặp.
50	DNI1071	Chẩn đoán hình ảnh	2	Học phần tiên quyết: Giải phẫu INội cơ sở, Ngoại cơ sở, Chẩn đoán hình ảnh (CDHA) cung cấp cho sinh viên y khoa các kiến thức cơ bản về CDHA trong chẩn đoán các bệnh lý liên quan tới hệ Thần kinh, hệ Hô hấp, hệ tuần hoàn, hệ tiêu hóa, hệ sinh dục tiết niệu sinh sản, hệ cơ xương khớp. Áp dụng được các kỹ thuật trong CDHA để chẩn đoán bệnh lý. Đồng thời giúp sinh viên biết cách tư duy để sử dụng các kỹ thuật CDHA trong việc áp dụng kiến thức của mình đã học vào việc chẩn đoán các bệnh lý thường gặp và các bệnh lý khó.
51	IMT1071	Truyền nhiễm YHHĐ kết hợp YHCT	4	Học phần tiên quyết: Nội cơ sở YHHĐ, Ngoại cơ sở YHHĐ, bệnh học nội và bệnh học ngoại, Lý luận cơ bản YHCT, Đông dược, Phương tễ, Các phương pháp điều trị không dùng thuốc.

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				Nội dung đặc điểm dịch tễ học, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, biến chứng, các thể lâm sàng, chẩn đoán, điều trị và biện pháp dự phòng các bệnh truyền nhiễm thường gặp. Tứ chẩn, chẩn đoán bát cương, tạng phủ, kinh lạc, nguyên nhân, biến chứng luận trị, pháp điều trị, phương dược, phương huyết, dự hậu, dự phòng các bệnh truyền nhiễm thường gặp.
52	PHL1071	Phục hồi chức năng	3	Học phần tiên quyết: Nội bệnh lý YHHD, Ngoại bệnh lý YHHD. Học phần cung cấp kiến thức về quá trình tàn tật, thương tật thứ cấp và cơ chế của các phương pháp vật lý trị liệu kết hợp Y học cổ truyền. Nội dung bao gồm phòng ngừa khiếm khuyết, giảm khả năng và tàn tật; nguyên tắc và kỹ thuật phục hồi chức năng bằng Y học hiện đại. Người học sẽ có cái nhìn toàn diện về chăm sóc sức khỏe cộng đồng, mối liên hệ giữa các chuyên khoa và sự hỗ trợ từ các tổ chức. Học phần giúp phân tích mối tương quan giữa Y học cổ truyền và Y học hiện đại trong điều trị và phục hồi chức năng, đồng thời phát triển kỹ năng chẩn đoán, lập kế hoạch điều trị bằng vật lý trị liệu cho các bệnh lý chấn thương và cơ quan vận động thường gặp.
53	NEU1071	Thần kinh	3	Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành. Người học được cung cấp kiến thức về cấu trúc, chức năng của hệ thần kinh để giải thích được các biểu hiện bình thường và bệnh lý gồm các kiến thức, kỹ năng khám và phát hiện một số triệu chứng thần kinh thường gặp; Chẩn đoán và xử trí một số hội chứng cơ bản trong thần kinh: hội chứng liệt nửa người, hội chứng liệt hai chân, hội chứng đau đầu, tăng áp lực nội sọ, hội chứng thắt lưng hông.

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				Sau khi học xong học phần nội thần kinh, người học có khả năng chẩn đoán, điều trị, cấp cứu, tham vấn, chuyển viện an toàn, quản lý theo dõi và phòng chống một số bệnh thần kinh thường gặp. ngoài ra còn có khả năng tự học nâng cao trình độ chuyên môn, tham gia một phần trong quá trình nghiên cứu khoa học. Tôn trọng bệnh nhân, thân nhân bệnh nhân, đồng nghiệp và pháp luật.
54	IEC1071	Hồi sức cấp cứu	3	Học phần tiên quyết: Nội bệnh lý YHHĐ, Ngoại bệnh lý YHHĐ. Sinh viên được cung cấp các kiến thức về nguyên nhân gây bệnh, triệu chứng lâm sàng, các hội chứng cũng như kỹ năng khám và chẩn đoán, xử trí một số vấn đề về cấp cứu ban đầu thường gặp.
55	FAM1071	Y học gia đình	2	Học phần cung cấp kiến thức về các nguyên tắc cơ bản như: khai thác bệnh sử, thăm khám lâm sàng các hệ cơ quan trong chăm sóc ban đầu tuyến cơ sở, giao tiếp trong môi quan hệ thầy thuốc – bệnh nhân – gia đình bệnh nhân, và trình bày bệnh án y khoa tại phòng khám ngoại trú. Học phần Y học gia đình đi sâu vào phân tích các vấn đề sức khỏe như: các nguyên lý thực hành Y học gia đình, sử dụng bệnh án sức khỏe gia đình, quản lý bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng, khám sàng lọc và tư vấn cho bệnh nhân ngoại trú. Đặc biệt, học viên sẽ học cách chăm sóc sức khỏe theo vòng đời dựa trên các nguyên lý Y học gia đình. Sau khi hoàn thành học phần, người học có thể vận dụng các khái niệm, nguyên lý và công cụ đánh giá sức khỏe gia đình, quản lý bệnh mạn tính và chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Học phần cũng cung cấp kiến thức về cấp cứu ngoại viện, chuyển viện an toàn và xử trí

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				ngừng hô hấp tuần hoàn, sốc phản vệ.
56	NHP1071	Chương trình Y tế Quốc gia – Tổ chức và quản lý Y tế.	2	Học phần tiên quyết: Lao, truyền nhiễm. Học phần chương trình y tế quốc gia - tổ chức quản lý y tế nghiên cứu các khái niệm và các thành phần của hệ thống y tế; các nguyên tắc, mô hình hệ thống tổ chức, chức năng nhiệm vụ mạng lưới y tế Việt Nam từ trung ương đến địa phương và mối quan hệ giữa ngành y tế với các ngành liên quan trọng chăm sóc sức khỏe nhân dân. Các nguyên lý cơ bản về quản lý y tế, lập kế hoạch, tổ chức điều hành, theo dõi, giám sát và đánh giá các hoạt động chương trình y học dự phòng.
57	CMP1071	Thực tập cộng đồng	2	Học phần tiên quyết: Nội bệnh lý YHHĐ, Ngoại bệnh lý YHHĐ Thời gian thực hiện tại trạm y tế xã và cộng đồng dân cư để giúp sinh viên thực hành kỹ năng xác định vấn đề sức khỏe, lập và thực hiện kế hoạch tuyên truyền giáo dục, chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng. Nội dung: Làm quen về tổ chức và điều kiện sống của cộng đồng; tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng bằng cách thu thập thông tin qua điều tra, phỏng vấn, thăm hộ gia đình; phân tích, giải thích kết quả, tìm ra vấn đề sức khỏe cộng đồng; thực hành giáo dục sức khỏe; chăm sóc và điều trị một số bệnh thông thường, sơ cấp cứu ban đầu. Kết thúc đợt thực tập viết báo cáo về lập kế hoạch can thiệp một vấn đề sức khỏe ưu tiên tại cộng đồng.
58	BTT1071	Lý luận cơ bản Y học cổ truyền	3	Học phần tiên quyết: Không có Học phần Lý luận Y học cổ truyền là học phần bắt buộc được giảng dạy vào năm thứ 2 của chương trình đào tạo ngành YHCT trình độ đại học. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về nội dung và

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				ứng dụng của các học thuyết cơ bản trong hệ thống lý luận YHCT như Học thuyết Âm dương, Học thuyết Ngũ hành, Học thuyết Thiên nhân hợp nhất, Học thuyết kinh lạc, Học thuyết tạng phủ và các nguyên nhân gây bệnh. Những kiến thức trên là cơ sở lý luận cho khám bệnh, chẩn đoán và điều trị trong YHCT – kiến thức cần phải có để trở thành Bác sĩ YHCT.
59	MPH1071	Thực vật dược và chế biến dược liệu	2	Học phần tiên quyết: Lý luận cơ bản YHCT Học phần Thực vật dược cung cấp cho người học các nội dung về đại cương, đặc điểm, vị trí, phân loại và quan hệ tiến hoá của các bậc phân loại chính, tính đa dạng của cây thuốc, ý nghĩa của việc bảo tồn và phát triển bền vững tài nguyên cây thuốc, đặc biệt là những cây thuốc sử dụng trong y học cổ truyền. Từ đó người học có thể nhận biết, phân loại chính xác các cây thuốc góp phần kiểm nghiệm được các dược liệu và thực hiện tư vấn và hướng dẫn sử dụng các thuốc nguồn gốc dược liệu an toàn, hiệu quả, hợp lý.
60	DTM1071	Chẩn đoán học YHCT	4	Học phần tiên quyết: Lý luận cơ bản YHCT Học phần Chẩn đoán Y học cổ truyền là học phần bắt buộc, tiếp nối học phần Lý luận Y học cổ truyền, cung cấp các kiến thức cơ bản về phương pháp khám bệnh, chẩn đoán, đưa ra các nguyên tắc và pháp điều trị theo YHCT. Từ đó giúp sinh viên vận dụng trong công tác khám, chẩn đoán và bước đầu đưa ra các nguyên tắc, các pháp chữa bệnh cũng như phòng bệnh bằng YHCT. Đây là học phần làm nền tảng để sinh viên có cơ sở lý luận biện chứng trong chẩn đoán bệnh

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				theo YHCT.
61	TDD1071	Thuốc YHCT – Bào chế	4	Học phần tiên quyết: Lý luận cơ bản YHCT, Thực vật dược. Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về bộ phận dùng, tính vị quy kinh, tác dụng, ứng dụng lâm sàng, liều lượng của các vị thuốc thường dùng trong YHCT. Ngoài ra, học phần còn cung cấp cho sinh viên các cách phối hợp thuốc trong YHCT, cách kê đơn thuốc theo đối pháp lập phương, theo nghiệm phương. Phần lâm sàng trang bị cho sinh viên các kỹ năng về nhận biết các vị thuốc; kiến thức về bộ phận dùng, tính vị quy kinh, tác dụng, ứng dụng lâm sàng, liều lượng của các vị thuốc thường dùng trong YHCT. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức để nhận biết, phân tích về vị trí, phân loại, tính năng, bộ phận dùng làm thuốc, tính vị quy kinh, thành phần hoá học, công năng, chủ vị của các vị thuốc YHCT để sử dụng và tư vấn sử dụng các vị thuốc tiêu biểu trong các nhóm thuốc YHCT: Giải biểu, khứ hàn, thanh nhiệt, hoá đờm, chỉ khái, bình suyễn, bình can, tức phong, an thần, khai khiếu, lý khí, lý huyết, trừ phong thấp, lợi thủy, trục thủy, tiêu đạo, cố sáp, tả hạ, bổ dưỡng, trừ giun, dùng ngoài, trúng nắng tiêu độc và chữa các vết thương nhiễm trùng, ho, hen suyễn, chữa mất ngủ, chữa tích trệ, viêm loét dạ dày – tá tràng, lợi tiểu, nhuận gan mật và tẩy xổ, trị cao huyết áp, cầm máu, chữa bệnh phụ nữ, đau nhức, chữa tả lỵ, bổ dưỡng.
63	ACU11071	Châm cứu	5	Học phần tiên quyết: Lý luận cơ bản YHCT, Chẩn đoán học YHCT Học phần châm cứu cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lịch sử

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				Châm cứu trong nước và trên thế giới, cơ chế, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, kỹ thuật châm, tai biến và cách xử trí của châm cứu; vị trí, đường đi, tác dụng của các đường kinh mạch, vị trí, tác dụng các huyệt và sự vận dụng các huyệt, phương huyệt trong phòng và điều trị một số chứng bệnh thông thường. Phần lâm sàng trang bị cho người học biết cách lựa chọn công thức huyệt phù hợp trên bệnh nhân cụ thể, thực hiện được cách châm bổ, tả, cứu, điện châm, xử trí được các tai biến của châm cứu; Sinh viên phải xác định được vị trí, đường đi, tác dụng của các đường kinh mạch, vị trí, tác dụng các huyệt.
65	APM1071	Phương pháp điều trị không dùng thuốc	3	Học phần tiên quyết: Lý luận cơ bản YHCT, Chẩn đoán học YHCT, Châm cứu. Học phần Phương pháp điều trị không dùng thuốc YHCT cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cơ chế tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, tác dụng phụ của xoa bóp bấm huyệt, đánh gió, giác hơi phù hợp với các bệnh lý thường gặp. Trang bị các kỹ năng thực hiện các thủ thuật xoa bóp bấm huyệt cơ bản, xoa bóp bấm huyệt 7 vùng cơ thể, phương pháp đánh gió và giác hơi, giúp sinh viên có kỹ năng xoa bóp bấm huyệt điều trị một số bệnh thường gặp. Học phần Khí công dưỡng sinh cung cấp cho các bạn sinh viên các kiến thức cơ bản về nội dung phương pháp dưỡng sinh, nguyên tắc trọng tâm tập luyện, phép thư giãn, thở 4 thời có kê móng và giơ chân, 60 động tác dưỡng sinh. Trang bị các kỹ năng thực hiện được các động tác dưỡng sinh phù hợp với các bệnh lý, hướng dẫn và lượng giá được động tác dưỡng sinh

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				phù hợp với các bệnh lý thường gặp.
66	THM11071	Phương tế 1	3	Học phần tiên quyết: Lý luận cơ bản YHCT, Thuốc YHCT, Bào chế thuốc YHCT Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về cấu thành, sự biến hóa và ứng dụng lâm sàng của các bài thuốc. Nội dung bao gồm nguyên tắc cấu thành, quy luật phối ngũ, sự gia giảm, dạng thuốc cách dùng, ý nghĩa và ứng dụng lâm sàng của các bài thuốc cổ phương.
67	THM21071	Phương tế 2	3	Học phần tiên quyết: Lý luận cơ bản YHCT, Thuốc YHCT, Bào chế thuốc YHCT, Phương tế 1 HP cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về các thành phần cấu thành bài thuốc, sự biến hóa và ứng dụng lâm sàng của các bài thuốc. Nội dung bao gồm nguyên tắc cấu thành, quy luật phối ngũ, sự gia giảm, dạng thuốc cách dùng, ý nghĩa và ứng dụng lâm sàng của các bài thuốc cổ phương. Kỹ năng kê đơn thuốc theo các bài thuốc cổ phương, cách gia giảm bài thuốc.
68	PTM1071	Bệnh học và điều trị nội khoa YHCT	5	Học phần tiên quyết: Lý luận cơ bản YHCT, Chẩn đoán học YHCT, Thuốc YHCT – Bào chế, Phương tế, Phương pháp điều trị không dùng thuốc, Châm cứu. Học phần Bệnh học và điều trị Nội YHCT lâm sàng là học phần bắt buộc với người học chuyên khoa YHCT. Nội dung chính của học phần là hướng dẫn người học nhận định đúng các chứng hậu, chứng trạng quy nạp về hội chứng. Phân tích để chẩn đoán phân biệt và chẩn đoán xác định các bệnh Nội khoa thường gặp bằng YHHD và YHCT. Hướng dẫn sinh viên lập kế hoạch điều

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				trị các bệnh Nội khoa thường gặp bằng YHCT kết hợp YHHĐ.
69	TMS1071	Bệnh học và điều trị ngoại khoa YHCT	3	Học phần tiên quyết: Lý luận cơ bản YHCT, Chẩn đoán học YHCT, Thuốc Y học cổ truyền, Phương tễ, Phương pháp điều trị không dùng thuốc, Châm cứu. Học phần Bệnh học và điều trị Ngoại YHCT. Phần lý thuyết cung cấp cho sinh viên chuyên khoa YHCT các kiến thức cơ bản về nguyên nhân, triệu chứng, chỉ định, chống chỉ định, chẩn đoán và điều trị các bệnh về Ngoại khoa Y học cổ truyền; Vận dụng trong phòng và điều trị một số chứng bệnh thường gặp trong Ngoại khoa theo YHCT và YHHĐ. Phần lâm sàng cung cấp cho sinh viên chuyên khoa YHCT các kiến thức, kỹ năng thăm khám cơ bản về nguyên nhân, triệu chứng, chỉ định, chống chỉ định, chẩn đoán và điều trị các bệnh về Ngoại khoa Y học cổ truyền; điều trị một số chứng bệnh thường gặp trong Ngoại khoa theo YHCT và YHHĐ.
70	TDM1071	Bệnh học và điều trị phụ sản YHCT	3	Học phần tiên quyết: Nội cơ sở, Ngoại cơ sở, Phụ sản YHHĐ Học phần phụ sản YHCT cung cấp cho người học kiến thức về sinh lý sản phụ khoa, vai trò của các tạng phủ và đặc biệt hai mạch Xung Nhâm trong việc điều hòa kinh nguyệt, thai sản, đới hạ và các bệnh phụ khoa khác của phụ nữ... Sau khi học xong học phần này, sinh viên sẽ giải thích được cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán và điều trị theo y học cổ truyền một số bệnh phụ sản thường gặp trên lâm sàng. Phần lâm sàng cung cấp cho sinh viên các kỹ năng thăm khám và nhận định triệu chứng sản phụ khoa. Sinh viên sẽ được hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ bệnh án, xây dựng kế hoạch

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				điều trị, theo dõi bệnh nhân cùng các bác sĩ lâm sàng. Học xong học phần, sinh viên có khả năng phân tích các triệu chứng, chẩn đoán và điều trị một số bệnh phụ khoa như rối loạn kinh nguyệt, đới hạ, chửa hà, bệnh sản khoa như thai lậu, ác trở và các rối loạn cơ năng sau sinh thường gặp bằng các phương pháp YHCT kết hợp YHHĐ hợp lý. Thực hành được các thủ thuật châm cứu xoa bóp, thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật theo hướng dẫn của Bộ y tế. Người học có khả năng tham gia tư vấn, chăm sóc sức khỏe phụ nữ tại cộng đồng bằng các bài thuốc nam.
71	PMT1071	Bệnh học và điều trị Nhi khoa YHCT	2	Học phần tiên quyết: Nhi khoa YHHĐ, Lý luận YHCT, Chẩn đoán học YHCT, Thuốc YHCT - Bào chế, Phương tễ 1,2. Phương pháp điều trị không dùng thuốc, Châm cứu. Học phần Nhi khoa Y học cổ truyền cung cấp kiến thức cơ bản về đặc điểm sinh lý – bệnh lý, chẩn đoán trong nhi khoa y học cổ truyền, sinh viên có kiến thức về nguyên tắc điều trị nói chung, và các phương pháp cụ thể trong điều trị, chăm sóc, phòng bệnh một số bệnh thường gặp trong nhi khoa bằng Y học cổ truyền và YHCT kết hợp YHHĐ. Phần lâm sàng cung cấp cho sinh viên các kỹ năng về cách hỏi bệnh, thăm khám nhi khoa, chẩn đoán nhi khoa, xây dựng kế hoạch điều trị cụ thể một số bệnh thường gặp ở nhi khoa bằng YHCT hoặc kết hợp YHCT và YHHĐ. Trên cơ sở kiến thức đó học phần giúp sinh viên áp dụng kiến thức YHHĐ và YHCT trong tư vấn, điều trị, tiên lượng, chăm sóc, phòng một số bệnh thường gặp trong nhi YHCT.

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
72	GER1071	Bệnh học và điều trị Lão khoa YHHĐ kết hợp YHCT	3	Học phần tiên quyết: Nội bệnh lý YHHĐ, Bệnh học và điều trị Nội YHCT, Ngoại YHHĐ, Bệnh học và điều trị Ngoại YHCT. Học phần Bệnh học và Điều trị Lão YHHĐ kết hợp YHCT cung cấp cho sinh viên các kiến thức về đặc điểm sinh lý, bệnh lý của người cao tuổi theo YHHĐ và YHCT. Đồng thời giải thích nguyên nhân gây bệnh, cơ chế bệnh sinh, phân thể lâm sàng, chẩn đoán một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi theo YHHĐ và YHCT. Từ đó giúp sinh viên áp dụng kiến thức vào việc điều trị, dự phòng các bệnh lý theo hướng YHHĐ kết hợp YHCT.
2.3.1. Nhóm học phần tự chọn				
2.3.1.1. Nhóm học phần tự chọn 1				
73	OAM1071	Răng Hàm mặt	2	Học phần tiên quyết: Giải phẫu 1,2, Sinh lý, Giải phẫu bệnh. Học phần cung cấp kiến thức về giải phẫu, sinh lý và bệnh lý của răng, hàm và mặt gồm các bệnh lý thường gặp như sâu răng, viêm nha chu, viêm nướu và các tổn thương hàm mặt phức tạp hơn như u, viêm xoang, chấn thương hàm mặt. Người học được hướng dẫn về chẩn đoán lâm sàng, cận lâm sàng (X-quang, CT, MRI) và điều trị các bệnh lý RHM qua các phương pháp nội khoa, ngoại khoa và phục hồi. Đồng thời, học phần cũng chú trọng đến các chiến lược phòng ngừa bệnh lý răng miệng và kỹ năng tư vấn sức khỏe, nhằm giúp sinh viên nâng cao khả năng điều trị chuyên sâu trong thực hành lâm sàng.
74	ENT1071	Tai mũi họng	2	Học phần tiên quyết: Giải phẫu 1,2, Sinh lý, Giải phẫu bệnh. Nội dung gồm dịch tễ học và nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, chẩn

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				đoán và xử trí các bệnh tai mũi họng thông thường, một số bệnh cấp cứu và chấn thương Tai mũi họng thường gặp. Chẩn đoán định hướng, xử trí cấp cứu và chuyển kịp thời các bệnh thuộc chuyên khoa tai mũi họng đúng tuyến chuyên khoa. Các biện pháp phòng bệnh tai mũi họng
75	OPH1071	Mắt	2	Học phần tiên quyết: Giải phẫu 1,2, Sinh lý, Giải phẫu bệnh Nội dung gồm giải phẫu và sinh lý mắt và thị giác, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị một số bệnh mắt thông thường. Sơ cứu và điều trị một số bệnh cấp cứu về mắt thường gặp. Vai trò và mối liên quan bệnh mắt và bệnh toàn thân. Sử dụng một số phương tiện khám mắt thông thường. Các biện pháp bảo vệ và phòng chống bệnh mắt.
76	CAC1071	Ung thư	2	Học phần tiên quyết: Nội bệnh lý YHHĐ, Ngoại bệnh lý YHHĐ. Người học được trang bị kiến thức về dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, xét nghiệm sàng lọc, chẩn đoán, loại trừ, nguyên tắc điều trị, lập kế hoạch điều trị và điều trị thực tiễn từ đó có thể tự nhận định, chẩn đoán và lập kế hoạch chăm sóc, điều trị và xử trí biến chứng, di chứng bệnh nhân mắc bệnh Ung thư. Dự phòng và phát hiện sớm một số bệnh ung thư thường gặp.
77	PSY1071	Tâm thần	2	Học phần tiên quyết: Giải phẫu 1,2, Sinh lý, Giải phẫu bệnh, Nội bệnh lý YHHĐ, Ngoại bệnh lý YHHĐ. Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về bệnh nguyên, bệnh sinh, các phương pháp điều trị dự phòng một số bệnh và rối loạn tâm thần thường gặp. Hướng dẫn sinh viên phát hiện, điều trị, chăm sóc, theo dõi, quản lý một số rối loạn tâm thần với bệnh tâm thần thường

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				gặp tại cộng đồng.
78	TAL1071	Lao và bệnh phổi	2	Học phần tiên quyết: Nội cơ sở, Ngoại cơ sở, Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý YHHĐ. Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về chuyên ngành lao và bệnh phổi. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về chẩn đoán và điều trị các bệnh lý về lao, giúp cho sinh viên thu thập kiến thức, rèn luyện những kỹ năng về hỏi bệnh, thăm khám phát hiện các triệu chứng, đề xuất xét nghiệm, đưa ra chẩn đoán và điều trị các bệnh lý về lao: lao phổi, lao cơ quan khác, lao trẻ em, lao kháng thuốc, phòng bệnh lao, chương trình chống lao quốc gia.
79	DER1071	Da liễu YHHĐ	2	Học phần tiên quyết: Nội bệnh lý YHHĐ, Ngoại bệnh lý YHHĐ, Da liễu là một học phần chuyên ngành sâu, cung cấp kiến thức về các bệnh ngoài da và bệnh hoa liễu (bệnh lây truyền qua đường tình dục). Các bệnh về da không chỉ ảnh hưởng đến sức khỏe người bệnh, còn gây mất thẩm mỹ, ảnh hưởng nhiều đến chất lượng cuộc sống của bệnh nhân. Các bệnh hoa liễu hay còn gọi là bệnh xã hội, là những bệnh nguy hiểm vì có thể lây mạnh trong xã hội và gây ra rất nhiều biến chứng nguy hiểm. Học phần này cung cấp cho người học các kiến thức về chẩn đoán, điều trị

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				các bệnh Da liễu, cách chăm sóc tổn thương và tư vấn phòng bệnh một số bệnh da mạn tính và bệnh lây truyền qua đường tình dục.
80	ACI1071	Dị ứng miễn dịch lâm sàng	2	Học phần tiên quyết: Nội cơ sở YHHĐ, Ngoại cơ sở YHHĐ Khái niệm cơ bản và hiện đại về các bệnh dị ứng và tự miễn. Cách khám, chẩn đoán và xử trí một số bệnh dị ứng và tự miễn hay gặp. Cách xử trí nhanh và chính xác một số trường hợp cấp cứu dị ứng: sốc phản vệ, hen phế quản nặng, mày đay cấp tính, phù, ... Hướng dẫn cách phòng các bệnh dị ứng hay gặp ở cộng đồng
<i>2.3.1.2. Nhóm học phần tự chọn 2</i>				
81	CWT1071	Tác phẩm kinh điển Y học cổ truyền Việt Nam	1	Học phần tiên quyết: Lý luận YHCT, Chẩn đoán Y học cổ truyền Học phần Tác phẩm kinh điển YHCT Việt Nam là học phần tự chọn được giảng dạy vào năm thứ 6 của chương trình đào tạo ngành YHCT trình độ đại học. Học phần Tác phẩm kinh điển YHCT Việt Nam giới thiệu một số y gia của YHCT Việt Nam, trước tác của họ trong đó cung cấp các kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận, phương pháp khám, chẩn đoán, điều trị, một số vị thuốc, bài thuốc cổ phương thường gặp trong các tác phẩm kinh điển YHCT Việt Nam từ đó giúp sinh viên vận dụng trong công tác khám chữa bệnh bằng YHCT.
82	CWC1071	Tác phẩm kinh điển Y học cổ truyền Trung Quốc	1	Học phần tiên quyết: Lý luận YHCT, Chẩn đoán YHCT Học phần Giới thiệu Tác phẩm kinh điển YHCT Trung Quốc học phần tự chọn được giảng dạy vào năm thứ 6 của chương trình đào tạo ngành YHCT trình độ đại học. Học phần Giới thiệu Tác phẩm kinh điển YHCT Trung Quốc giới thiệu các

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				trước tác kinh điển của nền YHCT Trung Quốc. Qua đó, cung cấp các kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận, phương pháp khám, chẩn đoán, điều trị, một số vị thuốc, bài thuốc cổ phương thường gặp, giúp sinh viên vận dụng trong công tác khám chữa bệnh bằng YHCT.
2.4. Nhóm học phần tốt nghiệp				
2.4. 1. Thực hành lâm sàng tốt nghiệp				
83	ITM21071	Thực hành lâm sàng nội YHCT	2	Học phần thực tập nghề nghiệp là một học phần bắt buộc, giúp người học có khả năng áp dụng các kiến thức về Nội khoa YHCT, Ngoại khoa YHCT, Phụ sản YHCT, Nhi khoa YHCT đã học thực hiện các kỹ năng; thăm khám lâm sàng trên bệnh nhân thật, lập luận và ra quyết định chỉ định xét nghiệm, lập luận chẩn đoán, thực hiện thủ thuật, điều trị, tiên lượng, phòng bệnh theo Y học cổ truyền kết hợp Y học hiện đại.
84	STM1071	Thực hành lâm sàng Ngoại YHCT	2	
85	GTM1071	Thực hành lâm sàng Phụ sản YHCT	2	
86	PTM1071	Thực hành lâm sàng nhi YHCT	2	
2.4.2. Khoá luận tốt nghiệp				
87	GT1071	Khoá luận tốt nghiệp	6	Khoá luận tốt nghiệp Bác sĩ YHCT là bài luận chuyên khảo tổng hợp của người học sau khi kết thúc toàn bộ chương trình đào tạo ngành Y học cổ truyền trình độ đại học. Nội dung khoá luận tốt nghiệp là đề tài phù hợp với chuyên ngành YHCT. Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hiện một nghiên cứu khoa học dựa trên nền tảng các kiến thức đã học. Người học hiểu rõ lý do và mục đích thực hiện nghiên cứu khoa học, đặc biệt là trong lĩnh vực YHCT. Xác định nội dung và chỉ tiêu, học cách lựa chọn và phát triển các chỉ tiêu phù hợp với mục tiêu nghiên cứu đã định. Tìm hiểu và áp dụng các phương

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				pháp nghiên cứu phù hợp cho từng nội dung và chỉ tiêu cụ thể, tổng quan tài liệu, thu thập dữ liệu, các phương pháp xử lý số liệu hiệu quả. Tiến hành và đánh giá nghiên cứu, phân tích kết quả và bàn luận về ý nghĩa của kết quả thu được, đưa ra các kiến nghị phù hợp dựa trên kết quả nghiên cứu
2.4.3. Học phần thay Khoá luận tốt nghiệp				
87a	PTM1071	Bệnh học Nội khoa YHCT 2	2	Học phần Bệnh học Nội khoa YHCT 2 là học phần bắt buộc với người học chuyên khoa YHCT. Nội dung chính của học phần là hướng dẫn người học trên lâm sàng giúp người học nhận định đúng các chứng hậu, chứng trạng quy nạp về hội chứng. Phân tích để chẩn đoán phân biệt và chẩn đoán xác định các bệnh Nội khoa thường gặp bằng YHHD và YHCT. Hướng dẫn sinh viên lập kế hoạch điều trị các bệnh Nội khoa thường gặp bằng YHCT kết hợp YHHD.
87b	THM1071	Phương tế 3	2	Học phần phương tế 3 là học phần bắt buộc với người học chuyên khoa YHCT. Nội dung chính của học phần Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về cấu thành, sự biến hóa và ứng dụng lâm sàng của các bài thuốc. Nội dung bao gồm nguyên tắc cấu thành, quy luật phối ngũ, sự gia giảm, dạng thuốc cách dùng, ý nghĩa và ứng dụng lâm sàng của các bài thuốc cổ phương. Kỹ năng kê đơn thuốc theo các bài thuốc cổ phương, cách gia giảm bài thuốc.
	HTM2071	Bào chế thuốc YHCT	2	Học phần tiên quyết: Thuốc YHCT – Bào chế. Học phần Bào chế thuốc YHCT cung cấp những kiến thức cơ bản về nguyên lý bào chế đông được, các mục đích cần đạt được sau khi bào chế và các phương pháp cơ

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				bản trong bào chế. Học phần này hướng dẫn sinh viên hiểu rõ bào chế thuốc YHCT là sử dụng chế hoá cơ học, chế hoá lý hoá hoặc sinh tổng hợp nhằm thay đổi hình dạng, lý tính, dược tính của các nguyên liệu có nguồn gốc tự nhiên từ động vật, thực vật hoặc khoáng vật để đáp ứng yêu cầu của quá trình sản xuất, bảo quản, kinh doanh, nâng cao hiệu quả phòng bệnh, điều trị bệnh và nâng cao thể trạng con người. Trên cơ sở đó sẽ đưa ra cách ứng dụng để bào chế từng vị thuốc cụ thể trong mỗi nhóm thuốc. Các vị thuốc sau khi bào chế đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ được ứng dụng bào chế ra các dạng thuốc như: thuốc thang, cồn thuốc, rượu thuốc, thuốc viên hoàn cứng, hoàn mềm, ...

PHẦN 4. CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ TRANG THIẾT BỊ

4.1. Cơ sở hạ tầng phục vụ thực hiện chương trình đào tạo

* Phòng thí nghiệm

TT	Tên phòng	Số lượng
1	Phòng vật tư – trang thiết bị	01
2	Phòng thực hành huyết học tế bào	01
3	Phòng thực hành hóa cơ sở	01
4	Phòng thực hành Tiền lâm sàng	01
5	Phòng thực hành Châm cứu	01
6	Phòng thực hành Thực vật, Dược liệu và Dược học cổ truyền	01
7	Phòng thực hành vi sinh- ký sinh trùng	01
8	Phòng thực hành sinh hóa – miễn dịch	01
9	Phòng thực hành giải phẫu sinh lý	01
10	Nhà thuốc thực hành	01

* Thư viện và học liệu

<i>TT</i>	<i>Tên</i>	<i>Số lượng</i>
1	Số phòng đọc	02
2	Số chỗ ngồi đọc	100
3	Số máy tính của thư viện	10
4	Số lượng đầu sách trong CTĐT ngành YHCT:	
	- Lý thuyết	70
	- Thực hành:	45
5	Số lượng đầu sách tham khảo, tạp chí (<i>Y học, YHCT, thông tin Y khoa, Dược học ...</i>), e-book, trong thư viện	300
6	Thư viện điện tử liên kết trong và ngoài trường	-

4.2. Học liệu: Giáo trình, tài liệu bài giảng, sách tham khảo

TT	Tên môn học	Tên giáo trình, tài liệu bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm XB/Website
1	Triết học Mác-Lênin	Giáo trình Triết học Mác- Lênin	Bộ Giáo Dục và Đào Tạo	Chính trị Quốc gia - 2021
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Mạch Quang Thắng	Chính trị Quốc gia - 2021
3	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	Giáo trrinh Lịch sử Đảng CS Việt Nam	Bộ Giáo Dục và đào tạo	Chính trị Quốc gia - 2021
4	Tiếng Anh cơ bản 1	Critical thinking for students	Roy van den Brink - Budgen	Howtobook, United Kingdom, 2006
5	Tiếng Anh cơ bản 2	Critical thinking	Brooke Noel Moore & Richard Parker	Mc.Graw Hill, New York, 2007
6	Tiếng Anh cơ bản 3	A History of South East Asia	Cotterell	Marshall Cavendish International Asia Pte Ltd, 2014
7	Tiếng Anh chuyên ngành	Tiếng Anh chuyên ngành	TS. Vương Thị Thu Minh – Bộ Y tế	Y học, 2018
8	Tiếng Trung cơ bản 1	汉语教程(修订版)第一册,	Trần Thị Thanh Liêm,	Đại học quốc gia Hà Nội, 2017
9	Tiếng Trung cơ bản 2	汉语教程(修订版)第一册(上),	Trần Thị Thanh Liêm,	Đại học quốc gia Hà Nội, 2017
10	Tiếng Trung cơ bản 3	汉语教程(修订版)第二册,	Trần Thị Thanh Liêm,	Đại học quốc gia Hà Nội, 2016
11	Tiếng Trung chuyên ngành	Giáo trình Tiếng Trung chuyên ngành YHCT	Bùi Thị Hương Dung, Đặng Thị Bích Hợp, ĐH Y Thái Bình	Giáo dục Việt Nam, 2016
12	Tin học đại cương	Giáo trình Tin học đại cương	Trần Đình Khang	Bách khoa Hà Nội, 2021
13	Đại cương về Nhà nước và	Giáo trình Đại cương về Nhà nước và pháp	Nhiều tác giả	Đại học Quốc gia Hà Nội - 2022

TT	Tên môn học	Tên giáo trình, tài liệu bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm XB/Website
	pháp luật	luật		xem tại đây
14	Dân số học	Dân số học	Trần Chí Liêm	Y học, 2009 xem tại đây
15	Sinh học đại cương	Sinh học đại cương	Cao Văn Thu	Giáo dục, 2012 xem tại đây
16	Di truyền	Di truyền Y học	GS.TS. Trịnh Văn Bảo	Giáo dục, 2012 xem tại đây
17	Lý sinh Y học	Giáo trình Lý sinh y học	Đại học Y Hà Nội	Y học, 2018 Xem tại đây
18	Hóa học	Giáo trình Hóa học đại cương	Đại học Y Hà Nội	Bộ Y tế, 2018 Xem tại đây
19	Tin học ứng dụng	Giáo trình Tin học ứng dụng	TS Hoàng Minh Hằng	Y học, 2017 xem tại đây
20	Xác suất thống kê	Giáo trình Xác suất thống kê	TS Đặng Đức Hậu	Bộ Y tế, 2018 xem tại đây
21	Tâm lý y học- Đạo đức y học	Tâm lý y học- Đạo đức y học	Đại Học Y Dược Cần Thơ	Bộ Y tế, 2019 Xem tại đây
22	Truyền thông và giáo dục sức khỏe	Truyền thông và giáo dục sức khỏe	TS Nguyễn Văn Hiến TS Lê Thị Tài	Y học, 2017 Xem tại đây
23	Giải phẫu I, II	Giải phẫu người	Đại Học Y Hà Nội Bộ môn giải phẫu	Y học, 2018 Xem tại đây
24	Mô phôi	Mô học	PGS.TS Trịnh Bình	Y học, 2017 Xem tại đây
25	Sinh lý	Sinh lý học	GS.TS Phạm Thị Minh Đức	Bộ Y tế, 2019 Xem tại đây
26	Tiếng Trung/ Tiếng anh chuyên ngành	Giáo Trình Tiếng Trung Chuyên Ngành Y học cổ Truyền	Vương Thị Thu Minh	Giáo dục 2019/ Bộ Y tế 2020, giao-trinh-tieng-trung-chuyen-nganh-y-hoc-co-truyen-p260234382.html /Tiếng Anh chuyên ngành y/khoa.pdf

TT	Tên môn học	Tên giáo trình, tài liệu bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm XB/Website
27	Hóa sinh	Hóa sinh	GS.TS Tạ Thành Văn	Y Học, 2020 xem tại đây
28	Vi sinh	Vi sinh vật y học	Nguyễn Thị Chính	ĐHQG Hà Nội, 2023, xem tại đây
29	Ký sinh trùng	Ký sinh trùng y học		Y học, 2020 https://xuatbanyhoc.vn/ky-sinh-trung-y-hoc-b10518.html
30	Giải phẫu bệnh	Giải phẫu bệnh học	PGS.TS Nguyễn Văn Hưng	Y học, 2020 https://ebookyhoc.com/sach/giai-phau-benh-hoc-tai-ban-2020-dh-y-ha-noi/
31	Sinh lý bệnh	Sinh lý bệnh học	Bộ môn sinh lý bệnh- miễn dịch trường Đại Học Y HN	Y học, 2020 https://doctorplus.club/sach/sinh-ly-benh-hoc-yhn/
32	Miễn dịch	Miễn dịch học	GS Nguyễn Ngọc Lanh	Y học, 2006 https://ebookyhoc.com/sach/mien-dich-hoc-dh-y-ha-noi/
33	Dược lý	Dược lý học	GS.TS Đào Văn Phan	Giáo dục, 2022 https://yhocdata.com/duoc-ly-hoc-dh-y-ha-noi/
34	Lý luận cơ bản YHCT 2 tập	Giáo trình Lý luận cơ bản YHCT	Đại học Y Hà Nội	Y học, 2019 https://virad.org/pdf-bai-giang-y-hoc-co-truyen-dai-hoc-y-ha-noi/
35	Dịch tễ học	Dịch tễ học	TS. Nguyễn Trần Hiện	Y học, 2012 http://dulieuso.hmu.edu.vn/handle/hmu/926
36	Điều dưỡng cơ	Điều dưỡng cơ bản	Đại Học Y Hà	Bộ Y tế, 2019

TT	Tên môn học	Tên giáo trình, tài liệu bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm XB/Website
	bản		Nội	https://thuvienyhoc.edu.vn/2019/08/18/dieu-duong-co-ban-2-tap-bo-y-te/
37	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	Đại Học Y Hà Nội	Y Học, 2019 https://doctorplus.club/sach/bai-giang-chan-doan-hinh-anh-dh-y-ha-noi/
38	Tiền lâm sàng YHHD	Tiền lâm sàng YHHD	Đại Học Y Hà Nội	Y học, 2014 https://tuxdoc.com/download/ky-nang-tien-lam-sang-dh-y-ha-noi-truong-dh-y-khoa-vinh-vmu-5_pdf
39	Nội cơ sở	Triệu chứng học nội khoa 2 tập	GS.TS Ngô Quý Châu	Y học, 2020 Tập 1 xem tại đây Tập 2 xem tại đây
40	Ngoại cơ sở	Triệu chứng học ngoại khoa	PGS.TS. Hà Văn Quyết	Y học, 2020 xem tại đây
41	Phụ sản YHHD	Bài giảng Sản phụ khoa 2 tập	GS. Dương Thị Cương	Y học, 2020 Tập 1 xem tại đây Tập 2 xem tại đây
42	Nhi YHHD	Bài giảng Nhi khoa 2 tập	Bộ môn nhi Đại Học Y Hà Nội	Y học, 2020 Tập 1 xem tài liệu Tập 2 xem tại đây
43	Nội bệnh lý YHHD	Bệnh học Nội khoa 2 tập	GS.TS Ngô Quý Châu	Y học, 2020 Tập 1 xem tại đây Tập 2 xem tại đây
44	Ngoại bệnh lý YHHD	Bài giảng bệnh học Ngoại khoa	Bộ môn ngoại Đại học Y HN	Y học, 2020 xem tại đây
45	Nội bệnh lý YHCT	Bài giảng Y học cổ truyền 2 tập	Đại học Y Hà Nội	Y học, 2020 xem tại đây
46	Bệnh học ngoại YHCT	Bệnh học ngoại- phụ YHCT	Đại học Y Hà Nội	Y học, 2020 xem tại đây

TT	Tên môn học	Tên giáo trình, tài liệu bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm XB/Website
47	Bệnh học phụ YHCT	Bệnh học ngoại- phụ YHCT	Đại học Y Hà Nội	Y học, 2020 https://ebookyhoc.com/sach/san-phu-khoa-y-hoc-co-truyen-dh-y-ha-noi/
48	Bệnh học nhi YHCT	Bài giảng Y học cổ truyền	Đại học Y Hà Nội	Y học, 2020 https://ebookyhoc.com/sach/san-phu-khoa-y-hoc-co-truyen-dh-y-ha-noi/
49	Lao	Giáo trình bệnh học Lao	Đại học Y Hà Nội	Y học, 2015 xem tại đây
50	Da liễu YHHD	Da liễu học	PGS.TS Phạm Văn Hiến	Y học, 2020 XEM TẠI ĐÂY
51	Phục hồi chức năng	Phục hồi chức năng	GS.TS Nguyễn Xuân Nghiên	Y học, 2020 xem tại đây
52	Thần kinh	Thần kinh học	PGS.TS Nguyễn Văn Chương	Y học, 2000 https://metaisach.com/thuc-hanh-lam-sang-than-kinh-hoc/
53	Hồi sức cấp cứu	Hồi sức cấp cứu toàn tập	GS.Vũ Văn Đỉnh; Nguyễn Quốc Anh	Y học, 2020 xem tại đây
54	Răng hàm mặt	Bài giảng Răng hàm mặt	Bộ môn Răng hàm mặt Đại Học Y Hà Nội	Y học, 2020
55	Mắt	Nhãn khoa	PGS.TS Hoàng Thị Phúc	Bộ Y tế, 2019
56	Tai mũi họng	Tai mũi họng	Đại Học Y Hà Nội	Giáo dục, 2019
57	Truyền nhiễm	Bệnh học Truyền nhiễm	Đại Học Y Hà Nội	Y học, 2018
58	Tâm thần	Tâm thần học	TS.Lê Đình Sáng	Y học, 2018 xem tại đây
59	Dị ứng và	Dị ứng và miễn dịch	PGS.TS Phan	Giáo dục, 2019

TT	Tên môn học	Tên giáo trình, tài liệu bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm XB/Website
	miễn dịch lâm sàng	lâm sàng	Quang Đoàn	<u>xem tại đây</u>
60	Ung thư	Bài giảng Ung thư học	Bộ môn ung thư trường Đại Học Y Hà Nội	Y học, 2018 <u>xem tại đây</u>
61	Chương trình y tế quốc gia	Chương trình y tế quốc gia	Đại Học Y Hà Nội	Giáo dục, 2019
62	Tác phẩm kinh điển về YHCT Việt Nam	Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác Hải Thượng Y tông tâm lĩnh	Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác	Y học, 2018
63	Thực vật dược	Thực vật dược	PGS.TS. Trần Văn Ôn, TS. Hoàng Quỳnh Hoa	Y học, 2022 https://xuatbanyhoc.vn/thuc-vat-duoc-giao-trinh-danh-cho-sinh-vien-dai-hoc-b11085.html
64	Chế biến dược liệu	Chế biến dược liệu	PGS.TS.DS. Nguyễn Phương Dung	Y học, 2022 https://123docz.net/document/4115562-che-bien-duoc-lieu-sach-dao-tao-bac-si-y-hoc-co-truyen.htm
65	Thuốc YHCT	Giáo trình Đông dược YHCT	PGS.TS Trương Việt Bình	Y học, 2010 https://giao-trinh-dong-duoc-yhct-160
66	Phương tễ	Phương tễ học	PGS.TS Nguyễn Nhượng Kim	Y học, 2010 https://doctorplus.club/sach/phuong-te-hoc-sach-dao-tao-bsyhct-bo-y-te/
67	Xoa bóp YHCT – Dưỡng sinh	Châm cứu và các phương pháp không dùng thuốc	PGS.TS Nguyễn Nhượng Kim	Y học, 2010
68	Châm cứu học	Châm cứu và các	PGS.TS Nguyễn	Y học, 2010

TT	Tên môn học	Tên giáo trình, tài liệu bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm XB/Website
		phương pháp không dùng thuốc	Nhuộc Kim	
69	Bệnh học Lão khoa YHCT	Lão khoa YHCT	PGS.TS Phạm Vũ Khánh	Bộ Y tế, 2018 https://thuvienyhoc.edu.vn/2019/08/30/lao-khoa-y-hoc-co-truyen-bo-y-te/
70	Ngũ quan YHCT	Bệnh học Ngũ quan YHCT	Khoa YHCT Đại Học Y Hà Nội	Y học, 2010 https://thuvienyhoc.edu.vn/2019/08/30/benh-ngu-quan-y-hoc-co-truyen-dh-y-ha-noi/
71	Da liễu YHCT	Bệnh ngoài da YHCT	Khoa YHCT Đại học Y HN	Y học, 2010
72	Ôn bệnh	Ôn bệnh	Khoa YHCT Đại học Y HN	Y học, 2010
73	Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm	Giáo trình dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm	Đại Học Y Hà Nội	Y học, 2010
74	Tổ chức và quản lý Y tế	Tổ chức và quản lý Y tế	Đại Học Y Hà Nội	Y học, 2010

PHẦN 5. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NHÂN VIÊN HỖ TRỢ

5.1. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình đào tạo

5.1.1. Danh sách giảng viên cơ hữu

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng, ngành đào tạo	Kinh nghiệm giảng dạy *	Học phần sẽ giảng dạy
1	Phùng Đắc Cam	1945	GS TSKH, Y học	40	Vi sinh Nghiên cứu khoa học
2	Phạm Xuân Sinh	1942	GS, Dược học	40	Dược cổ truyền Đạo đức hành nghề Dược
3	Vũ Thị Minh Thục	1949	GSTSKH, Y học	40	Sinh lý bệnh- Miễn dịch Nghiên cứu khoa học
4	Phạm Văn Trịnh	1942	PGS, YHCT	40	Lý luận cơ bản YHCT, Tác phẩm kinh điển YHCT, Dược cổ truyền
5	Dương Trọng Hiếu	1943	PGS, YHCT	40	Lý luận cơ bản YHCT, Tác phẩm kinh điển YHCT, Bệnh học YHCT
6	Lê Văn Khang	1942	PGS, Y học	40	Dị ứng Miễn dịch lâm sàng
7	Lê Đức Ngọc	1942	PGS, Y học	40	Hóa sinh
8	Hồ Bá Do	1948	PGS, Y học	40	Bệnh học
9	Lê Xuân Hùng	1952	PGS, Y học	40	Ký sinh trùng
10	Đỗ Tuấn Anh	1966	PGS, Y học	35	Bệnh học
11	Nguyễn Thái Sơn	1965	PGS, Y học	35	Vi sinh
12	Lê Hải Lê	1960	PGS, Hóa học	35	Hóa vô cơ Hóa hữu cơ
13	Trần Quốc Toàn	1975	TS, Dược học	15	Thực vật dược Dược liệu 1,2,3 Dược cổ truyền
14	Cao Đức Hy	1942	BSCKII	40	Bệnh học YHHĐ
15	Tiêu Văn Chiến	1966	TS, YHCT	20	Lý luận YHCT, Phương tế, Thuốc YHCT, Bệnh học YHCT
16	Nguyễn Trí Dũng	1942	TS, Y học	40	Hóa sinh
17	Lê Văn Huỳnh	1958	TS, Hóa học	40	Hóa lý dược; Hoá ĐC vô cơ; Hoá Hữu cơ; Hóa phân tích 1; 2

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng, ngành đào tạo	Kinh nghiệm giảng dạy *	Học phần sẽ giảng dạy
18	Nguyễn Trí Hạnh	1946	TS, Dược học	40	Hóa dược Tiêu chuẩn Thực hành tốt về dược (GPs)
19	Trương Quang Dũng	1942	BSCCKII, Y học	40	Dược lý 1;2 Dược lâm sàng
20	Phạm Việt Hoàng	1959	TS, YHCT	30	Lý luận YHCT, Phytomedicine, Thuốc YHCT, Bệnh học YHCT
21	Trần Tổ Dung	1942	TS, Y học	40	Răng hàm mặt
22	Thái Hỷ Thìn	1940	BSCCKII, Y học	40	Ngoại khoa YHHD
23	Nguyễn Văn Khoan	1944	TS, Y học	40	Giải phẫu- sinh lý
24	Lê Văn Quảng	1958	Ths. Y học	35	Quản lý chương trình
25	Phạm Văn Báo	1962	DSCKI, Dược học	35	Bào chế và sinh học dược 1,2 Kinh tế doanh nghiệp dược
26	Dương Thị Mai Hương	1964	BSCKI, Y học	25	Chẩn đoán hình ảnh, Bệnh học nội khoa
27	Nguyễn Hải Niên	1962	ThS Y học		KT Chẩn đoán hình ảnh,
28	Lương Đức Thắng	1970	BSCCKII	30	KT Chẩn đoán hình ảnh,
29	Nguyễn Thành An	1962	BSCCKII	30	KT Chẩn đoán hình ảnh,
30	Lê Văn Sang	1965	TSYH	30	KT Chẩn đoán hình ảnh,
31	Lê Anh Đức	1970	TSYH	30	KT Chẩn đoán hình ảnh,
32	Lại Thị Nhật Tân	1968	Ths, Dược học	15	Hóa dược 1;2 Quản lý kinh tế dược
33	Nguyễn Mai Anh	1964	Ths, Dược học	20	Dịch tễ dược SX công nghiệp dược
34	Nguyễn Thị Hòa	1955	Ths, Dược học	25	Thực vật dược, Dược liệu
35	Nguyễn Minh Lộc	1985	Ths, YTCC	10	Dịch tễ dược Kỹ năng giao tiếp
36	Phùng Thị Hương Giang	1987	Ths, Dược học	07	Dược liệu SX thuốc từ dược liệu
37	Trần Mai Hương	1949	DSCKI, Dược học	30	Mỹ phẩm và thực phẩm chức năng

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng, ngành đào tạo	Kinh nghiệm giảng dạy *	Học phần sẽ giảng dạy
					Quản lý kinh tế dược
38	Phạm Hồng Châu	1949	DSCKI, Dược học	30	Dược lâm sàng Dược động học
39	Bùi Văn Thắng	1958	Ths, Y học	30	Mô phôi
40	Lê Hải Yến	1966	Ths, Y học	30	Vi sinh
41	Nguy Đình Hoàn	1982	ThS, XNYH		Hóa sinh, MD, Vi sinh
42	Nguyễn Tuyết Hạnh	1962	Ths, Dược học	30	Bào chế Pháp chế dược Dược xã hội học
43	Nguyễn Đình Vũ	1973	Ths, YHCT	15	Lý luận YHCT, Chăm cứu, Các phương pháp điều trị không dùng thuốc, Bệnh học và điều trị ngoại YHCT
44	Nguyễn Thị Loan	1970	Ths, YHCT	15	Lý luận YHCT, Phương tễ 1,2, Thuốc YHCT, Bào chế thuốc YHCT, Bệnh học và điều trị nội YHCT
45	Nguyễn Xuân Huyền		Ths, Y học	30	Bệnh học YHHĐ
46	Đoàn Thị Nguyên		Ths, XN	25	Vi sinh, Ký sinh trùng
47	Phạm Quang Huy	1993	Ths, YHCT	5	Xoa bóp bấm huyệt
48	Phạm Việt Hoàng	1958	TS, YHCT	25	Chăm cứu, Bệnh học và điều trị nội YHCT, Phương tễ 1,2
49	Lê Đại Hoàng	1993	Ths, YHCT	3	Chăm cứu, Bệnh học và điều trị nội YHCT, Phương tễ 1,2
50	Trương Đức Thành	1959	BSCKII, Y học	30	Bệnh học nội khoa YHHĐ
51	Nguyễn Thị Hà	1995	Ths, YHCT	3	Bệnh học và điều trị ngoại YHCT, Lý luận YHCT, Phương tễ, Thuốc YHCT

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng, ngành đào tạo	Kinh nghiệm giảng dạy *	Học phần sẽ giảng dạy
52	Hồ Thị Hiền	1988	Ths, YHCT	10	Bệnh học và điều trị Sản YHCT, Bệnh học và điều trị Lão YHCT, Phương tể 1,2, Châm cứu.
53	Trần Ngọc Xuân	1992	Ths Y học	5	Nhi YHHĐ,
54	Nguyễn Thị Hòa	1964	Ths, Anh ngữ	20	Tiếng Anh cơ bản, chuyên ngành
55	Ngô Danh Lục	1961	TS, YHCT	30	Bệnh học và điều trị Lão YHCT, Lý luận YHCT, Phương tể, Thuốc YHCT, Bệnh học và điều trị Ngoại YHCT
56	Nguyễn Thị Quế		TS, YHCT	30	Bệnh học và điều trị sản YHCT, Lý luận YHCT, Phương tể, Thuốc YHCT
57	Trần Danh Khởi	1982	Thạc sĩ/ Y sinh YH	15	Hóa sinh, MD, Vi sinh

5.1.2. Danh sách các giảng viên thỉnh giảng

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng, ngành đào tạo	Kinh nghiệm giảng dạy*	Học phần sẽ giảng dạy
1	Phạm Hồng Minh	1981	Ths	10	Thực vật dược
2	Hoàng Thị Hằng	1990	Ths, Y học	10	Vi sinh
3	Nguyễn Văn Khiêm	1968	TS, Y học	15	Sinh học
4	Vũ Thị Trang	1992	Ths, Y học	10	Lao, Truyền nhiễm
5	Hoàng Văn Vinh	1980	TS, Sinh học	15	Sinh học
6	Phùng Thế Khang	1991	ThS	10	Giải phẫu bệnh, Mô phôi
7	Nguyễn Thị Hồng Nhung	1979	Ths, Y học	15	Sinh lý bệnh, Miễn dịch
8	Nguyễn Thị Phương Cúc	1990	Ths, Y học	10	Mô phôi
9	Nguyễn Hằng Lan	1966	TS, Y học	25	Bệnh học YHHĐ, Sinh lý
10	Trần Thị Hà	1991	Ths, Y học	10	KST, Sinh lý bệnh, MD
11	Bùi Thị Vân	1991	Ths, Y học	10	Hóa sinh
12	Nguyễn Thị Thu Hiền	1991	TS, Y học	10	Sinh lý
13	Phạm Văn Kiên	1982	Ths, Hóa	10	Hóa
14	Hoàng Thị Hậu	1991	Ths, Y học	8	KST, Sinh lý bệnh, MD
15	Nguyễn Thị Thu Trang	1984	Ths, Dược học	10	Bào chế, SXCNdược, Marketing
16	Ngô Thị Hương Giang	1984	Ths, Y học	10	Y học cơ bản
17	Đỗ Tiến Sơn	1992	Ths, Y học	8	Nhân khoa
18	Lê Thị Duyên	1985	Ths, Dược học	10	Dược lý – dược lâm sàng
19	Trần Thị Nhung	1981	Ths, Điều dưỡng	15	Điều dưỡng cơ bản
20	Phùng Thị Hồng Vân	1982	TS, Vật lý	15	Vật lý– lý sinh
21	Trần Thị Huyền	1990	Ths, Y học	10	Y học cơ sở
22	Cao Thị Vân Anh	1976	Ths, Y học	15	Tai – mũi – họng

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng, ngành đào tạo	Kinh nghiệm giảng dạy*	Học phần sẽ giảng dạy
23	Lê Thị Ánh Tuyết	1983	Ths, Y học	05	Da liễu
24	Nguyễn Phạm Thu Mỹ	1987	Ths, Y học	10	Lý luận YHCT, Phương tễ, Thuốc YHCT, Châm cứu
25	Nguyễn Hữu Việt	1990	Ths, Y học	10	Hồi sức cấp cứu, Bệnh học Nội YHHĐ
26	Trịnh Hồng Hà	1971	BS. CKII, Y học	20	Răng hàm mặt
27	Phạm Thủy Phương	1974	TS, YHCT	20	Lý luận YHCT, Phương tễ, Thuốc YHCT, Châm cứu
28	Lê Thu Hiền	1995	ThS, YHCT	03	Bệnh học và điều trị Ngoại YHCT, Phương tễ 1,2. Thuốc YHCT
29	Nguyễn Phương Thảo	1995	ThS, YHCT		Bệnh học và điều trị Ngoại YHCT, Phương tễ 1,2. Thuốc YHCT
30	Nguyễn Việt Anh	1995	ThS, YHCT	03	
31	Trương Anh Tuấn	1980	TS	05	Phục hồi chức năng, Ung thư, Nội YHHĐ, Châm cứu.
32	Chử Lương Huân	1995	ThS, YHCT	03	Bệnh học và điều trị Nội YHCT, Phương tễ 1,2. Thuốc YHCT
33	Nguyễn Tiến Đạt	1995	ThS, YHCT	05	Bệnh học và điều trị Nội YHCT, Phương tễ 1,2. Thuốc YHCT
34	Nguyễn Trường Nam	1987	TS, YHCT	10	Tác phẩm kinh điển YHCT Việt Nam, Tác phẩm kinh điển YHCT Trung Quốc, Lý luận cơ bản

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng, ngành đào tạo	Kinh nghiệm giảng dạy*	Học phần sẽ giảng dạy
					YHCT, Chẩn đoán học YHCT.

5.1.3. Cố vấn học tập

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng, ngành đào tạo	Kinh nghiệm giảng dạy	Thông tin liên lạc(email,sđt...)
1	Nguyễn Thị Loan	1970	Thạc sĩ/ Y học cổ truyền	15	bsnguyenloanydtd2023@gmail.com / 0979248098
2	Phùng Thị Hương Giang	1987	Thạc sĩ/ Dược học	10	huonggiang2605@gmail.com 0982945446
3	Nguyễn Đình Vũ	1973	Thạc sĩ/ Y học cổ truyền	15	ndvu1973@gmail.com , 0915419169
4	Trần Hải Ưng	1962	Thạc sĩ/ Dược học	20	tranhaiung1962@gmail.com 0394 860 645
5	Nguyễn Đình Hoàn	1981	Thạc sĩ/ XNYH	10	ndh2993@gmail.com , 0904 447 020
6	Nguyễn Thị Hà	1995	Thạc sĩ/ Y học cổ truyền	03	hak9ydct@gmail.com , 0334316218

5.2. Nhân viên hỗ trợ

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng, ngành ĐT	Thông tin liên lạc(email,sđt...)
1	Trần Quỳnh Đức	1970	CN	tranquynhduc1970@gmail.com
2	Bùi Thị Diễm	2000	CN/ XNYH	0981869284 Buidiem07102000@gmail.com

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng, ngành ĐT	Thông tin liên lạc(email,sđt...)
3	Đỗ Thị Hậu	2000	DS/ Dược học	0961549640 haudo2610@gmail.com
4	Phùng Thị Linh Giang	2000	CN/ XN Y học	0962062320, phungthilinhgiang210920@gmail.com
5	Nguyễn Thị Nguyệt	1983	DS/ Dược học	0377112986 <u>nguyennguyetanh290183@gmail.com</u>
6	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	1999	CN/ Điều dưỡng	0865786132 nguyenthingoctrinh180899@gmail.com
7	Nguyễn Thị Thu Hường	1980	CN/ Tài chính KT	0869391899
8	Nguyễn Thị Ngọc Mai	1999	DS/ Dược học	0347246234 nguyenthingocmaivtacl@gmail.com
9	Đặng Thị Hằng	1999	DS/ Dược học	0396453929 danghang9991@gmail.com
10	Trần Đức Quang	1991	DS/ Dược học	0966990660 ducquang1706@gmail.com

PHẦN 6. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo này được áp dụng từ kỳ tuyển sinh 2025 – 2026 cho sinh viên ngành Y học cổ truyền.

Quá trình đào tạo dựa trên chương trình giảng dạy được thiết kế, mục tiêu đào tạo và đối tượng hướng đến, yêu cầu nguồn nhân lực và những yêu cầu riêng cho đào tạo. Với những học phần tự chọn, tùy thuộc vào tình hình thực tế của xu thế phát triển, nhu cầu xã hội, khoa sẽ tư vấn cho người học lựa chọn những môn học thích hợp.

Trường khoa chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời, thỏa mãn được nhu cầu của người học và xã hội. Dựa trên đề cương chi tiết các học phần, kinh phí cho thực hành, thực tập và tăng cường trang thiết bị, máy móc, thiết bị thí nghiệm cho mỗi học phần và toàn bộ khóa học, trường các bộ phận liên quan sẽ phải kiểm tra, đánh giá và trình Hiệu trưởng phê duyệt.

Chương trình đào tạo được rà soát và cập nhật định kỳ 2 - 3 năm/lần, hoặc khi có bất kỳ sự cần thiết phải cập nhật để đáp ứng các mục tiêu và tiêu chuẩn mới. Khoa sẽ nộp bản báo cáo cho Nhà trường để xem xét và giải quyết theo quy định hiện hành.

Chương trình thực hiện theo kế hoạch giảng dạy, theo các quy định và quy chế đào tạo các trình độ giáo dục đại học của Bộ GD&ĐT và của Trường Đại học Thành Đông.

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Lê Văn Hùng

TRƯỞNG KHOA

GS. TSKH Phùng Khắc Cam